

HUỶNH MINH

BẠC LIÊU XƯA

Loại sách Sơ Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



Tựa sách : BẠC LIÊU XƯA
Tác giả : HUỖNH MINH
Nhà xuất bản : THANH NIÊN
Năm xuất bản : 2002

Nguồn sách : Diễn đàn TVE-4U
Đánh máy : vqsvietnam, sakura2808
Kiểm tra chính tả : Lotus, bichdinh, HacLongNinhKieu, Thư Võ
Biên tập ebook : Thư Võ
Ngày hoàn thành : 11/11/2017

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

Cảm ơn tác giả HUỖNH MINH đã chia sẻ kiến thức đến người đọc

MỤC LỤC

BẢN ĐỒ TỈNH LÝ BẠC LIÊU

LỜI NÓI ĐẦU

BIÊN TẬP ĐẠI Ý

Phần thứ nhất : BẠC LIÊU QUA CÁC THỜI ĐẠI

LỊCH SỬ BẠC-LIÊU

TRÁI 142 NĂM (1740-1882) TỪ HUYỆN TRẦN DI ĐẾN TỈNH BẠC LIÊU

TÌM HIỂU DANH TỪ BẠC LIÊU

BẠC LIÊU TRÁI QUA CUỘC BIẾN LOẠN

- 1) LOẠN HOA KIỀU PHỦ LIÊM
- 2) CUỘC NỔ LOẠN CỦA NGƯỜI MIÊN TIA, SUM
- 3) NGƯỜI MINH HƯƠNG VÀ THIÊN ĐỊA HỘI
- 4) LOẠN LÂM LÂM

NHỮNG THẮNG TRẦM, BIẾN CHUYỂN CỦA BẠC LIÊU

BỘ MẶT BẠC LIÊU HIỆN THỜI

Phụ Biên : CÀ MAU

NĂM CĂN : MỘT TRONG SÁU QUẬN NỔI TIẾNG CỦA CÀ MAU

Phần thứ nhì : DANH NHÂN BẠC LIÊU – CÀ MAU

I. HỒ TƯỚNG DƯƠNG CÔNG TRỪNG

2. NGÔ CÔNG QUÝ : TẬN TRUNG GIÚP CHÚA

3. TRẦN PHƯỚC CHẤT : MỘT VÕ TƯỚNG THEO CHƠN CHÚA NGUYỄN

4. NGÔ VĂN LỰU : BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG

5. NGUYỄN HIỀN NĂNG : TRI HUYỆN NỔI TIẾNG THANH
LIÊM MÃN CÁN LỪNG DANH « THẦN MINH »

6. NGUYỄN VĂN ĐỨC : TIỀN HIỀN KHAI ẤP, LẬP XÃ VIÊN AN

7. TÔ XUÂN : VỊ TU SĨ NỔI DANH Ở QUAN ÂM CỐ TỰ

8. ANH EM HỌ ĐỖ - ĐỖ THỪA LUÔNG, ĐỖ THỪA TỰ OANH
LIỆT CHỐNG QUÂN PHÁP

9. NGUYỄN THỊ NƯƠNG, MỘT TIẾT PHỤ ĐƯỢC VUA THIỆU
TRỊ TƯỜNG THƯỜNG

TẠM KẾT

Phần thứ ba : ĐỊA DANH, GIAI THOẠI VÀ HUYỀN SỬ

ĐỊA DANH

TÌM HIỂU TỪ CHỈ TÊN CÁC QUẬN

VĨNH CHÂU LÀ GÌ ?

HAI TIẾNG GIÁ RAI

NĂM CĂN TỪ ĐÂU MÀ CÓ ?

GIAI THOẠI

« CÔNG TỬ BẠC LIÊU » DO ĐÂU MÀ NỔI TIẾNG ?

CHUYỆN BÀ MỤ TRỜI ĐỖ SANH CHO CỌP TẠI RỪNG CÀ
MAU

MIẾU BÀ CỐ LINH THIÊNG VỚI QUAN CHÁNH THAM
BIỆN NGƯỜI PHÁP

MIẾU BÀ MÃ CHÂU (CÀ MAU)

HUYỀN SỬ

CHUYỆN CÁ SẤU CỨU CHÚA TÔI NGUYỄN ÁNH ĐƯỢC
PHONG CHỨC LANG LAI ĐẠI TƯỚNG QUÂN

NGUỒN GỐC AO NGỰ VÀ ẤP GIÁ NGỰ

Bên lề lịch sử : KINH CẠNH ĐỀN ẤP CẠNH ĐỀN

KINH CHẮC BĂNG VỚI NGUYỄN ÁNH

Phần thứ tư : DI TÍCH – THẮNG CẢNH – CỔ TỤC

DI TÍCH LỊCH SỬ : BẠC LIÊU VỚI VUA GIA LONG

1) ĐỒN BINH TRÊN CỬA SÔNG MỸ THANH VÀ NGÔI MỘ CỦA MỘT CÔNG NƯƠNG NHÀ NGUYỄN NƠI LÀNG TÂN KHÁNH

2) SÔNG ÔNG ĐỐC : ĐỐC BINH HỌ HỖNH ĐÃ LIÊU THÂN CỨU NGUY CHO CHÚA NGUYỄN ÁNH, NAY CÒN LƯU DANH VÙNG QUẬN SÔNG ÔNG ĐỐC.

3) NHỮNG CƠ SỞ ĐỒN ĐIỀN DO KINH LƯỢC SỨ NGUYỄN TRI PHƯƠNG THIẾT LẬP

4) CHÙA VĨNH TRIỀU MINH TRONG QUẬN VĨNH LỢI

5) NGÔI CHÙA MIÊN BOUTHLET

6) CHÙA VĨNH PHƯỚC AN VÀ CHÙA TAM SƠN QUỐC VƯƠNG HAY CHÙA CÂY ME

7) NGÔI MỘ CỔ CỦA ÔNG ĐÀO CHÂU THÁI VÀ NGHĨA ĐỊA BINH SĨ THỜI GIA LONG TẤU QUỐC

8) DI TÍCH MỘT CHIẾC THUYỀN NGỰ CỦA CHÚA NGUYỄN ÁNH TẠI RỪNG NĂM CĂN

9) MIẾU HỘI ĐỒNG VÀ MIẾU HẢI LINH

10) ĐÌNH THẦN TÂN HƯNG, VỊ BỔN CẢNH THÀNH HOÀNG ĐƯỢC NHÂN DÂN SÙNG PHỤNG, VUA TỰ ĐỨC BAN SẮC PHONG THẦN.

11) MIẾU CÔNG THẦN

ĐIỀU ĐÌNH - SÂN CHIM LỚN NHẤT VÀO THỜI XƯA MỘT NGUỒN LỢI THIÊN NHIÊN ĐÁNG KỂ Ở CÀ MAU

MỘT GỐC KIẾNG THỤ SỐNG TRÊN THẾ KỶ TẠI BẠC LIÊU

CHIẾC ĐỒNG HỒ XƯA KHÔNG MÁY XÂY BẰNG GẠCH,
HIỆN CÒN DI TÍCH Ở BẠC LIÊU

CỔ TỤC

CỔ TỤC CỦA NGƯỜI MIÊN TẠI BẠC LIÊU

MỘT VÀI CỔ TỤC CỦA ĐỒNG BÀO ĐỊA PHƯƠNG

THẮNG CẢNH BẠC LIÊU

BÃI BIỂN VĨNH CHÂU VÀ CỬA BIỂN MỸ THANH

HÒN CHUỐI VÀ HÒN ĐÁ BẠC

Phần thứ năm : VẼ ĐẸP BẠC LIÊU – CÀ MAU QUA THI CA

BẠC LIÊU QUA BỘ MÔN SÂN KHẤU KỊCH TRƯỜNG

QUÊ HƯƠNG SẢN XUẤT CỦA BẢN VỌNG CỔ

CÁC NHẠC SƯ TÊN TUỔI

SOẠN GIẢ NỔI TIẾNG

NAM NỮ CA KỊCH SĨ LỪNG DANH

VẼ ĐẸP BẠC LIÊU CÀ MAU QUA THI CA

NHỮNG THỔ SẢN ĐỊA PHƯƠNG DANH TIẾNG QUA CA
DAO

ĐƯỜNG XUÔI HẬU GIANG VỀ TỈNH MUỐI

TRÊN ĐƯỜNG PHỤC HƯNG KIẾN THIẾT

KINH TẾ

NGUỒN LỢI KINH TẾ ĐẦY HỨA HẸN

VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ BẠC LIÊU TRÊN ĐƯỜNG PHỤC
HƯNG KIẾN THIẾT

NÔNG LÂM SÚC : TIẾN TRIỂN ĐỒNG ĐỀU

GIAO THÔNG : MỞ RỘNG ĐƯỜNG SÁ

Y TẾ : SỨC KHỎE DÂN CHÚNG ĐƯỢC BẢO VỆ

CÁC GIÁO PHÁI HIỆN HỮU

GIÁO PHÁI TU TĂNG KHẤT SĨ

TÌNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỌC NAM VIỆT VÀ CƯ SĨ LÂM
CỦA NGƯỜI HOA KIỀU

CÔNG GIÁO TIN LÀNH

CAO ĐÀI LƯỠNG PHÁI TIỀN GIANG VÀ HẬU GIANG

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

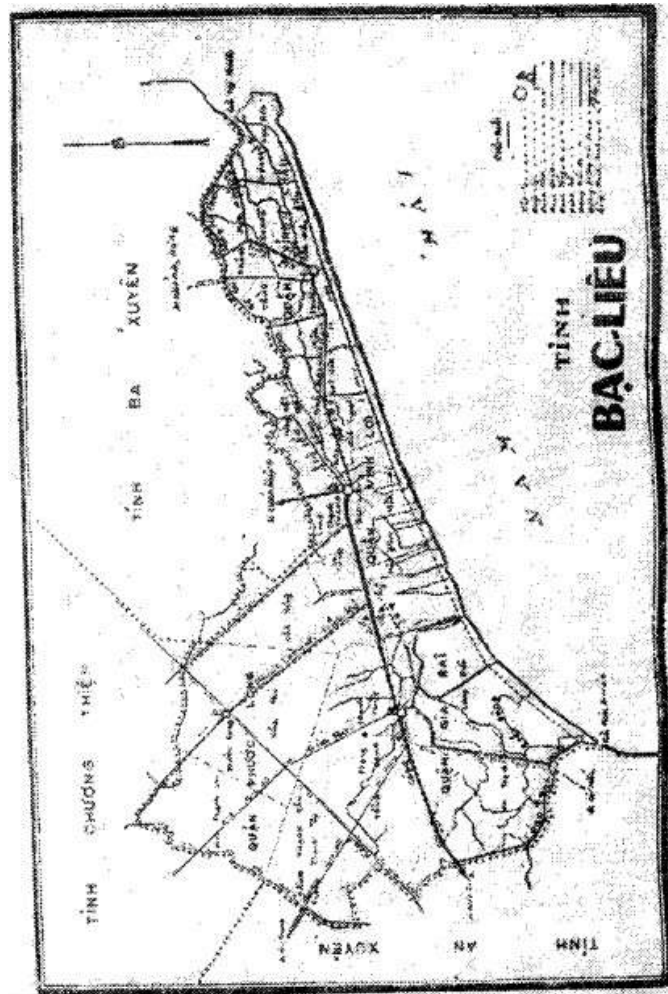
TỔNG KÊ CÁC CƠ SỞ THỜ PHƯỢNG

MỘT NGÔI CHÙA ĐẶC BIỆT CỦA HOA KIỀU

TỔNG KẾT

HUỶNH MINH
TÌM HIỂU DANH LAM THẮNG TÍCH
CÁC TỈNH MIỀN NAM
BẠC LIÊU XƯA
LOẠI SÁCH SƯU KHẢO
NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN 2002

BẢN ĐỒ TỈNH LÝ BẠC LIÊU



LỜI NÓI ĐẦU

Tìm hiểu non sông đất nước vẫn là nguyên động lực thúc đẩy bồi dưỡng tinh thần yêu nước mà mỗi công dân không thể không biết đến. Có biết mới yêu, có hiểu mới rõ cảm xúc thấm thía, lòng yêu mới đậm đà thăm thiết.

Nói rằng yêu nước, mà không hiểu gì hay chỉ hiểu biết mơ hồ về non sông quốc thổ, công nghiệp tiền nhân, nếp sống của đồng bào ruột thịt quê hương, chẳng là một khuyết điểm lớn sao ? Tuy nhiên, không phải ai ai cũng có phương tiện và cơ hội đi khắp đó đây. Phần đông chúng ta đều bị đời sống buộc ràng, có người suốt đời không ra khỏi lũy tre xanh, hay giới ranh của đô thị.

Để bù lại, duy chỉ còn cách tìm đọc sách báo.

Nhưng đọc gì bây giờ ?

Nhan nhân truyện kiếm hiệp, liêu trai, tiểu thuyết rẻ tiền. Loại sách sưu khảo hữu ích thì thưa vắng góp mặt trên thị trường buôn bán chữ, vì loại sách này đòi hỏi nơi người viết nhiều học thức lẫn công phu, mà thù tạc lại không bao nhiêu lợi lộc.

Nếu ở đời, ai ai cũng đặt lợi lộc lên trên trước hết, thôi còn chi nữa mà mong ? !

Chúng tôi một nhóm nhân văn ký giả nghèo tiền nhưng không nghèo tâm chí, nhận thấy chỗ khiếm khuyết cần được bồi bổ trong nền văn học quốc gia, muốn đáp ứng sự đòi hỏi của một số đồng bào thật lòng yêu nước, sau mấy phen phiêu lưu đầy huyết lệ đã nhận chân được đâu là nguồn sống và phát triển của dân tộc, chúng tôi không ngần ngại lãnh làm cái công việc vừa khó khăn vừa bạc bẽo : sưu tầm khảo cứu và xuất bản loại sách tìm hiểu danh lam, thắng cảnh và nhân vật nước non nhà.

Khởi đầu với cuốn « ĐỊA LINH NHƠN KIẾT » về tỉnh Kiến Hòa, mà mặc dầu có nhiều khuyết điểm vẫn gặp được sự cảm thông và hoan nghinh nhiệt liệt của báo chí và các giới đồng bào khuyến khích, hôm nay chúng tôi tiếp tục giới thiệu với quý bạn đọc thân mến : tỉnh Bạc Liêu qua các thời đại, và rồi sẽ lần lượt đến tỉnh Định Tường, Cần Thơ, Kiên Giang, Ba Xuyên, Bình Dương, Long An, Biên Hòa v.v...

Đường xa gánh nặng, công trình e quá sức chúng tôi chẳng ?

Chúng tôi cũng tự lượng sức mình không thể nào « đội đá vá trời ». Nhưng nếu cứ ngồi một chỗ mà ngại nói e sông thì không bao giờ có công việc gì khởi sự.

Cứ đi rồi sẽ tới !

Và, chúng tôi tin rằng dầu chúng tôi có mệt mỏi giữa đường, sẽ có những người bạn đồng hành đồng chí khác cứ tiến lên, nâng cao ngọn đuốc tinh thần bất khuất của dân tộc.

HUỲNH MINH

BIÊN TẬP ĐẠI Ý

CÂY có cội mới nở ngành xanh ngọn.

NƯỚC có nguồn mới bể rộng sông sâu.

*Lịch sử loài người, dân tộc, đất đai sông núi đã có trên quả đất này.
Tất cả vạn vật đều do thượng đế dựng nên.*

Chúng ta đã sanh làm người dân tộc Việt sống trong bản dư đồ chữ S từ Nam Quan chí mũi Cà Mau, há chẳng niệm công ân tổ tiên đã gian lao khổ nhọc gầy dựng nên mà lưu lại hậu thế ? Thiết tưởng chúng ta phải cần biết đất đai, tình lý xứ sở làng mạc của mình có những gì, do ai khai sáng, đồng bào dân chúng sống như thế nào ? Tài nguyên kinh tế có trù phú hay không ? Sự tiến bộ qua mỗi thời đại ra sao, điều ấy rất quan trọng và cũng là điều tối cần cho những ai mang dòng máu Tiên rồng, bốn ngàn năm vạn hiến kết tinh.

Ngày nay thế hệ chúng ta ở vào thời đại nguyên tử, vật chất bao trùm, ánh sáng khoa học tây phương càng ngày càng bành trướng khắp thị thành lẫn thôn quê. Văn hóa ngoại lai tràn ngập : tiểu thuyết rẻ tiền, phim cao bồi, kiếm hiệp, chưởng, đảo hải di sơn, v.v... Một số thanh niên nam nữ bị đầu độc, hư thân mất nết, bán lương tâm, mờ tối lương tri, chạy theo dục lạc của thế hệ kim tiền không còn giữ được đạo nghĩa gia phong thuần túy, dường như đặc tính của người Việt mất hẳn. Từ tiếng nói, giọng cười cũng đổi, cơ đồ họ muốn quên cả tiếng mẹ đẻ nữa là khác.

Ai là người yêu quê hương đất tổ, mến trọng nghĩa nhân, bảo tồn dân tộc tính, thấy vậy không khỏi đau lòng, e ngại một ngày kia sẽ mất hẳn hết ! ! ! Vì lẽ ấy, chúng tôi tìm qua phần lịch sử của mỗi tỉnh trong miền Nam, nói lên tiếng nói của quê hương, khơi nguồn sống trong lòng dân tộc hòa cùng lòng đất thân yêu của tiền nhân để lại, từ tập tục, sự tích, cổ truyền.

Chúng tôi sẽ trình bày với tánh cách khách quan, hướng dẫn quý độc giả biết qua lịch sử, địa lý của tỉnh Bạc Liêu từ chương mục. Thiết tưởng khi bắt tay vào việc viết qua « Bạc Liêu xưa và nay », là cả một vấn đề thiếu thốn về phương tiện, nhưng với sự cố gắng, chí nhẫn nại là yếu tố phục vụ của chúng tôi, sẽ không phụ lòng bạn đọc tin yêu kỳ vọng. Chúng tôi sẽ đưa ra nhiều chuyện hay tích lạ của tỉnh này, công trình hằng bao nhiêu thảng, sưu tầm khảo cứu, nói lên để làm nổi bật một tỉnh trù phú, khét tiếng giàu có về ruộng lúa, ruộng muối phì nhiêu, sông dài bể rộng, dân chúng đủ cơm ăn áo mặc, sự sống dễ dàng, con người hay tôn thờ tín ngưỡng, hiền lành chất phác, phần đông là người Tiều (Triều Châu), người Hẹ (Hải Nam) đến sanh cơ lập nghiệp nơi tỉnh này lúc chưa thành lập. Tỉnh Bạc Liêu ngày xưa có thể là một tỉnh thần huyền và có nhiều giai thoại đặc biệt hơn các tỉnh khác, chúng tôi sẽ trình bày nơi phần thứ ba trong tập sách này.

Bạc Liêu hồi thời Pháp thuộc rất sung túc, dân cư đông đảo, nổi tiếng là xứ ăn xài, lắm khách hào hoa phong nhã, chợ búa mua bán nhộn nhịp, nền kinh tế dồi dào. Cho đến khi chánh phủ Ngô Đình Diệm chấp chánh, Bạc Liêu sáp nhập về tỉnh Ba Xuyên (Sóc Trăng cũ) trước kia thịnh vượng đông đảo bao nhiêu, bây giờ lại hóa ra u trệ bấy nhiêu. Vì bỗng dưng bị thu hẹp lại thành một quận gọi là quận Vĩnh Lợi, trọn 9 năm châu thành Bạc Liêu lâm vào cảnh vắng vẻ, nền kinh tế bị sụp đổ, du khách có dịp đi ngang qua cảm tưởng cho là một tỉnh bị chiến tranh tàn phá.

Lần lượt chúng tôi sẽ đề cập sự phát triển của Bạc Liêu xưa qua các phương diện.

Phần thứ nhất : BẠC LIÊU QUA CÁC THỜI ĐẠI

Phụ biên Cà Mau (An Xuyên) trải qua các cuộc thăng trầm

LỊCH SỬ BẠC-LIÊU

Ngược dòng thời gian, vào đầu thế kỷ thứ XVIII, Bạc Liêu hãy còn là một hoang địa. Theo sử sách và lời thuật lại theo ký ức của các bô lão, thì dân cư đến sinh cơ lập nghiệp ở vùng này chưa quá 200 năm. Những di tích lịch sử như các đình chùa, miếu mộ đã xác nhận điều đó.

Những cư dân đầu tiên đã đến sinh cơ lập nghiệp ở đây vì nhận thấy có hai phương thế thuận lợi để sinh sống. Một là gần biển thuận lợi cho ngư nghiệp. Hai là đất phù sa phì nhiêu thặng mậu, trồng trọt thứ gì cũng đắc lợi. Nơi người ta đến ở đầu tiên là khu vực của tổng Thanh Hưng hiện thời.

Những người đến ở vùng này trước nhất là người Miên từ Sóc Trăng và Trà Vinh qua, với những người Tàu gốc Triều Châu tới lập cơ sở đánh cá và trồng tía hoa màu trên những đồi cát dọc theo bờ Nam Hải. Hiện nay cũng có những Huê kiều tiếp tục sinh nhai về hai nghề ấy. Lại cũng có một ít Huê kiều thử làm ruộng muối.

Những ruộng muối thời xưa nằm gần kề bên tỉnh lỵ Bạc Liêu bây giờ, nhưng ngày nay thì lại cách tỉnh lỵ ấy rất xa. Đó là bằng chứng : ngày trước bờ biển nằm ngay chỗ hiện thời là tỉnh lỵ ; đất bồi lần hồi đã lấn ranh giới của biển dang ra xa, để cho người chiếm ở.

TRẢI 142 NĂM (1740-1882) TỪ HUYỆN TRẦN DI ĐẾN TỈNH BẠC LIÊU

Từ đầu thế kỷ 18, trên bước đường Nam tiến, dân Việt ta lần hồi có mặt nơi vùng đất Bạc Liêu, Cà Mau. Cho đến khi chúa Nguyễn Ánh chạy trốn quân Tây Sơn, chúa tôi binh tướng nhà Nguyễn qua vùng đất này thường hơn nơi nào cả.

Bạc Liêu khi xưa chỉ là một huyện trực thuộc guồng máy hành chánh của trấn Hà Tiên lúc ấy gồm có 4 huyện như sau :

- 1) Long Xuyên (Cà Mau bây giờ)
- 2) Kiên Giang (Rạch Giá)
- 3) Trần Giang (Cần Thơ)
- 4) Trần Di (Bạc Liêu)

Đầu thế kỷ 19, miền Nam Việt Nam chia thành 6 tỉnh, thường gọi là Nam kỳ lục tỉnh :

Ba tỉnh miền Đông gồm có :

- 1) Gia Định
- 2) Biên Hòa
- 3) Định Tường

Ba tỉnh miền Tây :

- 4) Vĩnh Long
- 5) An Giang
- 6) Hà Tiên

Cố nhiên trong giai đoạn này Bạc Liêu vẫn là phần đất còn nằm trong hệ thống tỉnh Hà Tiên. Mà Hà Tiên trải qua các đời Chúa Nguyễn đều

giao trọng trách cho họ Mạc (Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích) làm Tổng binh Đại đô đốc, canh phòng chốn biên thùy, ngăn chống quân Xiêm (Xiêm La tức Thái Lan), dẹp quân Chân Lạp (Cao Miên tức Cam Bốt thường sang quấy nhiễu). Họ Mạc vốn người Việt gốc Hoa, nên lúc Hà Tiên được khai sáng phồn thịnh, thì người Trung Hoa ở Phúc Kiến, Hải Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, vì chống lại nhà Mãn Thanh nên bị săn đuổi trốn sang Hà Tiên ngày một đông. Do đó, đời tổng binh Mạc Thiên Tích (con Mạc Cửu), đoàn người Trung Hoa lưu vong ấy dần dần được di cư tới huyện Trấn Di để khai hoang lập nghiệp, nhiều nhất là người Triều Châu. Chính vì thế mà ngày sau, người Triều Châu (tục gọi là người Tiều) chiếm gần hết guồng máy sinh hoạt ở Bạc Liêu.

Đời Tự Đức, Kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương có đến tận vùng này lập nhiều đồn điền và làng xã.

Đến lúc sáu tỉnh Nam kỳ thuộc Pháp, từ năm 1882, Bạc Liêu mới được lập thành tỉnh.

TÌM HIỂU DANH TỪ BẠC LIÊU

Danh từ Bạc Liêu, đọc theo tiếng Hoa kiều, giọng Triều Châu gọi là Pô Léo, có nghĩa là xóm nghèo, làm nghề hạ bạc, tức nghề chài lưới, đánh cá, đi biển.

Pô phát âm theo tiếng Hán Việt là « Bạc » và **Léo** phát âm thành « Liêu ».

Một thuyết khác cho rằng : **Pó** là bót, đồn. **Liêu** là Lào (Ai Lao) theo tiếng Cao Miên, vì trước khi người Hoa kiều đến sinh sống, nơi đó có một đồn binh do người Lào đồn trú.

Người Pháp do theo tiếng Triều Châu Pô-Léo có nghĩa là xóm nghèo làm nghề hạ bạc – như đã nêu ở trên nên dịch theo nghĩa ấy là Phêcherié – chaume (đánh cá và cò tranh)

BẠC LIÊU TRẢI QUA CUỘC BIẾN LOẠN

Từ năm Đinh Dậu 1777, cuộc tranh chấp giữa quân đội Tây Sơn và quân đội chúa Nguyễn đến giai đoạn quyết liệt, vùng Bạc Liêu Cà Mau từng là nơi chúa Nguyễn bôn tẩu. (Chúng tôi sẽ lần lượt kể các chuyện trong khi « Gia Long tẩu quốc » nơi phần thứ II và phần thứ III).

Ngoài cuộc nổi loạn lớn ấy, còn có lắm cuộc biến động hải hùng trên vùng đất Bạc Liêu :

1) LOẠN HOA KIỀU PHỦ LIÊM

Thế sự tuần hoàn, hết suy đến thịnh.

Sau thời kỳ thua Tây Sơn xiềng niềng và chạy trốn chết, lại đến hồi Nguyễn Ánh nhờ ngoại viện trở phản công, Tây Sơn hết thời, Nguyễn Ánh thống nhất giang san, lập triều đại nhà Nguyễn dưới danh hiệu Gia Long hoàng đế.

Suốt thời đại Gia Long, Bạc Liêu không có gì lạ. Qua thời đại Minh Mạng xảy ra cuộc nội loạn do Hoa kiều chủ xướng.

Năm 1840, một Hoa kiều Phủ Liêm gây loạn chống Nam triều. Nguyên do : vua Minh Mạng vì tư thù nên xử tệ với công thần của tiên đế : Tả quân Lê Văn Duyệt Tổng trấn thành Gia Định.

Lúc sống không dám ngang nhiên ngược đãi, vua Minh Mạng chờ đến lúc Tả quân tạ thế mới dùng nghiêm luật nhục mạ đấng công thần, gây công phẫn trong dân tâm, thúc đẩy nghĩa tử Lê Văn Khôi dấy lên. Trong bộ tham mưu của Lê Văn Khôi có người Hoa kiều là Mạch Tấn Giai làm đầu nã. Do đó, khi binh triều dẹp xong Lê Văn Khôi chẳng khỏi đàn áp thẳng tay đến người Hoa kiều ở rải rác khắp nơi trên lãnh thổ ta lúc bấy giờ.

Bị tình nghi có dính líu vào cuộc Lê Văn Khôi dấy binh, những Hoa kiều ở Bạc Liêu bị quan quân triều Minh Mạng khủng bố đủ điều. Bất bình, họ nổi loạn chống triều đình, dưới sự lãnh đạo của Phủ Liêm, từng đoàn kéo đi đốt phá cướp bóc không nương tay để trả đũa. Dân chúng ở Cà Mau chịu thiệt hại rất nhiều. Viên tri huyện Nguyễn Hiền Năng bị hạ sát. Tại Tân Xuyên hiện nay có một đài kỷ niệm do dân chúng tự dựng lên, để kỷ niệm công đức ông Huyện Năng (ông huyện này, lúc sanh tiền vốn là một minh quan một người hiền đức mới được nhân dân đối xử như thế) ¹

Đối với quân nổi loạn của Hoa Kiều do Phủ Liêm cầm đầu, quan quân ở Châu Đốc và Hà Tiên đồng tâm hiệp lực kéo binh qua chinh tiêu một thời gian mới đàn áp được.

Do kinh nghiệm vụ này, về sau Nam triều đã lập một huyện tại Cổ Cò, với mục đích hoàn toàn về chiến lược. Đồn binh ở Cổ Cò hiện nay chỉ còn để lại một nền đất cao làm di tích.

2) CUỘC NỔI LOẠN CỦA NGƯỜI MIÊN TIA, SUM

Năm 1859, hai người Cao Miên tên Tia và Sum gốc gác ở Trà Hương là miền hiện thuộc về Sóc Trăng, tự xưng là nguyên soái (Sana) dấy binh làm loạn, lôi kéo theo chúng tất cả người Miên và Hoa kiều. Phong trào phiến loạn sôi nổi dữ dội và trở nên toàn diện ở Bạc Liêu và Sóc Trăng. Viên lãnh binh của Nam triều chỉ huy đồn Bãi Xàu bị tử trận, đồn thất thủ, binh sĩ bị sát hại gần hết.

Hạ được đồn Bãi Xàu, quân phiến loạn phấn khởi thêm lên, kéo đi gây sự khủng bố khắp nơi. Quan binh ở Bạc Liêu vô kế khả thi phải cầu viện với Tổng đốc An Giang.

Vị tổng đốc An giang phái ngay một viên lãnh binh chỉ huy đoàn thủy quân lục chiến kéo đến đánh dẹp. Trong đạo quân này, còn có đoàn

quân tình nguyện Mã Lai gọi là « Chiến thắng quân ».

Nghe tin, quân phiến loạn dàn trận chống cự. Một trận đại chiến quyết liệt xảy ra tại Vàm Lèo cửa vào rạch Bạc Liêu. Đạo binh Nam triều đánh cho quân phiến loạn tả tơi không còn manh giáp. Sana Tia tử trận. Quân phiến loạn tan vỡ, vác thây chủ tướng đào tẩu.

Công cuộc bình định đã xong, an ninh tái lập.

3) NGƯỜI MINH HƯƠNG VÀ THIÊN ĐỊA HỘI

Từ cuộc đô hộ của người Pháp cho đến mãi về sau, người Tàu và Minh Hương trên đất nước này được hoàn toàn độc lập.

Những nghị định năm 1867 và 1870 đồng hóa người Minh Hương với người Tàu, cho họ được miễn nhiều sưu thuế. Mãi đến năm 1874 mới có một sắc lệnh ban hành ngày 31 tháng 8 d.l. thu hồi những nghị định nói trên và kể từ đó người Minh Hương được đối xử hoàn toàn như người Việt. Chính vào thời kỳ này ở Bạc Liêu phát sinh phong trào hội kín « Thiên địa hội », sự an ninh trong xứ bị rối loạn vì những hội viên « Thiên địa hội » hoạt động phi pháp khủng bố lương dân, bắt buộc những người có máu mặt trong vùng phải đóng tiền vô quỹ của hội.

Những hội viên của hội kín này gồm có người Hoa kiều, người Minh Hương và cả người Việt cũng có chân nữa. Ở vùng Bạc Liêu có hai Thiên địa hội hoạt động mạnh và gây rối loạn hơn hết là Hội Nghĩa hưng kẻo (cờ) xanh và Hội Nghĩa hòa kẻo vàng. Hai hội tranh đua giành giật ảnh hưởng và quyền lợi với nhau, thường gây ra những trận ẩu đả chém lộn đổ máu làm mất an ninh. Để văn hồi trật tự, bảo vệ an ninh cho dân chúng, chánh quyền mới quyết định phải lập một trung tâm hành chánh tại Bạc Liêu. Do đó, tỉnh Bạc Liêu hình thành vào năm 1882.

4) LOẠN LÂM LÂM

Thổ dân Lâm Lâm cầm đầu dân Lạc Hòa quận Vĩnh Châu nổi loạn đồng thời với loạn Tia, Sum đã nói trên tại bãi Phù Tự (tên cũ của Bãi Xàu, tức là quận Mỹ Xuyên hiện thời). Nam triều phải vô cùng vất vả mới dẹp xong. Trong dịp này Nguyễn Tri Phương vâng chỉ vua vào tận nơi tổ chức lại hệ thống cơ đội, đồn điền khắp nơi, di tích còn các nền đồn cũ ở các vùng xã Vĩnh Trạch, Vĩnh Mỹ, Long Thạnh, quận Vĩnh Lợi, với một số khí giới tìm thấy khoảng năm 1930.

NHỮNG THĂNG TRẦM, BIẾN CHUYỂN CỦA BẠC LIÊU

Trong thời Pháp thuộc, tỉnh Bạc Liêu thành lập vào năm 1882 do viên chủ tỉnh đầu tiên là Lamothe de Carrier nắm quyền cai trị. Lúc đầu chỉ gồm có 2 quận : Vĩnh Lợi và Cà Mau. Đến năm 1904, phân ranh lại, lập thêm quận Vĩnh Châu gồm tổng 5 làng. Rồi đến năm 1918, lại cắt phần đất thuộc quận Cà Mau và tỉnh lỵ mà lập thành một quận nữa là quận Giá Rai. Trước sau tất cả gồm 4 quận, diện tích chung phỏng định 705.000 mẫu tây (1/8 diện tích của miền Nam), chia ra như sau :

- Vĩnh Lợi 44.784 mẫu tây
- Cà Mau 521.000 mẫu
- Vĩnh Châu 31.688 mẫu
- Giá Rai 107.531 mẫu

Năm 1947, quận Phước Long thuộc tỉnh Rạch Giá (bây giờ là Kiên Giang) được sát nhập qua Bạc Liêu, trong khi quận Cà Mau trong tỉnh đã đổi thành tỉnh, chia ra 4 quận :

- Vĩnh Lợi
- Vĩnh Châu
- Giá Rai
- Phước Long

Tám năm sau, tỉnh Bạc Liêu bị chính phủ Ngô Đình Diệm bãi bỏ đi. Do sắc lệnh số 143/NV ngày 25-10-55 bốn quận kể trên đã sáp nhập với Sóc Trăng thành ra tỉnh Ba Xuyên, tỉnh lỵ Bạc Liêu trở thành quân lỵ Vĩnh Lợi. Tỉnh Cà Mau thì đổi tên là An Xuyên. Rồi năm 1961, nghị định số 244/NV ký ngày 24-12-61, lại rút quận Phước Long sáp nhập tỉnh Ba Xuyên mà đem vào địa phận tỉnh Chương Thiện mới thành lập.

Những cuộc thay đổi danh từ và ranh giới đều do một ý định : thủ tiêu các tàn tích của thời kỳ thực dân đô hộ. Dụng ý vẫn có hay, nhưng vì không nghiên cứu kỹ, nhằm mục đích tuyên truyền chính trị hơn là nghĩ đến sự thiết thực tiện lợi cho quần chúng, chính phủ Diệm đã động phạm đến luật tự nhiên. Rốt cuộc, vẫn phải trở về đường lối cũ.

Kể từ ngày 1-10-64, tỉnh Bạc Liêu được tái lập do sắc lệnh số 245/NV ký ngày 8-9-64 gồm 4 quận cũ, chia làm 5 tổng, 17 xã :

Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu, Giá Rai : rút lại của tỉnh Ba Xuyên

Phước Long : rút về của tỉnh Chương Thiện

BỘ MẶT BẠC LIÊU HIỆN THỜI

VỊ TRÍ – ĐỊA GIỚI : Tỉnh Bạc Liêu nằm về phía đông nam Nam Việt, Tỉnh lỵ Vĩnh Lợi nằm về hướng đông của tỉnh. Phía bắc giáp tỉnh Ba Xuyên (Sóc Trăng và Chương Thiện), đông và nam giáp biển Nam (Nam Hải), tây giáp tỉnh An Xuyên (Cà Mau) và Kiên Giang (Rạch Giá).

DIỆN TÍCH – DÂN SỐ : Diện tích toàn tỉnh phỏng độ trên 238.000 mẫu tây². Dân số lối 257.154 người. Trong số ấy có 46.552 người Việt gốc Miên, 21.543 người Việt gốc Hoa và một ít ngoại kiều.

1) QUẬN VĨNH LỢI :

Diện tích : 35.172 mẫu tây

Dân số : lối 80.622 người

Nằm dọc theo bờ Nam Hải, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Lợi tức châu thành Bạc Liêu hiện tại, quận Vĩnh Lợi gồm có 1 tổng là tổng Thạnh Hòa, và 5 xã chia làm 59 ấp :

Xã Vĩnh Lợi dân số : 45.853 người

Xã Hòa Bình dân số : 9.591 người

Xã Long Thạnh dân số : 9.019 người

Xã Hưng Hội dân số : 8.429 người

Xã Vĩnh Trạch dân số : 7.640 người

Riêng về thị xã Bạc Liêu, dân số tới 40.000 người (đó là chưa kể quân nhân và gia đình binh sĩ). Mật độ trung bình 825 người sinh sống trên 1 cây số vuông.

2) QUẬN VĨNH CHÂU :

Diện tích : 37.060 mẫu tây

Dân số : 50.157 người

Địa phận Vĩnh Châu là một phần đất cũ của quận Vĩnh Lợi được tách rời ra, tọa lạc ở phía đông tỉnh Bạc Liêu, chạy dọc theo bờ biển Nam. Quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Châu, gồm có 1 tổng Thạnh Hưng chia làm 5 xã, 38 ấp :

Xã Vĩnh Châu : 12.165 người
Xã Vĩnh Phước : 12.729 người
Xã Lai Hòa : 10.134 người
Xã Lạc Hòa : 9.261 người
Xã Khánh Hòa : 5.397 người

3) QUẬN GIÁ RAI :

Diện tích : 109.119 mẫu tây
Dân số : 86.948 người

Địa phận quận Giá Rai giáp tỉnh Chương Thiện, An Xuyên và biển Nam, nằm về phía tây nam tỉnh Bạc Liêu trên quốc lộ số 4, giữa đường Bạc Liêu đi Cà Mau. Quận lỵ đặt tại trung tâm điểm của quận tại xã Phong Thạnh, gồm có tổng Long Thủy, chia làm 5 xã, 94 ấp :

Xã Phong Thạnh : 23.722 người
Xã Vĩnh Mỹ : 12.295 người
Xã Long Điền : 22.174 người
Xã An Trạch : 14.358 người
Xã Vĩnh Hưng : 14.399 người

4) QUẬN PHƯỚC LONG :

Diện tích : 56.800 mẫu tây
Dân số : 39.448 người

Quận Phước Long nằm giáp ranh 3 tỉnh An Xuyên, Kiên Giang và Ba Xuyên. Gồm có hai tổng : Thanh Bình và Thanh Yên, chia làm 4 xã, 39

ấp :

Xã Phong Thạnh Tây : 5.791 người

Xã Ninh Thạnh Lợi : 7.554 người

Xã Phước Long : 6.483 người

Xã Vĩnh Phú : 19.620 người

ĐỊA CHẤT : Toàn thể tỉnh Bạc Liêu là đồng bằng không có núi non, nhưng sông rạch và kinh đào chằng chịt.

Vùng quận Vĩnh Châu và Vĩnh Lợi đất cao liền lạc và sát biển phù sa, có nhiều giồng cát dài theo mé biển Nam ; từ bắc xuống nam là nơi trồng trọt rất tốt, thuận lợi cho sự chăn nuôi ; có vườn cây trái, nhất là nhãn ngon có tiếng. Dân cư miền này hầu hết là người Miên. Phía nam Bạc Liêu, ruộng dọc theo bờ biển đất sét cứng rất tốt để khai thác nghề làm muối.

Vùng Giá Rai và Phước Long trước kia đồng lầy mênh mông, đất phân và đất phèn pha trộn, có nơi thấp hơn mặt nước, nhờ hải lưu ở Thái Lan chuyển đất bùn đến bồi cao dần, đồng thời dòng nước Cửu Long giang cũng cuốn đất phù sa tận cao nguyên Tây Tạng đến tăng thêm phần màu mỡ. Gió mùa từ vịnh Thái Lan thổi vào làm nước ứ đọng hằng niên nên gọi là lán biển. Biển ngày xưa là vùng rộng lớn gồm Cà Mau (nay là An Xuyên), U Minh và Phước Long.

Nhiều rạch bắt nguồn từ lán biển tủa ra khắp nơi không có đường phân nước. Đất Bạc Liêu được làm thành trong thời kỳ yên tĩnh của trái đất (đệ tứ nguyên đại) vì người ta không thấy các núi cao hay những loại cá của những nguyên đại trước. Như vậy sự sống của sinh vật không phải là xưa lắm.

SÔNG NGÒI : Bạc Liêu không có núi đồi, chỉ là cánh đồng ruộng mênh mông. Mặt đất chỉ cao hơn mặt biển 4 thước. Đối lại có nhiều sông rạch.

Sông rạch Bạc Liêu bắt nguồn từ vùng đồng lầy Cà Mau, chia ra làm hai nhóm :

a) NHÓM CHẢY RA NAM HẢI

1) Sông Gành Hào 55 cây số, nước chảy mạnh, hai bên có nhiều đất đai mới khai phá. Có các nhánh là rạch Giồng Ké, rạch Lộ, rạch Nhà Thờ, rạch Cái Keo, rạch Gốc v.v...

2) Rạch Bạc Liêu 35 cây số nhập với rạch Cổ Cò.

3) Rạch Cổ Cò 18 cây số từ nguồn đến sông Mỹ Thanh hay khúc trong đất liền và khúc trước khi chảy ra biển, từ cây số gọi là sông Mỹ Thanh cũng gọi chung là sông Mỹ Thanh (70 cây số) với các nhánh : rạch Lé, rạch Bạc Liêu, rạch Trà Nho, rạch Trà Niêu, rạch Trà Teo.

Hai bên rạch Bạc Liêu, rạch Cổ Cò và sông Mỹ Thanh, ruộng đất phì nhiêu, dân cư trù phú.

b) NHÓM CHẢY RA SÔNG BA THẮC (BASSAC)

Nhóm này toàn là rạch nhỏ của rạch Ba Xuyên, đều chảy ra sông Ba Thắc (thường gọi là sông Hậu tức Hậu Giang).

Rạch nhỏ, rạch nhánh ở Bạc Liêu rất nhiều không kể xiết.

Các sông rạch và kinh đào ở Bạc Liêu đều thông thương với nhau vì có nhiều rạch nhánh và kinh nhỏ nối liền ; hoặc các sông xuyên qua nhau, nên sự đi lại bằng đường thủy rất tiện bằng tam bản, ghe buồm, tàu nhỏ, nhất là sử dụng các loại máy ho-bo (hors bord) hoặc đuôi tôm.

Tàu lớn khó lưu thông vì cửa sông có nhiều cồn cạn và trong sông cũng không được sâu đồng đều, khúc hẹp thì sâu, khúc rộng thì cạn, nước ròng có thể lội qua được.

KINH ĐÀO : Tỉnh Bạc Liêu tuy có nhiều sông chằng chịt nhưng cũng không đủ sức tháo nước phèn và giao thông ; nên chánh quyền và các điền chủ đã hợp tác đào kinh bằng đủ mọi phương tiện.

Hai nhóm kinh đào, nhóm lớn ở phía tây, nhóm nhỏ ở phía đông.

a) KINH LỚN :

1) Kinh Bạc Liêu – Cà Mau 66 cây số, đào năm 1915.

2) Kinh quan lộ Phụng Hiệp tháo nước phía đông bắc tổng Long Thủy nối liền An Xuyên với Ba Xuyên và Phong Dinh, dài 140 cây số, 34 cây số thuộc địa phận Bạc Liêu đào năm 1915.

3) Kinh quan lộ Giá Rai tháo nước phía tây tổng Long Thủy, nối liền Giá Rai – Chương Thiện, 17 cây số, đào năm 1920.

4) Kinh Hộ Phòng – Quan lộ 14 cây số đào năm 1931.

5) Kinh Bạc Liêu – Ngăn Dừa nối liền Bạc Liêu – Chương Thiện dài 28 cây số (5 cây số thuộc địa phận Bạc Liêu) đào năm 1925.

6) Kinh Lộ Bẽ – Gành Hàu, 18 cây số, đào năm 1925.

b) KINH NHỎ :

1) Kinh Giồng Me chạy dài theo ruộng muối.

2) Kinh Bạc Liêu – Bãi Xàu chạy qua Cái Dầy, Phú Lộc nối liền Bạc Liêu – Ba Xuyên.

3) Kinh Thạnh Hưng cạn vì nhiều bùn, nối liền Bạc Liêu – Vĩnh Châu.

4) Kinh Trà Nho, kinh Vĩnh Châu – Cổ Cò nối liền xã Lạc Hòa, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu và Cổ Cò.

5) Kinh Vĩnh Châu – Khánh Hòa.

6) Kinh Vàm Sắt và kinh Thị Ngạm tháo nước từ Lạc Hòa ra biển qua rạch Trà Nhiêu và sông Mỹ Thanh.

BỜ BIỂN :

Bờ biển Bạc Liêu dài ước độ 350 cây số. Phần nhiều bùn lầy và nhiều cây cối, nhất là cây bần. Từ cửa sông Gành Hào đến cửa sông Mỹ Thanh có hai ba bãi cát, bờ biển thấp và phẳng ; dân cư làm muối, trồng trọt hoặc nuôi tép, cá.

Bờ biển không có hải cảng vì bùn lầy và cạn, chỉ có bến ghe nhỏ. Theo truyền khẩu : Năm 1882 bờ biển còn tại chợ chùa Cá Ông và chùa này ở tại mé biển. Năm 1926 bờ biển ở tại Xóm nhà mát (cách chùa Cá Ông độ 1.000 thước) nhưng nay bờ biển dang ra 300 thước cách chùa Cá Ông, tức là đất đã lấn nước biển 300 thước.

ĐƯỜNG SÁ : Đường sá tỉnh Bạc Liêu mở mang rất khó khăn, vì đất thấp và mềm. Tuy vậy, một số lớn đường sá thuộc tỉnh Bạc Liêu cũng được tráng nhựa và còn lại số ít cán đá xanh hoặc đất hầm.

QUỐC LỘ SỐ 4

Đường bộ : từ Bạc Liêu lên Sài Gòn 280 cây số, rộng 6 thước bề ngang.

Từ Bạc Liêu đến An Giang : 66 cây số

Từ Bạc Liêu đến Ba Xuyên : 48 cây số

Từ Bạc Liêu đến Cái Dầy : 6 cây số

Từ Bạc Liêu đến Hòa Bình : 11 cây số

Từ Bạc Liêu đến Giá Rai : 30 cây số

Từ Bạc Liêu đến Định Thành : 53 cây số

Tỉnh lộ 38 : Cán đá xanh, bề ngang 4 thước

Đường bộ : Từ Bạc Liêu đến Vĩnh Châu : 30 cây số

Đường bộ : Từ Bạc Liêu Lai Hòa : 13 cây số

Đường bộ : Từ Bạc Liêu Vĩnh Phước : 24 cây số

Đường bộ : Từ Bạc Liêu Lạc Hòa : 42 cây số

Đường bộ : Từ Bạc Liêu Mỹ Thanh : 43 cây số

Hương lộ 6 :

Bạc Liêu – Hưng Hội – Gia Hòa : 14 cây số

Bạc Liêu – Giá Rai – Gành Hào : 25 cây số

Bạc Liêu – Giá Rai – Mỹ Điền : 20 cây số

Đường duyên hải : Bạc Liêu, chùa Cá Ông, Vĩnh Châu, Mỹ Thanh 53 cây số, 4 thước bề ngang, đất hằm.

QUỐC LỘ SỐ 7 : Cây Bàng ra biển Vĩnh Lợi 8 cây số.

KHÍ HẬU VÀ THỜI TIẾT : Khí hậu tỉnh Bạc Liêu mặc dầu nóng nực và ướt át, nhưng không quá oi bức, nhờ có gió biển suốt năm và gió mùa nhiều hơn các tỉnh khác. Thời tiết cũng ít thay đổi và đột ngột, nhiệt độ thấp nhất 21° vào mùa mưa, cao nhất 36° vào mùa nắng.

Mưa khá nhiều.

Mùa nắng khí hậu khá độc, nước sông mặn đắng, nơi thiếu bóng cây hơi bùn lầy bốc lên nhiều muỗi mòng. Gió nồm hay gió mùa thổi từ tây nam sang đông bắc từ tháng tư tháng năm đến tháng 10, 11 dương lịch, từ Vịnh Thái Lan thổi vào ẩm ướt. Đây là mùa mưa. Gió đông bắc thổi ngược

lại từ tháng 10, 11 đến tháng 4, 5 dương lịch khô ráo, không mưa hoặc ít mưa. Đó là mùa nắng.

Ngoài hai ngọn gió chính còn có gió trở mùa báo trước sự thay đổi khí hậu. Người ta thường bị đau ốm vào khoảng này.

Gió nam, thổi từ nam qua bắc, nóng bức, báo trước mùa mưa sắp đến, mùa nắng sắp qua.

Gió tây, thổi từ tây sang đông, hơi lạnh, có khi gây giông tố, báo hiệu sắp có mưa nhiều, nước lụt. Mỗi năm gió tây thổi lại vào khoảng tháng 8 âm lịch.

Gió đông thổi từ đông sang tây, khô ráo, thường bốc lên từng cơn gió lốc cuốn cát bụi mịt trời, thành những cây gió gọi là con trốt, nên gọi là gió chướng, khoảng tháng chạp và đầu tháng giêng âm lịch, báo mùa lúa chín và Tết đến.

Gió bắc, gọi trại là gió bắc, thổi từ bắc xuống nam, lạnh lùng khô ráo, khoảng tháng chạp âm lịch. Ngọn gió này làm cho bùn lầy mau khô, nước mau cạn, lá mau héo, lúa mau chín, trẻ con chóng lớn, người lớn chóng già.

THẢO MỘC VÀ CẦM THÚ

Tỉnh Bạc Liêu do đất phù sa tạo thành, nên đồng ruộng phì nhiêu. Không có rừng lớn và rậm nên không có nhiều loại thú rừng. Thuở xưa chỉ có một ít thú như mè rừng, heo rừng, hươu nai, khỉ, lo nôi, chồn đền, chồn cáo cộc, ở theo rừng rậm.

Ở Bạc Liêu có nhiều rắn : hổ đất, hổ mây, mái gầm, rắn trun hai đầu, rắn lục xanh, lục lửa (rắn độc), rắn nước, trăn (hiền). Dưới sông có loài đèn (một giống rắn ở nước mặn) cũng có hai thứ độc gọi là đèn cườm.

Cũng có một ít sấu, loại lớn ở sông, loại nhỏ gọi là sấu cá ở bưng và lung. Lại có giống rái ở theo rạch và ruộng. Rùa còn khá nhiều ở các vùng lau sậy và cỏ mọc um tùm.

Các vùng Thạnh Hóa, Thạnh Hưng, Long Thủy có nhiều loại chim như : chồn bè, gà đẫy, cò lông bông, le le, vịt nước, công cộc, mỏ nhác, ốc cao, thẳng chài, quạ, diệc và nhiều loại chim nhỏ.

Bảy mươi phần trăm đất đai ở Bạc Liêu trồng lúa, độ 5% trồng trọt các loại bắp, khoai, rau cải v.v...

Tại quận Giá Rai có ít rừng tràm, nách dài, các loại cây giá, cây mắm mọc theo sông Gạch Hàu, nhưng thưa thớt.

Quận Vĩnh Châu có rừng mắm và bần mọc ở Cồn Nọc (thuộc xã Lai Hào). Thường dùng cây mắm làm củi.

Phụ Biên : CÀ MAU

Một quận xưa nổi tiếng của Bạc Liêu và quận Năm Căn, nằm trong địa phận Cà Mau, tức An Xuyên nay.

Trước khi được nâng lên hàng một tỉnh, Cà Mau trong 74 năm là một quận của tỉnh Bạc Liêu.

Thoạt tiên chỉ là một cái trũng, nhờ có vịnh Xiêm La (Thái Lan) bồi đất dần lên cao thành một cánh đồng ruộng mênh mông có đất phân và đất phèn pha trộn, Cà Mau không bao lâu đã biến thành trù phú nhất nhì của miền Nam, thu hút ngày càng đông dân chúng đến sinh cơ lập nghiệp.

Ở miền này, đến mùa gió nồm thì nước biển dâng lên làm cho nước mưa ứ đọng mãi hằng năm như ở Đồng Tháp Mười, và mọc đầy những cây đước, tràm, vẹt. Vì nước đọng không chảy được, lá cây rụng lâu ngày mục nát làm cho thúi nước và trở thành màu đen. Do đó, đồng bào gốc Miên thường quen gọi là « Khamau » nghĩa là một xứ nước đen, và người Việt Nam ta biến âm thành « Cà Mau ». Đến lúc người Pháp thôn tính Việt Nam đặt nền đô hộ, Cà Mau lập thành một quận trực thuộc tỉnh Bạc Liêu.

Sau khi hiệp định Genève ra đời, Việt Minh đến tập kết tại Cà Mau trong vòng 6 tháng.

Ngày 9-3-56, theo sắc lệnh số 32/NV của chính quyền Sài Gòn, quận Cà Mau trở thành tỉnh Cà Mau. Bảy tháng sau, sắc lệnh số 45/NV ngày 22-10-56 sửa đổi ranh giới và tên các tỉnh Nam Việt, tỉnh Cà Mau được đổi tên là An Xuyên.

Cuốn sách này tuy chỉ nhằm riêng tỉnh Bạc Liêu, chúng tôi vẫn phải dành một phần quan trọng cho Cà Mau vì sự liên hệ mật thiết giữa hai tỉnh.

Vị Trí – Địa Giới

Đông bắc giáp tỉnh Ba Xuyên và biển Nam.

Tây Bắc giáp tỉnh Kiên Giang và vịnh Thái Lan.

Nam giáp Nam Hải.

Diện tích - dân Số : *Diện tích chung toàn quận (nay là tỉnh) là 490.640 mẫu tây, kể cả sông và rạch. Trong số này 122.920 mẫu ruộng, 3.356 mẫu trồng trọt các thứ hoa màu cây trái, 167.961 mẫu rừng, và 101.125 mẫu còn bỏ hoang.

Từ một quận của Bạc Liêu, sau khi được nâng lên hàng một tỉnh gồm có 6 quận :

- 1) Quận Long gồm 4 xã 49 ấp
- 2) Thới Bình gồm 4 xã 43 ấp
- 3) Sông Ông Đốc gồm 3 xã 30 ấp
- 4) Cái Nước gồm 6 xã 72 ấp
- 5) Đầm Dơi gồm 4 xã 54 ấp
- 6) Năm Căn gồm 2 xã 24 ấp

* Dân số chung có 256.442 người, chia ra :

253.250 người Việt chính tông

511 người Việt gốc Hoa

2.681 người Việt gốc Miên

Mật độ trung bình : 50 người sống trên 1 cây số vuông.

Sông rạch : Phần chảy ra biển Nam :

- Sông Gành Hào dài 51 cây số

- Sông Bồ Đề dài 10 cây số

Nước của các sông rạch đã giúp một phần lớn dân chúng sống nghề nông và nghề hạ bạc. Nhờ sông rạch nối liền làm cho đồng ruộng bớt phèn và trở nên màu mỡ, việc thông thương tiếp tục được điều hòa.

Bờ biển : Vịnh Thái Lan và bờ biển Nam Hải bao bọc miền duyên hải, thuộc các quận Thới Bình, sông Ông Đốc, Cái Nước, Năm Căn và Đầm Dơi là những nơi có nhiều nguồn lợi về hải sản.

Dân chúng sống nghề hạ bạc tập trung theo ven biển. Cửa biển sông Ông Đốc sau này có thể trở nên hải cảng phồn thịnh ở miền Hậu Giang. Tàu đánh cá ngoại quốc thường đến mua cá chở sang Tân Gia Ba.

Các chiến hạm của Hải quân hoạt động trên hải phận này rất thuận tiện, và các tuần đĩnh của Quan thuế, Thủy lâm cũng di chuyển mau lẹ nên việc kiểm soát rất chặt chẽ dọc theo ven biển.

Rừng : Các khu rừng ở Cà Mau chiếm diện tích 121.456 mẫu, là một nguồn lợi kinh tế rất dồi dào. Rừng gồm có các loại cây : đước, vẹt, dà, cốc, mấm, su, tràm, mốp, dừa nước. Hằng năm rừng sản xuất một số lớn nông sản trị giá hàng trăm triệu bạc. Rừng cũng giúp vùng này tránh khỏi nạn lụt.

NHỮNG NGUỒN LỢI – SỰ SẢN XUẤT

Nông sản : Ruộng đất tập trung nhiều nhất ở các xã Tân Xuyên, Định Thành, Hòa Thành, Tân Lộc (thuộc quận Quản Long) ; Khánh Bình Đông, Khánh Bình Tây, Phong Lạc (quận sông Ông Đốc) ; Tân Hưng Tây, Tân Hưng Đông, Hưng Mỹ, Tân Hưng, Thuận Hưng, Phú Mỹ, (quận Cái Nước) ; Tân Duyệt, Tân An, Tân Thuận, Tân Hòa, (quận Đầm Dơi) ; Tân Phú, Thới Bình, (quận Thới Bình).

Diện tích cấy lúa được 122.920 mẫu, diện tích lập vườn làm rẫy 3.356 mẫu, hầu hết do người Việt khai thác.

Mức sản xuất trung bình :

- Lúa mỗi năm 1 tấn 300 ký.
- Rau cải mỗi mẫu 2 tấn.
- Dừa mỗi mẫu 30.000 trái.

Hải sản : * Ở Cà Mau việc đánh cá trên sông và đồng bằng hằng năm được lối 10.000 tấn cá tươi và 8.000 tấn mắm ; việc đánh cá ngoài biển thì hằng năm được trên 1.500 tấn cá tươi đủ loại, ở trong khoảng từ 300 thước tới 40.000 thước cách bờ và dọc theo ven biển cửa Bồ Đề (phía Nam Hải) dài đến ranh tỉnh Kiên Giang (phía vịnh Thái Lan). Hiện nay có trên 15.000 ghe đánh cá, không kể số ghe ở ngoài tỉnh đến (như ở Gò Công, Vàm Cỏ, Trà Vinh, Ba Xuyên, v.v...).

* Ngoài việc đánh cá ở ngoài biển khơi, dọc theo các cửa sông Gành Hào, sông Cửa Lớn, mũi Bà Quang, Vàm Rạch Gốc, ngư phủ còn dùng cách giăng đáy để bắt tôm tươi (tôm cỡ ngón tay trở xuống). Hiện nay có trên 3.000 miệng đáy. Số sản xuất trung bình mỗi năm trên 2.000 tấn dùng làm khô để bán vào thị trường nội địa.

Khoáng sản : Tại xã Thới Bình có một nguồn lợi khoáng sản là « than đất » dùng rất tiện và cháy rất đượm, để cầm lửa. Nhưng khoáng sản này chưa được khai thác.

Lâm sản : Các khu rừng tại quận Năm Căn và vùng U Minh Hạ, chiếm một diện tích 167.961 mẫu là một nguồn lợi kinh tế rất dồi dào. Rừng gồm có các loại cây đước, vẹt, dà, mắm, cốc, su, tràm, mốp, lá dừa nước, sáp, và mật ong.

Số than sản xuất – Số tiền thu được

Năm 1956, 30.473 tấn 370 -- 14.406.190 đồng

Năm 1957, 36.853 tấn 780 - 21.416.505 đồng 19

Năm 1958 (sáu tháng đầu năm) 25.745 tấn 023 - 14.841.948 đồng
39

Hiện nay trong toàn tỉnh có tất cả 634 lò than, tập trung tại hai quận
Năm Căn và Đầm Dơi.

NĂM CĂN : MỘT TRONG SÁU QUẬN NỔI TIẾNG CỦA CÀ MAU

Nói đến Cà Mau, chúng tôi không thể không đề cập quận Năm Căn, một vùng mới khai thác đã chiếm một địa vị quan trọng về kinh tế và có những điểm lịch sử đáng lưu tâm.

Thành lập ngày 2-4-1956, lấy tên xã Năm Căn làm tên quận lỵ, quận Năm Căn ở tận mũi Cà Mau là vùng duyên hải vừa là quận bìa của tỉnh An Xuyên (Cà Mau) vừa là quận chót hết của nước Việt Nam, nghiêm nhiên là vựa than đước của tỉnh An Xuyên, cung cấp than chum cho cả miền Nam Việt.

Vị trí : Năm Căn nằm ở chót mũi Cà Mau, đông giáp quận Đầm Dơi, tây giáp quận Cái Nước và vịnh Thái Lan, bắc giáp quận Cái Nước, nam giáp biển Nam Hải. Diện tích : 71.000 mẫu tây. Gồm có 2 xã : xã Năm Căn và Viên An.

Dân số : Xã Năm Căn có 6.714 người, trong đó có 591 người Việt, 130 Hoa kiều. Xã Viên An có 4.494 người, toàn là người Việt. Tổng cộng toàn quận 11.215 người.

Sinh hoạt : Cũng như ở hầu khắp nơi trên lãnh thổ Việt Nam, Hoa kiều mặc dầu là thiểu số, vẫn chiếm ưu thế trên thương trường. Học chuyên nghề thương mại, lò than, chỉ có một số ít làm nghề rẫy bãi.

Người Việt ở Năm Căn sống về nghề chài lưới, làm củi, kỹ nghệ than, làm muối, cũng có một số đã ra tranh thương với Hoa kiều.

Trước năm 1945, trong quận Năm Căn chỉ có tiểu công nghệ lò than, phần nhiều do Hoa kiều làm chủ, người Việt chỉ làm củi bán cho họ. Gần đây, người Việt mới đứng lên xây lò làm chủ, và hiện nay chủ lò Việt Nam nhiều hơn Hoa kiều.

Ruộng lúa : quận Năm Căn toàn là rừng sát, quanh năm nước mặn nên không làm ruộng được ; chỉ nơi đất rẫy nơi sông Bãi Háp, nơi nào trũng sâu, người ta mới cấy chút ít lúa. Tính chung chỉ có lối 10 mẫu ruộng.

Vườn rẫy : xã Năm Căn có chừng 222 mẫu đất rẫy nằm theo sông Bãi Háp và rạch Cái Nháo, trồng dưa, bí, bầu, khoai, đậu, đồ hàng bông. Số sản xuất mỗi năm được chừng 30 tấn bầu, bí, dưa, 15 tấn khoai, 10 tấn đậu, 1 tấn rau cải, hành, họ.

Thương mại : Chỉ có một ngôi chợ duy nhất tại quận lỵ, cất hồi năm 1955 bằng cây lợp thiếc, dài 20 thước, rộng 12 thước.

Toàn quận hiện nay có cả thảy 167 tiệm buôn lớn nhỏ. Tại thị trấn Năm Căn đa số tiệm buôn xây cất bằng cây và ngói, ở trong thôn ấp thì bằng cây lá.

Vùng Năm Căn được tặng là kho vàng đen vô tận, ghe thuyền vào ra chở than củi tấp nập nên việc thương mại rất phát đạt.

Kỹ nghệ : chỉ có một nhà máy cưa nhỏ để cưa cây vẹt, cây mắm, dùng tại địa phương

Tiểu công nghệ : tại thị trấn có một lò thợ bạc, chỉ làm đồ vàng bạc ăn công chứ không có bán vàng. Có 2 trại xưởng đồ mộc để sửa ghe cộ. Quan trọng hơn thì có công nghệ làm tôm khô, cá mặn, ướp cá tươi bằng nước đá, chở lên Sài Gòn bán.

Ngư nghiệp : số ngư phủ toàn quận : 2.857 người.

Vùng đánh cá : dựa mé Nam Hải và vịnh Thái Lan chia làm 3 vùng :

1) Lưới biển đánh cá ngoài khơi từ Hòn khoai đến Hòn chuối.

2) Đáy biển bắt tôm tép tại cửa Ông Trang, Gò Công, mũi Rạch Tàu.

3) Đáy sông rạch bắt tôm tép từ rạch Tàu, rạch Gốc, vòng qua sông Bãi Háp.

Sản xuất hàng năm :

Tôm khô 120 tấn

Cá mện 50 tấn

Cá gộc 120 tấn

Bong bóng cá 2 tấn

Các thứ cá khô 100 tấn

Cua biển 10 tấn

Phân tôm cá 200 tấn

Bán về Sài Gòn, các tỉnh hoặc xuất cảng

Lâm sản : Năm Căn có 71.000 mẫu rừng, chia làm 4 khu : rừng 354, 353, 355 và 534.

Hằng năm khai thác được :

- Củi đước hầm than : 240.000 stères cung cấp cho các lò than trong quận.

- 50.000 stères củi vẹt, bán làm củi chụm.

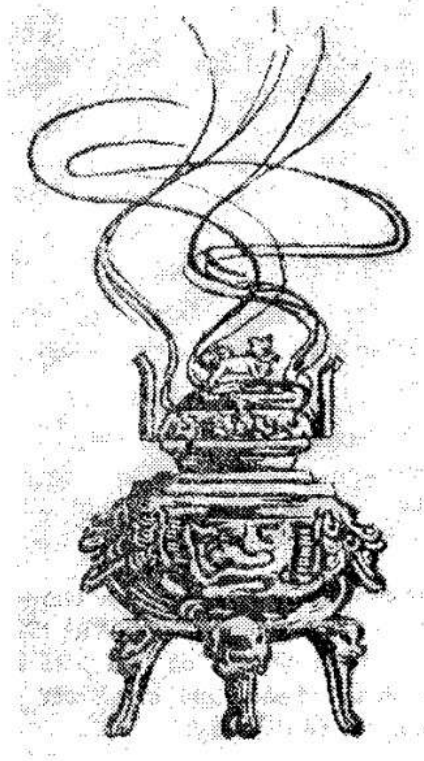
- Cây cất nhà : cây đước 300 thước khối, cây tạp lớn 480 thước khối, cây tạp nhỏ 10.000 thước khối.

Lò than : toàn quận có 634 miệng lò than, chia cho 268 chủ lò. Sản xuất hằng năm 720.000 tạ than, cung cấp cho Sài Gòn và các tỉnh.

Thú rừng : rừng xứ này có heo rừng, chồn, khỉ, lợn nòi và trăn. Dân chúng gài bẫy bắt chồn và khỉ đem bán tại Sài Gòn.

Phần thứ nhì : DANH NHÂN BẠC LIÊU – CÀ MAU

ĐÃ TỪNG THEO CHÚA NGUYỄN VÀ KHÁNG PHÁP



Lược qua phần danh nhân ở Bạc Liêu – Cà Mau từ thời xa xưa đã đem xương máu đóng góp cho đại cuộc quốc gia, hoặc dốc lòng hy sinh lo việc khai hoang lập ấp cho đồng bào địa phương yên vui trong đời sống ấm no, hoặc trai trung gái liệt, bảo toàn tiết trong giá sạch, ta sẽ cảm khái khôn cùng...

Chúa Nguyễn Ánh trong lúc bôn tẩu vào Nam, và sau tái chiếm Phú Xuân thống nhất sơn hà, có phải nhờ vào sự ủng hộ của nhân dân miền Nam, với kho lúa phì nhiêu ở vùng đồng bằng lương thực nuôi quân ? Có phải nhờ các danh tướng anh hùng tại đây hết lòng phò tá, không màng gian nguy, vào sanh ra tử, để làm sáng tỏ tinh thần bất khuất dân tộc ?

Nói đến Bạc Liêu mà không nói qua vài nét chí khí can trường của các hào kiệt, mưu sĩ ở vùng này, là một điều thiếu sót lắm vậy.

Chúng tôi xin nêu các vị anh hùng liệt sĩ ở miền Nam đã từng theo chân chúa Nguyễn lập nhiều chiến công hiển hách và liên tục tranh đấu đưa giống nòi đến chỗ vinh quan, cường thịnh.

Thiết tưởng còn biết bao nhà ái quốc chơn thành trong thời cận đại, điểm tô cho nền lịch sử Việt Nam, có công kiến quốc và cứu quốc, chưa được nêu lên, vì sợ e quá sớm. Xin bạn đọc thông cảm, mà chính các sử gia cũng đồng ý với chúng tôi về điểm ấy.

I. HỒ TƯỚNG DƯƠNG CÔNG TRỪNG

Ông là người huyện Long Xuyên (tức Cà Mau ngày nay), nổi danh dũng mãnh, được đương thời xưng tụng là « hồ tướng nhà họ Dương ». Bao nhiêu nhân vật có tiếng võ nghệ ở trong vùng, đến thử sức với ông đều xin bái phục.

Đình Dậu 1777, Chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần (sau truy dân miếu hiệu là Duệ Tông), cùng với cháu là Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đuổi bức, chạy xuống tận Cà Mau. Ông cảm cảnh cho nhà vua, đứng ra chiêu tập dân quân theo giúp. Chẳng may chúa Nguyễn Phúc Thuần bị Tây Sơn bắt tại đây, rồi đem về Sài Côn (tức vùng Sài Gòn bây giờ) hành quyết, ông càng quyết chí ủng hộ Nguyễn Ánh trong cuộc chống đối Tây Sơn, nhận lấy chức Cai cơ, rồi đổi làm Khâm sai điều khiển.

Dần dần tu chính binh bị, đủ sức quật khởi, ông từ Sa Đéc đem binh hiệp với quân các đạo do chúa Nguyễn chỉ huy ở Hối Oa, tấn công Tây Sơn tại Long Hồ, rồi đánh thẳng tới, thu phục lại thành Gia Định.

Kỷ Hợi 1779, khoảng tháng 3, Chân Lạp có nội loạn, ông cùng Đỗ Thành Nhân phụng mạng đi dẹp yên. Năm sau có tù trưởng ở Trà Vinh dấy loạn, ông với Đỗ Thành Nhân cùng bình định được.

Quý Mão 1783, ông đóng quân ở Thủ Thiêm, Tây Sơn tấn công. Ông sa cơ bị bắt. Chúng giam ông lại, dụ hàng. Ông âm ớ cho qua buổi, nhủ lòng sẽ tìm cơ hội tháo cũi sổ lồng. Đã rắp tâm như thế, nên chẳng bao lâu ông trốn thoát, chiêu tập tàn binh hiệp với Nguyễn Văn Nhân kéo sang Xiêm La (nay là Thái Lan), vì chúa Nguyễn Ánh hiện lưu vong nơi đó. Giữa đường, gặp Ngô Công Quý, Lê Thượng, Nguyễn Tần phụng mạng chúa Nguyễn trở về do thám tình hình địch. Cùng nhau bàn định kế hoạch. Ông đưa ý kiến :

Quân địch đang lúc thắng sanh kiêu, không phòng bị. Chúng ta hãy cất quân đánh chiếm Long Xuyên (Cà Mau)³ lại làm nơi căn cứ đóng quân, rồi một mặt cho người sang Vọng Các báo cáo với Nguyễn vương, một mặt mộ thêm quân để chuẩn bị tổng tấn công cho thắng lợi.

Các tướng đều tán thành. Ngay hôm ấy, ông kéo quân về đánh úp Cà Mau, bắt sống được tướng địch, chiếm lấy cả đồn lũy. Thành công, ông đóng quân tại đây và sai thuộc tướng là Nguyễn Văn Nhân sang Vọng Các báo tin.

Nguyễn Vương bảo cùng Nguyễn Văn Nhân :

- Cà Mau là địa đầu đất Gia Định. Quân địch sẽ tranh lấy để có nơi dòm ra biển được, chớ chẳng không. Và lại, đất ấy đường thủy không tiện, đường bộ cũng thiếu nẻo giao thông, việc hành binh tiến thoái đều khó. Họ Dương cùng các tướng chỉ một nhóm quân cô, thế yếu, lại ở vào nơi tuyệt địa, phỏng như quân địch xuất kỳ bất ý đánh ập đến, ắt là sẽ bị giết cả. Vậy, người hãy lập tức cho dời thuyền ra các hải đảo xa để dò la tin tức địch xum sao, rồi sẽ định liệu.

Nguyễn Văn Nhân nghe ra, vội vã trở về. Vừa đến nơi thì tướng Tây Sơn là Phạm Văn Tham kéo binh đến đánh. Đúng như sự dự đoán của chúa Nguyễn, Dương Công Trừng không gìn giữ, chết mất hai tướng là Nguyễn Tần và Lê Thượng.

Giữa lúc ông tìm đường trốn, bị Phạm Văn Tham cho quân đón bắt được, giải về bản dinh. Tham cười gằn, hỏi ông :

- Người, trước đã khứng về hàng với ta, ta đãi người không bặt bèo gì, sao người lại phản phúc thế này ?

Ông ung dung :

- Cực chẳng đã ngày trước ta ấm ớ cho qua cơn khốn, há chịu khuất thân phục vụ kẻ địch, trong khi chúa ta hầy còn kia sao ? Ta bỏ đi mới là hợp nghĩa. Nay lại sa cơ, đành chỉ còn một chết mà thôi.

Phạm Văn Tham cả giận, đem ông ra chém.

2. NGÔ CÔNG QUÝ : TẬN TRUNG GIÚP CHÚA

Cũng như Dương Công Trừng, ông quê ở huyện Long Xuyên (Cà Mau) và một lòng theo phò chúa Nguyễn Ánh trong khi chúa bôn tẩu quanh vùng Bạc Liêu – Cà Mau.

Khi chúa Nguyễn chạy ra đảo Phú Quốc rồi sang Xiêm, ông theo hầu cận. Từ ấy, ông đóng vai gián điệp, thường lên về vùng Cà Mau, Vĩnh Long trà trộn trong quân cơ của địch để dò thám. Ông và Nguyễn Tần, Lê Thượng rất giỏi về mặt thu nhặt tin tức địch, nhờ đó chúa Nguyễn dễ bề hoạch định chiến lược đối phó, dần dần đi đến thắng lợi.

Chẳng may khi Dương Công Trừng gặp ông và Lê Thượng, Nguyễn Tần từ Xiêm về dò thám, cùng nhau kéo quân đánh chiếm lại vùng Cà Mau, chưa kịp tổ chức gì thì đã bị Tây Sơn phản công ; ông chạy thoát, Lê Thượng và Nguyễn Tần đều chết trận. Dương Công Trừng thì bị bắt chém. Thoát nguy, ông càng thận trọng hơn, phục vụ chúa Nguyễn rất đặc lực.

Kỷ vị 1799, ông giữ chức Trung thủy dinh Chánh hậu chi Hữu khâm sai, thuộc nội Cai cơ, quản thanh châu đạo. Bấy giờ lực lượng Tây Sơn ở trong Nam tan vỡ hầu hết, ông lại khéo tổ chức việc an ninh, bình định nhiều vùng, khiến dân chúng đều xưng phục công ơn.

Chúa Nguyễn càng ngày càng đem lòng tín nhiệm ông, giao cho ông hộ giá hoàng thái hậu.

Công lao của ông rất dày. Việc lớn mười phần đã xong đến tám, nhưng ông chưa kịp thấy ngày chúa Nguyễn lên ngôi hoàng đế, thống nhất san hà, thì đã bệnh mất. Chúa Nguyễn thương tiếc khôn cùng, truy tặng ông chức Chưởng cơ.

Đến năm Gia Long thứ 3 (Giáp Tí 1804) ông được liệt thờ vào miếu
Hiển trung và miếu Trung hưng công thần.

3. TRẦN PHƯỚC CHẤT : MỘT VÕ TƯỚNG THEO CHƠN CHÚA NGUYỄN

Ông giỏi võ không kém gì Dương Công Trừng, cùng nhau kết nghĩa anh em, thề đồng sanh tử. Khi họ Dương ra giúp chúa Nguyễn Ánh, ông cũng ứng nghĩa trợ lực.

Trong các cuộc đụng độ với Tây Sơn nơi Cà Mau, bao phen chúa Nguyễn thoát nguy, nhờ ở sự gan dạ và lòng trung thành của ông, quyết tử bảo vệ, nên chúa Nguyễn rất tin cần ông, thường lưu ở bên cạnh, bàn việc cơ mật.

Liệu cơ chưa thể dàn trận chống đối với Tây Sơn nổi, chúa Nguyễn chạy sang Xiêm, ngụ ở Vọng Các. Ông cũng theo chúa Nguyễn sống cuộc đời lưu vong, chờ ngày kéo về phục cừu huyết hận. Nơi nước người, ông vẫn lo rèn tập đám tàn binh, chiêu mộ thêm quân sĩ xung vào hàng ngũ.

Đến khi chúa Nguyễn đem binh từ Xiêm về, ông được phong Khâm sai Cai cơ. Nhưng số phận vẫn vởi, qua vài trận giao phong cùng Tây Sơn, ông bỏ mình trong trường xung sát.

4. NGÔ VĂN LỰU : BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG

Ông cũng là người huyện Long Xuyên (Cà Mau), ứng mộ theo phò chúa Nguyễn Ánh trên bước đường chạy loạn Tây Sơn. Hơn mấy mươi trận đương đầu cùng Tây Sơn, với tinh thần quyết tử, ông từng làm cho binh tướng Tây Sơn khiếp đảm, những trận đánh ác liệt tại U Minh, Cái Nước v.v...

Khi chúa Nguyễn sang Xiêm, chính ông đã chỉ huy một toán quân đoạn hậu, từng đợt đẩy lùi quân địch, để chúa Nguyễn được an toàn. Rồi đó ông cũng theo qua Xiêm. Những ngày tháng ôm hạp lưu trú ở Vọng Các, ông cùng bạn đồng hương là Trần Phước Chất lãnh nhiệm vụ tổ chức lại đội ngũ, tuyển mộ thêm binh sĩ để bổ sung lực lượng.

Canh Tí 1780, mùa hạ, ông giữ chức Cai đội. Toán quân do ông chỉ huy từ khi ở Xiêm về, nổi tiến thiện chiến, đánh đâu thắng đó.

Đang lúc chúa Nguyễn chuẩn bị ra đánh Phú Xuân, ông bỗng vương bệnh mà mất, không kịp thấy ngày đại định, giang san thống nhất.

5. NGUYỄN HIỀN NĂNG : TRI HUYỆN NỔI TIẾNG THANH LIÊM MÃN CÁN LỪNG DANH « THẦN MINH »

Đời Minh Mạng, viên tri huyện Long Xuyên (Cà Mau) là Nguyễn Hiền Năng rất được lòng dân chúng. Tánh ông cương trực, thanh liêm mẫn cán. Từ lúc ông đến trấn nhậm, bao nhiêu điều oan khức tình tệ trong dân gian được ông minh chánh xét xử, nhân dân điều cảm đức đội ơn ; mà bọn cường hào ác bá cùng đám gian thương, trộm cắp cũng đều khiếp oai phong, không còn dám lộng hành.

Bấy giờ, có một nhóm buôn lậu, người Mãn Thanh, hay chở hàng hóa lậu đi đường biển vô Cà Mau mua bán. Ông đốc xuất toán quân tuần chận bắt được, tịch thu tàu buồm và tất cả tang vật. Chúng khẩn khoản xin dâng của lót trọng hậu, mong ông làm ngơ cho chúng, rồi sẽ còn đền ơn xứng đáng hơn nữa. Ông cương quyết bài trừ không dung tha.

Du đảng của chúng lấy làm căm giận, trù mưu trả thù báo oán. Thừa dịp, đám Huê kiều do Phủ Liêm cầm đầu gây loạn, vì phần uất vụ án cụ Tả quân Lê Văn Duyệt (xin xem ở phần thứ nhất đã có nói đến), bọn Mãn Thanh buôn lậu cho du đảng của chúng trà trộn vào. Chúng kéo thẳng đến dinh quan huyện.

Ông đang bệnh. Được tin Huê kiều gây biến, ông vừa toan sai cắt quân binh đi đánh dẹp thì chúng đã kéo ập vào dinh, mặt khác, chúng đã triệt hạ tất cả đám lính ở chung quanh để chiếm huyện.

Trong gia đình ông có 3 người vợ và 2 người con trai. Người con trưởng giỏi võ và người vợ thứ ba cũng can đảm có thừa, lập tức ngăn chống mãnh liệt. Nhưng than ôi ! « *Mãnh hổ nan địch quần hồ* », ít không sao cự nổi với một biển người bổ vây, sau khi đã chém giết khá nhiều, dần

dần bà vợ ba và con trưởng của ông cũng đuối sức, đành thọ hại. Thừa thế, chúng tàn sát cả gia đình ông.

Về sau mới biết, tên cầm đầu đám du đảng Mãn Thanh buôn lậu vốn là người họ Quách. Từ ấy Huê kiều họ Quách ở Cà Mau không sao cư trú được trong vùng, nếu không tán gia bại sản đến nỗi phải bỏ đi chốn khác, thì cũng bị hộc máu chết mà thôi. Tình trạng ấy, khiến dân chúng lưu ý, rồi tiếng đồn vang xa, rằng ông hiền linh tru diệt kẻ gian manh tàn ác.

Quan tỉnh phái quan binh về dẹp loạn. Đâu đó đã yên, một ngày kia dân chúng bỗng xôn xao đồn tin ông đạp đồng lên, cho biết đã được Thượng đế phong tặng « Thần minh ».

Đám Huê kiều nhốn nháo khẩn cầu giác linh ông đừng giết các người họ Quách nữa, hằng năm sẽ cúng tế trả lễ, chẳng bao giờ dám quên. Ông nhận lời xin, và từ đó, họ Quách mới được ở yên làm ăn.

Mộ và miếu của ông ngày trước tại móng cầu Quay – Cà Mau bây giờ, đến năm 1941 mới dời mộ ông về gần đình thần An Xuyên (nay đổi tên là Tân Xuyên). Dân chúng chung nhau đóng góp xây cất ngôi miếu thờ ông phía trước mộ.

Hằng năm ngày rằm và ngày 16 tháng 2, lễ cúng tế rất trọng thể.

6. NGUYỄN VĂN ĐỨC : TIỀN HIỀN KHAI ẤP, LẬP XÃ VIÊN AN

Xã Viên An trong quận Năm Căn là xã có một lịch sử đáng biết. Nhất là bậc tiền hiền đã mở mang thành lập xã, ấy là ông Nguyễn Văn Đức, thiết tưởng đáng được lưu danh muôn đời.

Ngày xưa, xã Viên An chỉ là một xóm nhỏ ở tại Cái Xép, có từ trước khi chúa Nguyễn Ánh chạy loạn đến đây. Bằng chứng là lúc chúa Nguyễn chạy đến mũi Cà Mau, vô trong ngọn rạch Xéo Lá đồn binh, hiện nay còn nền đồn là di tích cụ thể. Và binh lính của chúa Nguyễn đóng đồn tại rạch Cái Xép hiện cũng còn dấu vết : nơi đóng đồn ngày trước cây cỏ không mọc được.

Lúc Lê Văn Khôi, nghĩa tử của đức Tả quân Lê Văn Duyệt, nổi loạn chống Nam triều, chiếm xứ miền Nam (Quý Tỵ 1833), thì giặc Tàu Ô (người ta quen gọi là giặc Chà Và) thường hay đến miền duyên hải đánh cướp tiền của và bắt đàn bà con gái ; dân chúng phải chạy sâu vào nội địa cất nhà cửa ở đó trốn giặc.

Bấy giờ trong vùng có ông Nguyễn Văn Đức giỏi võ nghệ, độ lượng khoan dung, hào hiệp. Dân chúng lâm than điêu đứng vì lũ giặc khuấy rối, ông dễ dãi tha thứ cho phường hung bạo, bèn tổ hợp tráng đinh trong vùng đánh dẹp bảo vệ dân lành. Ông đuổi tan đám giặc tại rạch Đốc Neo (nay thuộc ấp Nhưng Miên).

Nhân dân tỏ lòng quyến luyến, xưng phục kính mến ông. Thấy thế, ông cảm động dốc lòng hy sinh cho dân chúng hơn nữa. Ông đứng ra đôn đốc việc khai hoang, mở mang không khí mới, thành lập xã Viên An, nghiêm nhiên là bậc tiền hiền, có công với nhân dân Viên An nói riêng, dân tộc nói chung. Vì từ sau ngày ông quy dân lập ấp, lập xã, ông cũng khéo tổ chức việc an ninh, trật tự, khiến đâu đâu được êm đẹp, vui hòa.

Sau khi mất, ông được phong thần do sắc phong của vua Tự Đức. Cháu chắt của ông hiện giờ hãy còn tại ấp Cái Xép.

Xã Viên An lúc đầu tiên chỉ có hai ấp là Cái Xép và Ông Định, số nóc gia chẳng có bao nhiêu. Lần lần dân chúng các nơi kéo đến thêm đông, cất nhà cửa ở làm nghề hạ bạc và khai thác lâm sản. Cho tới ngày nay, xã Viên An được 10 ấp, dân số non năm ngàn người, quang cảnh thanh mậu, đời sống khá sung túc. Các vị bô lão trong vùng, mỗi khi nhắc đến vị tiên hiền Nguyễn Văn Đức đều chẳng tiếc lời ca tụng tài đức.

7. TÔ XUÂN : VỊ TU SĨ NÔI DANH Ở QUAN ÂM CỐ TỰ

Ông sanh trưởng tại Cà Mau. Từ thuở bé, đã có lòng mộ đạo. Đến tuổi thành nhân, dáng người ông nho nhã, tánh nết thuần hòa, lời ăn tiếng nói không nhiễm tục trần, nghe ra có vẻ tiên căn đạo tố.

Thân phụ ông định cầu hôn cho ông nơi danh gia thế phiệt. Nhưng ông đã phát tâm tu trì, không tưởng đến việc hồng trần thế sự, nên thưa cùng nghiêm thân xin hồi hôn, cho ông được tròn ước nguyện thí thân tầm đạo.

Thân phụ ông không nỡ túng ép chi con, đành chuẩn cho ông muốn thế nào tùy ý. Từ ấy ông xuất gia, cất một cái am nhỏ mà tu hành. Nơi cất am chính là chỗ nền chùa bây giờ.

Trên đường tầm đạo, ông vẫn để tóc chớ không cạo như các tăng sĩ, việc ăn mặc vẫn như thường dân, duy nâu sồng bó vải, cốt giữ lòng trong sạch, chân chánh là đủ.

Ở trên gia hộ, dần dần ông phát huệ, cứu bệnh độ người thường có điều ứng nghiệm. Xa gần nghe tiếng, thiên hạ đến xin làm đệ tử của ông ngày một nhiều. Rồi đó thiện nam tín nữ cũng góp của, góp công, cất nên một ngôi chùa gọi là « Quan âm tự ».

Chẳng dè có người tên Đỗ Văn Viễn đem lòng ganh ghét, lên tận Gia Định mách với quan trên :

- Có người tên Tô Xuân, lâu nay ẩn vương nương Phật, chính thật là gian đạo sĩ, có phép sái đậu thành binh, toan mưu phản nghịch. Xin lệnh trên kíp cho quân lính xuống Cà Mau bắt tên đạo sĩ ấy cho chóng, kéo sanh biến to.

Tin bằng lời, quan trên phái một vị lãnh binh dẫn quân đi hỏa tốc xuống Cà Mau.

Trong khi quân binh chưa đến, ông đã biết việc chẳng lành sẽ xảy ra, liền họp các tín đồ lại mà dặn bảo :

- Thầy sắp phải vương nạn lớn. Quân binh sẽ từ trên Gia Định xuống tận đây bắt thầy. Phận thầy, rồi chẳng sao cả, khuyên các đệ tử chớ để lòng lo lắng. Hãy siêng tu tâm dưỡng tánh, lòng ngay thẳng kính thờ Phật, Trời rồi sẽ được tròn quả phúc.

Các tín đồ đều than khóc. Ông hết lời khuyên giải, đoạn khiến tín đồ phải lui gót, ở đâu thì về đó, cứ yên phận tu hành.

Đúng như lời ông đã thị kiến, không mấy ngày quân binh kéo đến chùa, bắt ông đem xuống thuyền, giải đi Sài Gòn. Mặc dầu có lời ông dặn bảo, các tín đồ hay tin đều động lòng, ùng ùng kéo xuống bờ sông, đứng trông vào thuyền chở ông mà than khóc.

Nhưng đã đến lúc ông dứt nợ trần ai : Ngày mùng 3 tháng 6 ông viên tịch tại chùa Kiêm Chương, không kịp thấy sứ triều đình đem sắc phong cho ông làm hòa thượng, được phép trụ trì chùa quan âm tại Cà Mau.

Linh cữu ông được chuyển về Cà Mau, an táng vào ngôi tháp hiện hãy còn.

Triều đình có truy tặng ông một cây gấm liệm xác, 2 cây tích trượng và một tấm bia.

8. ANH EM HỌ ĐỖ - ĐỖ THỪA LUÔNG, ĐỖ THỪA TỰ OANH LIỆT CHỐNG QUÂN PHÁP

Ngoài các danh nhân đã theo phò chúa Nguyễn Ánh, và một tu sĩ đã được vua Minh Mạng tưởng lệ đã kể trên, vùng Bạc Liêu – Cà Mau đến khi có gót sắt của quân đội Pháp xâm lăng vào đời Tự Đức, lại được vinh dự ghi tên hai anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự.

Cuộc chinh phục của Pháp quân bắt đầu, Bạc Liêu, cũng như nhiều tỉnh khác của miền Nam, đã tỏ tinh thần bất khuất của dân tộc bằng những cuộc khởi nghĩa chống xâm lăng, đem xương máu viết nên trang hùng sử.

Ngọn cờ khởi nghĩa được dựng lên đầu tiên ở Cái Tàu, làng Khánh An. Hai chàng thanh niên đầy nhiệt huyết : Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự, con trai của vị võ cử nhân Đỗ Văn Nhân, đã đứng ra qui tụ nghĩa quân kháng chiến vào năm 1872.

Hùng khí có dư, hy sinh không thiếu, dần dần anh em họ Đỗ lập nhiều chiến công oanh liệt, khiến quân Pháp phải khiếp đảm. Dưới sự chỉ huy của anh em ông, nghĩa quân từng đoạt được cả súng đại bác của quân địch, mà đem bố trí tại vùng U Minh hạ, phản công lại rất hữu hiệu.

Nhưng trong tình thế đất nước đã dần dần bị thôn tính, thêm hạng xu mị dần dần cũng quá nhiều ngã theo ngọn cờ tam sắc, lực lượng kháng chiến của anh em họ Đỗ dẫu hùng mạnh đến thế nào, vẫn khó cứu vãn toàn thể đồng bào, lãnh thổ đã bị chà đạp dưới gót chân xâm lược !

Tuy nhiên, *Anh hùng tử khí hùng nào tử !* Tinh thần Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự muôn năm hăng sáng chói tỉnh Bạc Liêu.

9. NGUYỄN THỊ NƯƠNG, MỘT TIẾT PHỤ ĐƯỢC VUA THIỆU TRỊ TƯỜNG THƯỞNG

Có hào kiệt, có anh hùng, có tu sĩ vang danh, Bạc Liêu há chẳng có phụ nữ đáng trọng vọng ?

Sách « Đại Nam nhất thống chí » phần ghi về lục tỉnh, huyện Long Xuyên (Cà Mau) vẫn có phụ nữ đáng kể. Ấy là Nguyễn Thị Nương.

Bà Nguyễn Thị Nương quê ở thôn Tân Mỹ, có chồng là Lý Văn Phước.

Dẫu là dân của xứ « quê mùa » như ca dao vẫn hằng rêu rao « *Bạc Liêu là xứ quê mùa* », bà vẫn là người đoan trinh tiết liệt, một đức tánh cổ truyền của dân tộc Việt mấy ngàn năm văn hiến.

Một hôm, nhân khi đi cùng thuyền với người thân thuộc của chồng là Trần Văn Xung. Xung toan cưỡng bức, bà cương quyết không để thất tiết. Xung bóp cổ bà chết.

Quan địa phương dâng sớ tâu về triều. Năm Thiệu Trị thứ 3 (Quý Mão 1843) nhà vua truy tặng tiết phụ, tường thưởng cho tông tộc.

Chuyện vẫn là chuyện thường. Nhưng đầy ý nghĩa. Một Nguyễn Thị Nương đủ để tượng trưng tinh thần liệt nữ Bạc Liêu. Gương tốt đẹp đã có, tự nhiên trong toàn tỉnh còn có biết bao điều tốt đẹp. Sử sách dẫu ghi chép không có mấy, nhưng xuyên qua một Nguyễn Thị Nương, đủ minh chứng một xứ dẫu nổi tiếng « quê mùa » mà nhân dân chất phác, đầy tinh thần dũng cảm (Dương Công Trừng, Ngô Công Quý là tượng trưng), nghĩa khí (Nguyễn Văn Đức với công nghiệp dẹp loạn, khai hoang lập xã), tiết liệt đáng ngợi biết bao nhiêu.

TẠM KẾT

Quý bạn đọc đã lãnh hội tinh thần anh dũng, cương nghị của một ít danh nhân mà chúng tôi sưu tầm được và trình bày sơ lược chớ không đầy đủ lắm. Tiếc vì những tài liệu các vị anh hùng trên đây rất hiếm hoi, sử liệu chỉ nói đại cương chớ không dồi dào như các vị anh hùng khác, nên chúng tôi không thể nói dài dòng được, xin quý bạn đọc cảm thông cho.

Từ thời xa xưa trở lại đây, hãy còn bao anh hùng chí sĩ, đã vì tiếng gọi của non sông mà đứng lên kháng Pháp tại vùng rừng thiên nước độc, ngã gục vì bệnh tật, hoặc đền xong nợ nước nơi chốn rừng già, chôn vùi khí phách hiên ngang, bao liệt sĩ hữu danh và vô danh ấy đáng được muôn đời tưởng niệm.

Thay vì nước nhà vẫn còn trong cảnh trạng bất yên, nên các sử gia không ghi chép được đầy đủ, chúng tôi đành cam thiếu sót với niềm ân hận khôn cùng, miên man thương cảm. Tuy nhiên, chúng tôi cảm thấy có bốn phận gạch thêm mấy dòng ở nơi đây gọi là chút lòng thành, dâng nén tâm hương tưởng niệm anh linh các liệt sĩ còn mai một táng danh trên đường phụng sự cho dân tộc, trong khi hy sinh bảo vệ cho đất nước.

Tổ quốc sẽ ghi ơn những anh hùng hữu công, đã vì quốc vong thân, với những trang sử oai hùng được lưu truyền mãi mãi.

**Phần thứ ba : ĐỊA DANH, GIAI THOẠI VÀ
HUYỀN SỬ**

ĐỊA DANH

*Bạc Liêu là xứ quê mùa,
Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều Châu.*

Tác giả mở đầu phần Địa danh và huyền thoại của tỉnh Bạc Liêu bằng câu ca dao được truyền tụng rất lâu đời ở miền Nam Việt Nam, ấy là muốn cho những ai chưa biết Bạc Liêu hay chưa đến Bạc Liêu lần nào cũng hình dung được phần nào về đặc tính của địa phương này.

Nhưng Bạc Liêu có phải là xứ quê mùa không ? Về điểm này đối với ngày nay, khi ánh sáng văn minh đã tràn khắp tỉnh thành, làng xóm thì chuyện quê mùa kể như không thành vấn đề nữa. Nhưng trả Bạc Liêu về thời kỳ xa xưa, nghĩa là chừng nửa thế kỷ trước, thì Bạc Liêu vẫn đúng với hai chữ « quê mùa ». Vì thuở trước dân chúng Bạc Liêu từng sống với nghề nông và nghề biển, đời sống phần đông gắn liền với đồng quê.

Ai đã từng đi thăm ruộng lúa ở Bạc Liêu tất nhận thấy tỉnh Bạc Liêu xưa và nay quả là một vừa lúa nhỏ, trong cái vừa lúa lớn của miền Nam Việt Nam.

Tỉnh Bạc Liêu từng sản xuất ra nhà triệu phú Trần Trinh Trạch có lúc dám cho chánh phủ Pháp vay bạc, ấy cũng nhờ cái kho lúa mênh mông của tỉnh nhà.

Trên 30 năm trước đây, người ta thường nói đến các tay « công tử Bạc Liêu » như Dù Hột, cậu Ba Huy từng nổi tiếng như cồn là «Hắc công tử».

Như vậy Bạc Liêu, thời xưa tuy quê mùa, mà nay có phần thịnh nhờ cái vừa lúa thiên nhiên của vùng đồng bằng trù phú. Các tay công tử Bạc Liêu xài tiền như nước, dám đốt giấy bạc để mời xì-gà, dám lái máy bay đi thăm ruộng lúa.

Sự kiện này đã làm cho Bạc Liêu gây được một thời kỳ oanh liệt, ăn chơi suốt từ Nam chí Bắc, mỗi khi nghe danh « công tử Bạc Liêu » là thiên hạ phải thán phục về lối xài tiền đóm dáng.

Nói về cá chốt ở Bạc Liêu, ai cũng công nhận rằng địa phương này có hằng hà sa số cá chốt, nó nhiều có thể nói là vô địch đối với các tỉnh từ Nam chí Bắc. Ai có đi tàu hay đi ghe trên sông Ba Thắc (thường gọi là sông Hậu Giang) hoặc sông Gành Hào, muốn biết cá chốt nhiều hay ít, người ta cứ tiểu tiện đái trên sông, tức thì cá chốt nổi lên đặc ngàu lên sông, có người thấy chóng mặt hoặc không dám ăn cá chốt nữa.

Cá chốt Bạc Liêu đã nổi tiếng là nhiều vô địch không đâu bằng, nên rất dễ gợi cho người phương xa mỗi khi tới viếng Bạc Liêu trở về, đều không quên được cá chốt Bạc Liêu tức là sẽ nhớ mãi các đặc điểm khác lạ của địa phương này.

Bạc Liêu còn nổi danh là nhiều người Triều Châu. Người Tàu đến làm ăn sanh sống ở đây đã hơn một thế kỷ rồi. Nhưng trong số này người ta thường phân biệt người Triều Châu, người Hải Nam, người Quảng Đông v.v... đặc biệt chỉ có người Triều Châu là chiếm đa số. Họ nhiều đến nỗi thấy người Quảng Đông hay người Hải Nam, người ta cũng coi là người Triều Châu.

Ngôn ngữ thông dụng ở đây nhưt cũng là tiếng Tàu. Ai muốn làm ăn buôn bán tại Bạc Liêu ngày trước mà không biết tiếng Triều hay không rành tiếng Triều là điều thiệt thòi lớn. Mấy mươi năm trước, tới Bạc Liêu, người ta đã có cảm tưởng tỉnh Bạc Liêu là tỉnh đặc biệt của người Triều Châu, giống như ngày nay người ta coi Chợ Lớn là thành phố của người Tàu.

Ngày nay trải qua bao nhiêu biến cố của đất nước, Bạc Liêu đã sống vững và trưởng thành, nhưng trước nhưt Bạc Liêu không còn là xứ quê mùa như xưa nữa. Thứ đến, Bạc Liêu không còn là tỉnh thành của người Triều

Châu, vì trước sự tiến hóa không ngừng của dân tộc Việt Nam, thành kiến cũ đã bị xóa tan : người Triều Châu không còn là đa số cũng không còn là giềng mối của mọi sanh hoạt hằng ngày.

TÌM HIỂU TỪ CHỈ TÊN CÁC QUẬN

VĨNH CHÂU LÀ GÌ ?

« Vĩnh Châu » có nghĩa là hạt châu tồn tại muôn đời, nói lên lòng triu mến của nhân dân đối với vùng đất mến yêu.

Thông thường, người ta quen gọi Vĩnh Châu là quận Trà Nho, do từ « Chruì Nhor » của Cao Miên là tên một giống cây mọc nhiều ở vùng này. Tuy nhiên, chính người Miên cũng không đồng ý với nhau về ý nghĩa của hai tiếng Trà Nho. Theo một truyền thuyết khác, Trà Nho do hai tiếng Miên « Chruì Yor » có nghĩa là « Vịnh tử thần ». Vì ngày xưa ghe thuyền nào vô ý vào cập bến Vĩnh Châu, là người trên thuyền đều bị một hung thần vật hộc máu chết tươi ngay.

Theo truyền sử, Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu, có đóng quân ở Cồn Đầm (nay gọi là Cồn Nóc) thuộc quận Vĩnh Châu, đặt tên chỗ ở là Mỹ Thanh. Nơi đây, ngày nay còn di tích nền thành đồn trú, giếng nước, chùa và dòng Thư yết.

HAI TIẾNG GIÁ RAI

Về danh từ quận Giá Rai thì thú vị hơn Vĩnh Châu nhiều, mộc mạc đến thành ngô nghê buồn cười.

Khoảng giữa thế kỷ 19, từ Bạc Liêu đến Cà Mau không có lộ và kinh thẳng. Sự giao thông liên lạc phải dùng các sông rạch thiên nhiên quanh co khúc khuỷu theo rạch Cái Hưu, Cây Gian, rạch Rắn, rạch Lộ Bể, trở ra nơi cách Hộ phòng chừng 800 thước. Khách qua lại thường gặp nhau tại khoảng rạch Cây Gian và rạch Rắn có xóm nhà xen lẫn với từng chòm cây Giá mọc lai rai. Họ hỏi nhau :

- Xóm gì đấy ?

Người đối thoại cũng mù tịt chẳng biết gì hơn, cười mà nói đùa :

- Thì là... xóm « Giá lai rai » chứ gì.

Lần hỏi người ta quen gọi như vậy và lâu ngày gọi gọn lại là « Giá Rai ».

Đối lại, ở cách tỉnh lỵ chừng 4 cây số, có một xóm ở giữa vùng cây giá mọc um tùm, người ta gọi xóm này là xóm « Giá Râm » để đối lại với « Giá Rai ».

NĂM CĂN TỪ ĐÂU MÀ CÓ ?

Đến từ Năm Căn, kể ra cũng ngô nghê mộc mạc không kém gì giai thoại về « Giá Rai » trên đây.

Từ Năm Căn bắt đầu có từ năm 1092.

Lúc ấy vùng này chưa có nhà cửa xóm làng, chỉ có một thiểu số đồng bào làm nghề săn thú rừng và hạ bạc, ở rải rác các rạch xẻo mà thôi. Nơi vòm con rạch Tắt đi qua sông Bãi Háp, con đường duy nhất để đi Cà Mau, lúc sơ khai chỉ có một trại đày vòn vẹn cất năm căn. Kể qua người lại nơi rạch Tắt ấy hỏi nhau :

- Rạch gì ?

Kẻ đối thoại trông quang cảnh mà đáp phóng mạng :

- Rạch trại đày Năm Căn.

Lâu ngày, dân tới ở thêm đông thành xóm, người ta gọi ngay là xóm Năm Căn. Và tên Năm Căn... đi vào lịch sử cho tới ngày nay.

Vâng, tên Năm Căn đáng được đi vào lịch sử tới nay vì nơi chốn sơn cùng thủy tận này, khoảng 1935, từng hân hạnh được viên thống đốc Nam Kỳ là Pagès đi kinh lý đấy. Và cũng chính Pagès cho nó và xã Viên An gồm lại, thành lập làm phân quận hành chánh, tùy thuộc quận Cà Mau ; nay thì đã nghiệm nhiên là quận, trong khi Cà Mau được lên hàng tỉnh.

Đồng Nọc Nạn có thể nói là một địa danh rất nổi tiếng trên địa hạt kinh tế cũng như về mặt sanh hoạt nông thôn.

Dầu không ở tại Bạc Liêu, nhiều người cũng biết danh đồng Nọc Nạn. Cái tên khô khan và nôm na này không phải tự nhiên mà có, đồng Nọc Nạn cũng không phải vô cớ mà nổi danh, sự thật nó là một huyền thoại phát sanh gần một thế kỷ rồi mà bất luận người dân quê nào ở quận Giá Rai hay toàn tỉnh Bạc Liêu cũng đều biết rất rành mạch.

Vậy đồng Nọc Nạn được liệt vào địa danh của tỉnh Bạc Liêu hay của cả một miền Hậu Giang cũng không phải là quá đáng.

Đi thăm đồng Nọc Nạn không phải là việc khó lắm. Chúng ta cứ theo đường liên tỉnh nối thành phố Bạc Liêu với thị xã Cà Mau qua khỏi quận Giá Rai khoảng cách Bạc Liêu chừng 30 cây số ngàn, về phía tay phải, có một cánh đồng ngày nay trở nên màu mỡ, phì nhiêu. Nơi đó, ngày nay cũng trở thành xóm vườn đông đúc dân quê, nối tiếp với những thôn xóm lân cận, đó là ấp Nọc Nạn thuộc xã Phong Thạnh, quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Cái tên Nọc Nạn xuất phát từ chỗ trước kia nơi này là một vùng sinh lầy rộng lớn đầy rừng tràm, choại, dớn, lau sậy chen chúc nhau mọc đầy, quanh năm chỉ còn có chim muông và rặng độc trú ẩn.

Vì sự sống hằng ngày, người dân quê đói khổ của vùng Phong Thạnh, Giá Rai phải chịu gian khổ, rủ nhau đem mồ hôi sức lực ra khai phá cánh đồng sinh lầy.

Người dân quê đi khai hoang đến vùng này, muốn có chỗ che nắng che mưa, tránh rắn độc nên dựng lên những cái chòi. Bởi vì đất sinh đất dớn không thể cất nhà như ở trên khô, người dân quê phải chặt cây làm nọc đóng xuống sinh rồi gác nạ bên trên làm sàn để cất nhà lên đó.

Công việc thật là gian nan vất vả, người dân quê phải tốn không biết bao nhiêu mồ hôi, nước mắt ; kiên gan từ tháng này đến năm nọ. Công việc kéo dài suốt chín, mười năm trường, mới lần hồi biến được vùng đất sinh lầy, đầy choai dớn trở thành cánh đồng màu mỡ gieo trồng được.

Nếu chỉ có như vậy thôi, thì cái tên đồng Nọc Nạn không thể trở thành một huyền thoại, tô đậm sự nhớ thương của mọi người, cũng như ấp Bình An, Phong Phú.

Như trải qua gần một thế kỷ nay, người miền Nam biết đến đồng Nọc Nạn nhiều, nhắc nhở đến đồng Nọc Nạn luôn, đó là do câu chuyện sau đây :

Vào khoảng 40 năm về trước, hồi đồng Nọc Nạn còn là bãi hoang, thì gia đình của ông cha một nông dân tên là Mười Chức, đã đi tiên phong đến khai hoang ở đây.

Trải nhiều cực khổ, ông cha của Mười Chức và đám dân quê mới biến đổi được đất sinh thành ruộng lúa. Mọi người đang yên phận với cảnh sống chơ lăm tay bùn trên đồng Nọc Nạn, thì có một cường hào ở vùng Giá Rai, là một ông Phủ, đã lợi dụng thời cơ dựa vào thế lực của thực dân Pháp vào thời kỳ đó, bằng cách vận động đứng ra lập sổ để một Huê kiều tên Bang T đứng làm tấm bình phong, rồi xin đóng thuế với thực dân Pháp để cướp đoạt đất đai do công lao của dân quê tạo nên.

Sau đó, ông Phủ cùng tên Mã Ngân đem lính tráng vào đồng Nọc Nạn, tự tiện cắm trụ đá làm ranh đất, bắt hết thầy đám nông dân có công khai hoang phải ký giấy làm tá điền, mượn ruộng của tên Huê kiều này.

Cái lối cướp đất ngang ngược này lại được thực dân Pháp che chở và đồng lõa, nên ông Phủ⁴ kể như chiếm được đồng Nọc Nạn rồi, hằng ngày ông cho lính tráng đi dọa nạt dân quê, ức hiếp phải làm theo ý muốn của mình.

Trong số người không chịu được sự áp chế của ông Phủ và những bất công của thực dân Pháp, có anh Mười Chức và một đám nông dân. Họ đã nổi lên dùng gậy gộc dao mác chống lại viên cò Pháp Tournier cùng đám lính mã tà, vì ăn tiền của ông Phủ mà biến thành tay sai, hằng ngày kéo vào đồng Nọc Nạn uy hiếp dân quê để góp lúa ruộng.

Ban đầu cuộc kháng cự của Mười Chức và đám nông dân còn yếu ớt vì họ chỉ muốn biểu lộ sự phẫn uất một cách ôn hòa cho viên cò Pháp rút lui. Nhưng thực dân Pháp và cường hào ác bá thời đó, thường ỷ vào sức mạnh của đồng tiền, của thế lực và võ khí, nên chẳng những họ không rút lui mà họ còn ra mặt đánh đập bắt bớ dân lành.

Mầm công phẫn nổi dậy bùng bùng, Mười Chức và đám dân quê liền đứng lên kháng cự quyết liệt.

Đồng Nọc Nạn nghiêm nhiên trở thành sân khấu của các cuộc đàn áp, đấu tranh đẫm máu. Kết quả, viên cò Pháp Tournier bị đâm chết, Mười Chức cũng bị bắn chết trong cuộc giao tranh, và nhiều người bị thương tích.

Tấn bi kịch không phải tới đó đã hạ màn. Hồi ấy, một viên thực dân bị đâm chết như vậy chẳng phải là một việc may cho dân chúng ; trái lại, là một tai họa tày trời đối với đám nông dân đồng Nọc Nạn ! Thực dân Pháp sai lính tráng đi ruồng bắt những người trong gia đình Mười Chức. Các người anh em của anh bị bắt bớ đánh đập tàn nhẫn và bị đày ra Côn Đảo.

Một số nông dân khác cũng đành cam chịu số phận lầm than nơi chốn ao tù ! Thế là cánh đồng Nọc Nạn lại rơi vào tay bọn cường hào ác bá.

Bây giờ đồng Nọc Nạn đã trở thành một địa danh ưu tú, một cánh đồng lịch sử, do công khai hoang lập ấp của dân quê, nhưng than ôi ! những bàn chân lấm tay bùn ấy lại bị quân cường hào dùng quyền lực cướp mất.

Ngày nay, nhắc đến đồng Nọc Nạn là gây sự xúc động và căm phẫn trong giới nhà nông, vì họ đã đổ biết bao mồ hôi, nước mắt để bồi đắp cho cánh đồng Nọc Nạn được phong phú như thế này.

Người đến Bạc Liêu, ít ai không đi thăm đồng Nọc Nạn.

GIAI THOẠI

« CÔNG TỬ BẠC LIÊU » DO ĐÂU MÀ NỔI TIẾNG ?

Ba bốn mươi năm về trước, thuở tiền bạc đắt đỏ, lúa chỉ có 7, 8 cắc một giạ, tỉnh Bạc Liêu đã nổi tiếng là tỉnh giàu bậc nhất miền Nam, có lắm nhà triệu phú về ruộng lúa, ruộng muối. Ngay trong lúc kinh tế khủng hoảng lúa chỉ còn 0 đồng 25 một giạ, đến nỗi cụ Bùi Thế Mỹ tức nhà văn Lan Đình đã phải thốt mấy câu :

*« Nghèo đến thẳng mình còn chạy quỳnh,
« Giàu như ông Trạch cũng buồn hiu !*

Ông Trạch tức là nhà triệu phú Trần Trinh Trạch ở Bạc Liêu. Kinh tế khủng hoảng thì mặc kinh tế, các tay công tử Bạc Liêu vẫn cứ còn tiền xài « thả cửa ». Vâng, Bạc Liêu là tỉnh trù phú, dân cư đông đúc, chợ búa mua bán tấp nập, cũng là nơi nổi tiếng ăn xài, từng sản xuất các tay công tử năm mươi ngàn « *đổ một trận cười như không* ». Từ Nam chí Bắc đều nghe danh công tử Bạc Liêu một thuở nào.

Thời thực dân phong kiến cai trị, chúng buông thả cho dân chúng tha hồ chơi đủ thứ : hốt me, đá gà, tổ chức những hộp đêm buôn hương bán phấn v.v... Nhất là tỉnh giàu như Bạc Liêu thì dân chúng tha hồ hơn nữa. Có thể nói tứ đồ tường (bốn bức vách tửu, sắc, tài, khí) người Bạc Liêu phần đông đều vương mắc, chẳng nhiều thì ít. Do đó, hạng con ông cháu cha sa ngã trong các mê hồn trận, được thời nổi danh « công tử » đệ nhất là « công tử Bạc Liêu » thì thôi, ai cũng ngán cái nước khuân tiền đổ sông đổ biển của họ.

Đây, thành tích ăn xài khét tiếng của các tay công tử Bạc Liêu hữu hạng :

Chính tại Bạc Liêu người nổi danh nổi tiếng « công tử số một » là Huỳnh Văn Phước kêu là xã Dù Hột (sau này là Ban biện Hột), con ông chủ Chá. Ăn xài tại tỉnh nhà phung phí có tiếng, là dân cậu, mỗi khi lên Sài Gòn – tất nhiên phải ăn xài hơn nữa – thì công tử nhà ta càng trở ngón xài sao cho thiên hạ đều kính nể. Ở thì ở các khách sạn hạng sang như Continental, Majestic chẳng hạn. Ra đường, một mình đi chơi thì dùng đến năm ba chiếc xe kéo, chiếc chõ nón, chiếc chõ cây gậy (canne), chiếc chõ cặp da, mắt kiếng v.v... Đánh bạc thì vô các nhà « xẹt » (cercle) lớn, dám đánh một cây bài đôi ba chục ngàn đồng bạc (nên biết là tiền bạc thuở lúa bảy tám cắc một giá, thấy công tử Bạc Liêu xài tiền như nước ai ai cũng phải sợ.

Công tử Bạc Liêu đứng vào hàng số 2, sau Dù Hột (Huỳnh Văn Phước) kể trên, kể đó là ba anh em Trần Trinh Đình, Trần Trinh Huy⁵. Trần Trinh Khương, con ông Hội đồng Trần Trinh Trạch. Gọi là số 2, vì đi sau « cậu » trước, kỳ thực về mức ăn xài lớn của cậu ba Huy chẳng nhường gì Dù Hột. Cũng đờm dáng đủ điều, cũng phung phí huy hoát. Đến cái nước ganh đua với một tay công tử khác ở Mỹ Tho là Phước Georges, thì cậu ba Huy còn xài buông tay hơn nữa. Trong đêm tối, một bạn bè đánh rơi một vật chi nơi xó kẹt chẳng ? Lập tức Phước Georges lấy giấy con công (giấy bạc 5\$ thời trước) quẹt diêm đốt rọi cho bạn kiểm. Cậu ba Huy có mặt nơi đó há dễ chịu thua ? Thản nhiên như không, « cậu » móc ngay tấm giấy bộ lư (bạc 100\$) hay gọi giấy « săng » (cent) đốt tiếp. Ấy là chuyện điển hình hai tay công tử Bạc Liêu và Mỹ Tho... tranh hùng một thuở chơi hoang. Và vì diện mạo của hai người, Phước Georges trắng trẻo, cậu Huy đen nám, thiên hạ đặt cho danh hiệu là Bạch công tử ở Tiền Giang và Hắc công tử ở Hậu Giang.

Tại Bạc Liêu còn có thêm hạng công tử ăn xài rất đúng cách và óc bảo thủ là Út Thượng, người này đã mất nhưng còn mang tên một con kinh trong điền kêu là kinh Út Thượng, tại điền của ông ngày nay.

Đại khái cái danh « công tử Bạc Liêu » là như thế. Mặc dầu vậy, chớ tưởng hàng công tử ở tỉnh muối đều là thứ ăn chơi. Bên cạnh hạng công tử Bạc Liêu (xài phá hoang phí) mà đời thường nhắc nhở với ý tiếc rẻ, hãy còn một hạng công tử Bạc Liêu đáng mặt hơn. Điển hình cho hạng sau này là Phan Kim Côn, tay công tử hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, hiện nay còn ở Bạc Liêu.

Đã là công tử Bạc Liêu, Ba Côn cũng thuộc hạng bảnh về mặt ăn xài, có điều Ba Côn chẳng khác một Đờn Hùng Tín thuở loạn Tùy sang Đường, hay đem tiền của trợ cấp cho những anh hùng hào kiệt còn thất cơ lỡ vận. Điểm đặc biệt của công tử Phan Kim Côn, là có mắt xanh nhận biết trang lỗi lạc siêu quần trong cơn phong vũ trần ai, sẵn sàng giúp đỡ cho. Nơi nhà Ba Côn thường nuôi giấu chí sĩ cách mạng. Chính Nguyễn An Ninh khi xuống Bạc Liêu đã được Ba Côn tỏ ra trọng đãi vô cùng.

Xuyên qua hai công tử Bạc Liêu mà chúng tôi đề cập ở bài này, hẳn ai cũng nhận thấy cả về hai hạng ăn chơi vị kỷ và hoang phí có ý vị tha – phương diện nào công tử Bạc Liêu vẫn khác thường thiên hạ. Bởi lẽ khác thường ấy, cái danh xưng « công tử Bạc Liêu » tự nó đã hội đủ yếu tố để đáng được... ghi vào lịch sử nhỉ ?

Điều nên biết thêm, cả hai hạng công tử Bạc Liêu ấy, dẫu sao cũng danh chấn nhất thời mà thôi. Ngày nay gia đình xã Dù Hột (điển hình giới ăn chơi) và Ba Côn (điển hình giới hào hiệp trọng nghĩa khinh tài) đều đã sa sút nghèo nàn. Dù Hột nay đã mất nhưng còn người chị là cô Hai Ngó đã chán chê cảnh phù hoa, gột rửa trần tâm phần nào mà hướng về nẻo Đạo có lập một cảnh chùa tại Bạc Liêu, người sau là cậu Ba Côn còn sống phong thái vẫn ung dung trong cảnh nhà cửa suy sụp, nhưng tên tuổi vẫn còn để cho người đời nhắc nhở. Ấu cũng là bài học hay cho đời noi gương, xem đó tu tâm luyện tánh.

Tạo nghiệp đã đành là phải trả cho xong nghiệp quả. Nghiệp trần ai mang nặng nhiều tội lỗi sa đọa, còn kịp có ngày giờ ăn năn sám hối thì hãy

còn làm lại cuộc đời tốt đẹp được. Và vương mang nghiệp hào hoa mà còn biết xét nét qua dĩ vãng trong hành vi cử động của mình, còn biết có lúc phải làm đôi điều phải đạo, phải lẽ, dầu mai sau thất vận, nợ trần ai tay trắng trả vay hoàn tay trắng, hãy còn đôi chút an ủi chuỗi ngày tàn vậy.

Nói đến đất Bạc Liêu mà không đề cập đến các tay công tử thời ấy là một điều thiếu sót, chúng tôi chỉ sơ lược qua vài nét của hai hạng công tử đã nói trên, còn sự phê phán xin nhường cho độc giả, tác phẩm thuộc về loại sưu khảo qua nhiều khía cạnh vì lẽ đó nên không thể đi sâu chi tiết về hành động của một cá nhân nào, xin bạn đọc thông cảm cho.

CHUYỆN BÀ MỤ TRỜI ĐỠ SANH CHO CỌP TẠI RỪNG CÀ MAU

Ngày nay tại tỉnh Cà Mau, hầu hết đồng bào ở đây còn truyền tụng câu chuyện bà Mụ Trời làm một việc bất đắc dĩ, mà cũng là một việc hy hữu, tức là hộ sanh cho cọp.

Cách gần đây một thế kỷ (100 năm) Cà Mau là một vùng đất phù sa sinh lầy, gần như hoang vu. Dân cư thưa thớt, nhưng có nhiều thú dữ như cọp, có nhiều loại có nọc độc như rắn, rắn mủi, và rắn hổ v.v... còn muỗi thì nhiều vô số kể ăn cơm phải giăng màn đốt ung thì mới có thể ngồi ăn được.

Vào thời đó, tại Rạch Bàn, thuộc quận Cái Nước bây giờ, có một bà rất nhơn đức, tên là Trần Thị Hoa, tục gọi là Bà mụ Tư, làm nghề hộ sanh. Thuở ấy hộ sanh là một việc làm phước, không ai chịu lấy tiền công đức, bởi vậy dân chúng thường tặng các bà hộ sanh là mẹ sanh.

Thường lệ nơi đây, hễ mặt trời lặn thì ai ở nhà nấy, rồi cửa đóng then gài. Vì thú dữ quá nhiều, nên họ sợ...

Một bữa nọ vì phải giúp một sản phụ khó sanh, nên Bà mụ Tư về muộn. Chủ nhà phải mượn bốn người trai tráng đưa bà. Về gần tới nhà, bỗng nghe tiếng cộp học rất lớn làm mọi người hốt hoảng, tay chân bủn rủn, người ướt trong quần. Khi hoàn hồn bốn tráng đinh thấy mất Bà mụ Tư thì quả quyết bà bị ông thầy bắt ăn thịt. Vào thời ấy dân chúng rất sợ cộp, sợ hãi đến nỗi không dám gọi đích danh ông hổ hay ông cộp mà phải kính cẩn gọi là ông thầy, có nơi còn lập miếu thờ cộp, nên bốn tráng đinh tất tả chạy về làng đánh mõ và thùng thiếc báo động. Dân làng được tin cộp loạn rừng, cùng nhau mang dao rựa cung nỏ đi ruồng kiếm, nhưng vô hiệu quả.

Rạng ngày dân làng tiếp tục đi tìm dấu cộp. Họ tiến gần đến nhà Bà mụ Tư thì thấy dấu churen cộp, còn rành rành trên mặt đất. Quanh nhà bà cũng thấy có dấu churen cộp, chứng tỏ hồi chiều hôm qua cộp có đến rình nhà bà. Thấy cửa hé mở, dân làng xô cửa bước vào, họ thấy một người hình dạng giống bà mụ Tư đang nằm trên giường day mặt vô vách.

Nghe tiếng động bà mụ Tư giật mình ngó ra ngoài. Quả thật là bà mụ Tư. Ban đầu dân làng ngỡ là ma hiện hình, nhưng sau khi nghe bà lên tiếng thì họ mới hết sợ.

Một trong bốn tráng đinh đã đưa bà về nhà chiều hôm qua đánh bạo lên tiếng : « Rõ ràng chiều hôm qua, chính mắt tôi trông thấy bà bị ông thầy bắt. Nhưng sao bây giờ bà còn sống ngồi ở đây ? Phải chăng bà là ma hiện hồn ? Chúng tôi vái hồn bà có linh thiêng, xin đừng về đây quấy nhiễu, dân làng chúng tôi sẽ lập miếu thờ bà. »

Bà mụ Tư cười đáp :

- Nào tôi có chết chóc gì đâu mà đòi lập miếu thờ... Thật ra, tôi bị ông thầy bắt... nhưng câu chuyện còn dài, mấy chú ngồi chơi, chờ tôi rửa mặt mày một chút bớt mệt, tôi sẽ kể chuyện lại cho mấy chú nghe.

Rửa mặt xong, bà ngồi lại kể chuyện : « Chiều hôm qua tôi đi đỡ đở ở xóm trên rồi trở về, còn chừng hơn mười sáu giờ tối nhà, thành linh tôi nghe tiếng ông thầy học lên dữ dội, liền đó tôi bị lấn ngã, hồn vía tôi lên mây, tôi bất tỉnh nhân sự không hay biết gì hết... Rồi tôi cảm thấy mặt tôi ướt ướt, bên tai tôi nghe tiếng rên, rồi thì tiếng gà rừng gáy vang. Mở mắt ra tôi thấy nằm dưới đất gần bên bà thầy (cọp cái) đang chuyển bụng có vẻ đau đớn lắm và coi mòì khó sanh. Lúc ấy không biết tại sao tôi hết sợ hãi. Tôi chỉ thấy có bốn phận tận tụy đỡ sanh. Dưới bóng trăng khuya, tôi dùng phương pháp đỡ đở cho người, mà giúp đỡ bà thầy hạ sanh hai con được khỏe mạnh. Sanh xong « ông thầy » liếm tay tôi cho sạch huyết dơ rồi tha tôi về đây. Mệt quá tôi để y nguyên quần áo như vậy mà ngủ thì mấy chú vô nhà làm tôi thức giấc.

Mọi người nghe bà mẹ Tư thuật chuyện xong, thấy đều vui mừng khen ngợi bà ăn ở có đức lớn, nên Trời Phật độ mạng.

Bà nói :

- Nhờ trời mà tôi thoát chết, nên mai này tôi sẽ cúng heo để trả lễ Trời Phật, luôn dịp mời bà con đến chia vui với tôi.

Sáng hôm sau, vừa mở cửa bà mẹ Tư thấy một con heo rừng lớn nằm ngay trước cửa. Bà hoảng hốt, nhưng xem kỹ thì thấy con heo rừng này đã bị cọp móc họng vừa mới chết.

Xóm làng hay được tin này đều bảo rằng đó là ông thầy đền ơn bà mẹ. Bà nhờ lối xóm giúp tay ngã heo rừng cúng Trời Phật và đãi xóm làng. Mọi người không ngớt miệng khen ngợi bà là con Trời nên mới dám đỡ đở cho « bà thầy » từ đó về sau ai nấy đều gọi bà mẹ Tư là Bà mẹ Trời.

Thỉnh thoảng Hồ cũng mang biếu bà mẹ Trời một vài con thịt rừng cho đến khi bà mãn phần.

Hiện nay đồng bào vùng Bạc Liêu - Cà Mau còn truyền tụng bà mẹ Trời là do tích hộ sanh cho hổ cái.

MIẾU BÀ CỐ LINH THIÊNG VỚI QUAN CHÁNH THAM BIỆN NGƯỜI PHÁP

Tại Bạc Liêu (Vĩnh Lợi) ngày nay ai đến bến xe đò, gần nhà đèn đều trông thấy một ngôi cổ miếu, vách gạch lợp ngói âm dương rộng độ 20 thước vuông, dựng tại gốc cây đa cổ thụ cành lá sum sê ngả ngọn de tàn bao trùm trên nóc miếu mát rượi cả ngày, gốc rễ mọc ra chằng chịt thân cây ba bốn người ôm mới giáp. Ngôi miếu này do vị tham biện người Pháp tên Boudineau trùng tu lại cách nay trên 60 năm để thờ Thất Thánh nương nương, đồng bào ở đây thường quen gọi là Miếu Bà Cố. Trước kia miếu Bà nằm trong phần đất của tòa Tỉnh trưởng, cách dinh ông chánh chừng 200 thước.

Hiện thời vào những ngày sóc vọng, đồng bào bá tánh tụ họp để đốt nén tâm hương chiêm ngưỡng thành kính sự anh linh của bà, khói hương nghi ngút, đôi bạch lạp sang rõ trước linh bàn như vàng nhứt nguyệt.

Nhưng, cũng như tất cả những gì do bàn tay con người xây dựng ngôi cổ miếu này non một thế kỷ bền gan chịu đựng sự tàn phá của mưa nắng gió sương. Đứng trước cảnh rêu phong ngói đổ, vách lở tường long, chúng ta cảm thấy tắc dạ bùi ngùi mà hồi tưởng những truyện linh thiêng hiển hách, do các bô lão địa phương thuật lại.

Xưa kia miếu này có một sự tích hết sức ly kỳ, mãi đến ngày nay dân chúng còn truyền tụng.

Vào thời Pháp thuộc, cách đây hơn 70 năm, gần dinh quan Tỉnh trưởng tức là dinh ông Chánh tham biện, gọi tắt là dinh ông Chánh, có một cây đa to, cành lá xanh tươi. Tại gốc đại thụ này có dựng một cái trang nhỏ,

lợp bằng lá dừa nước, để thờ cốt bà. Nơi đây ngày đêm hương khói nghi ngút. Dân chúng địa phương rất tin tưởng oai linh cốt bà, nên mỗi khi đi ngang qua miếu, người người đều phải lột khăn nón xá bà, không ai dám thất lễ.

Ít lâu sau, ông Chánh tham biện tức là chủ tỉnh Bạc Liêu, nhận được nghị định quan Thống đốc Nam kỳ, dạy mở rộng địa thế tòa tỉnh trưởng và xây cất dinh chủ tỉnh lại bằng gạch để thay thế dinh cũ. Vì nói rộng đất tòa tỉnh trưởng, thành thử miếu bà nằm trong phần đất thuộc phạm vi của dinh chủ tỉnh xa độ hai công đất.

Tánh người Pháp không muốn có đình miếu cất trong đất ông Chánh, nên gởi trát cho quận phải triệt hạ miếu bà và đốn cây đa. Quan chủ quận được lệnh đem dân đến đốn nhưng không ai dám phạm búa vào cây đa linh thiêng này cả. Ông quận bèn trình lên quan chánh tham biện Pháp đến thị chứng. Ông này đến tận miếu buộc phải đốn cây đa tức khắc. Dân làng sợ quá mới bẫm :

- Bẫm quan lớn, chúng tôi không dám phạm đến oai linh của bà, nếu quan lớn muốn đốn cây đa này thì xin quan lớn cầm búa chém vào cây đa ba búa trước, thì dân làng chúng tôi mới dám tiếp tục đốn ngã cây đa.

Ông chánh thấy dân chúng quá tin tưởng dị đoan, thừa dịp này ngài muốn làm cho dân chúng bớt mê tín, nên mạnh dạn hươ búa định chém vào cây. Bất thần, trong đám dân làng có một người nhập cốt xưng danh Thất Thánh nương nương, đồng dặc bảo thẳng với chánh tham biện Pháp :

- Ta nói cho nhà ngươi rõ. Nếu ngươi ngang nhiên đốn phá chỗ của ta ở, thì ta sẽ vật mấy đứa con trai của ngươi chết liền trước mắt !

Nói xong thẳng ngay. Quan chánh tham biện nổi xung, chém mạnh vào cây đa một nhát búa, song chưa kịp rút ra thì thấy tên bồi giúp việc nhà cho ông sợ hãi chạy tới cấp báo với ông rằng : Mấy đứa con trai nhỏ của

ông là cậu Rọt, cậu Chel, cậu Jacque đang ngồi chơi bồng nhiên học máu và bất tỉnh.

Ông nghe nói hết hoảng cấp tốc trở về dinh và cho mời liền bác sĩ đến điều trị. Bác sĩ xem mạch khám bệnh bảo là các em bị té nặng động phổi và cho uống thuốc cầm máu nhưng vô hiệu quả. Cả nhà còn đang lo sợ, lúc ấy có ông chủ quận Trương Công Lãnh bảo nhỏ với bà chánh tham biện : chắc có lẽ lúc nãy quan lớn khắc búa vào cây đa miếu bà nên bị bà quở hành mấy cậu. Vậy bà lớn nói với quan lớn vái tạ miếu bà thì chắc các cậu mạnh liền. Bà chánh nói lại với ông chánh và có ý phiến trách hành vi của chồng vừa rồi, việc làm đã không có lợi mà còn thêm hại cho con. Bà khuyên chồng mau mau lại miếu bà vái xin lỗi tạ. Ông chánh nghe qua bán tính bán nghi, tuy nhiên phần thì thương con, phần nể vợ, nên chịu ra miếu bà. Ông khẩn vái : « Nếu bà linh thiêng xin cho con tôi khỏe mạnh, tôi sẽ cất miếu lại cho bà. » Vái rồi ông về đến dinh thì thấy mấy đứa con ngồi chơi như thường. Cả nhà ông chánh đều vui mừng. Liền đó ông thuê lệnh triệt hạ miếu bà và cây đa, rồi xuất tiền riêng mượn dân làng xây cất miếu lại bằng gạch lợp ngói rất đẹp và nói rộng rãi hơn xưa.

Từ đó ông chánh bà chánh hết lòng tin tưởng sự huyền bí của bà, ông bèn ra lệnh chuyền đèn điện vào miếu đốt sáng đêm, trước điện thờ bà không để cho tối, sự linh hiển của bà vẫn liên tục đến nay, đồng bào liên tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng, Cần Thơ mỗi khi đến xin xâm cầu nguyện, được bà mách bảo sự kết hung rất linh ứng, còn những kẻ ngang ngược khinh khi ngạo nghễ bà sẽ hành cho thấy trước mắt.

Chúng tôi nghe tin đồn sự linh hiển của bà do một ít người thâm niên ở Bạc Liêu lên Sài Gòn kể lại, chúng tôi bán tín bán nghi, muốn rõ hư thật thế nào, đích thân xuống tận Bạc Liêu tìm đến nhà các vị cao niên thân hào nhân sĩ tại đây, hỏi qua sự tích miếu bà Cố do người đồn đãi từ lâu. Quý vị ấy không ngần ngại tường thuật những sự việc mắt thấy tai nghe

cho chúng tôi rõ chi tiết, và còn rất nhiều chuyện hiển linh khác nữa, đồng bào quanh vùng chợ Bạc Liêu có dịp chứng kiến.

Nghe qua câu chuyện chúng tôi có cảm nghĩ và băn khoăn : Giữa cái thời đại nguyên tử này tại sao có những chuyện thần thoại gieo rắc vào đầu óc con người như thế ? Có phải phản sự tiến bộ của dân tộc không ? Chẳng riêng miếu bà Cố ở Bạc Liêu và còn biết bao nhiêu chuyện huyền bí khác đã xảy ra trên thế giới nói chung và ở xứ ta nói riêng, như miếu Bà Mã Châu ở Cà Mau, miếu bà Chúa Xứ ở núi Sam, Châu Đốc v.v... hằng năm đồng bào lục tỉnh đổ xô đến hằng triệu người để chiêm ngưỡng trong những ngày vía.

Trở lại vấn đề miếu Bà Cố, chúng tôi không thần thánh hóa để gieo sự mê tín cho đồng bào, chỉ thuật lại những lời đồn đã thâm lượm được, cần nêu lên cho độc giả rõ biết với tinh thần hiểu cổ và cũng là một di tích lịch sử ở tỉnh Bạc Liêu ngày nay được đồng bào sùng kính, hầu hết khắp nơi đều nghe biết. Tỉnh Bạc Liêu trải qua bao lần biến cố, cảnh vật tiêu hao, nhưng miếu Bà Cố vẫn được an toàn, lúc nào cũng có người tới lui lễ bái không ngớt.

Trước tòa cổ miếu có một tấm biển sơn son thếp vàng viết trên hiên bằng chữ Hán như sau : **THẤT THÁNH CHÍ LINH CHƠN TRUYỀN CỐ MIẾU**

Và hai bên cột có hai câu đối, chúng tôi mạn phép xin ghi nguyên văn :

**THÁNH ĐỨC TỪ BI THÔNG DIỆU PHÁP
THẦN LINH PHỔ ĐỘ VẠN THIÊN CƠ**

Sau khi ghi chép đầy đủ về sự tích miếu Bà, lòng tôi nao nao, cảm thấy hình như còn thiếu sót một cái gì, nên có cảm tác những vầng thơ dưới đây :

CẢM TÁC

Một giai thoại, nghe qua càng hào hứng
Đề cao câu nên kính Thánh trọng Thần
Ngôi cổ miếu, địa phương đều tôn kính
Bài học hay, cho tham biện Pháp triều.
Để chứng minh, oai linh thiêng Thần Thánh
Cõi hữu hình, đồng nhứt với vô vi
Trơ với non sông tàn cây cỏ thụ
Đêm trăng về, tô đậm nét huyền linh.
Ve dế gáy, kết tinh thành nhạc điệu
Gió vờn bay, lá đổ lạnh tê rờn !
Cặp rắn thần⁶, như đến ngay châu chực
Bóng đèn khuya lả ngọn xé màn đêm,
Chiều về đến, ánh tà dương lổ đổ
Khói hương trầm nghi ngút quyện không gian
Khúc phim đời, chớp nhoáng tuôn lệnh gió
Như bức tranh, sống đẹp nét huy hoàng.
Linh Thượng Đế vạn năng quyền tối thượng
Linh Thánh Thần làm tiêu biểu hơn gian
Để đồ đậm câu « Hữu cầu tất ứng »
Miếu có Bà, chùa điện có Phật Trời.

MIẾU BÀ MÃ CHÂU (CÀ MAU)

Về sự tín ngưỡng, thờ phượng, ngôi miếu được hầu hết đồng bào địa phương, nhất là đồng bào Việt gốc Hoa, sùng phụng nhiều hơn cả, là miếu thờ Bà Mã Châu. Chẳng những tại Bạc Liêu có miếu thờ, mà tại Cà Mau, Năm Căn cũng đều có.

Kể về mặt anh linh hiển hách, miếu Bà Mã Châu có tiếng thiêng liêng chẳng kém gì miếu Bà Cố.

Đời vua Minh Mạng năm thứ 12 (1831), vùng Bạc Liêu Cà Mau hãy còn trong tình trạng bán khai. Dân cư Cà Mau hầu hết sống với nghề làm củi hoặc nghề hạ bạc. Người Hoa kiều thì sống với nghề thương mại, dùng ghe bầu làm phương tiện di chuyển, lưu thông trong vùng Cà Mau để tiếp xúc với đồng bào địa phương, bán chác hàng hóa.

Ngày kia, dân chúng bỗng xôn xao về tin đồn :

- Có một cái xác đàn bà lơ dờ mãi ở ngã ba giáp nước, hình dung còn tươi rói.

Ai nấy đổ xô về phía ngã ba sông Gành Hàu, rạch Tắc Thủ mà xem. Quả thật, xác người đàn bà lững đững trên dòng nước mãi, không trôi đi đâu cả. Thấy lạ, dân làng vớt lên, không ngớt bàn tán. Và lại cũng không thấy ai quanh vùng nhận xác, vì chẳng ai có thân nhân mất tích. Như thế, đích là xác lạ trôi từ ngoài biển vào, không phải là dân trong làng xã. Nhà chức trách địa phương xét không ra mối, đành cứ cho chôn cất.

Bất ngờ một cô gái làng bỗng bị hồn thiêng nhập xác, tuyên bố đồng dạng về cái xác vô thừa nhận :

- Ta là Mã Châu đây, người trong hoàng tộc triều Thanh, đi thuyền chạy giặc, chẳng may gặp bão tố ngoài khơi, sóng nhận chìm thuyền. Xác ta trôi dạt nơi này, đành lòng nương tựa cõi đất thiêng. Các người lập miếu thờ phượng, ta sẽ phù trì cho dân làng làm ăn được phát đạt, mua may bán đắt.

Dân làng cũng chưa lấy làm tin. Lạ thay ! liên tiếp nhiều đêm, nhân dân quanh đấy đều mộng thấy bà hiện về báo cho biết nhiều điều linh ứng. Cho đến các nhà tai mắt trong vùng, dần dần cũng cảm nhận sự linh thiêng của bà. Do tắc lòng sùng kính, đồng bào địa phương bèn cất miếu thờ bà từ đó.

Miếu cất xong, vách ván, lợp lá, sự hiển hách của bà càng thêm biểu lộ. Chẳng mấy lúc, bá tánh hoàn toàn xưng phục, xây cất miếu lại khang trang mỹ lệ cho đến ngày nay. Nơi miếu Bà, thiên hạ lui tới dập dìu, khói hương nghi ngút suốt ngày đêm.

Hằng năm, lễ cúng tế nhằm ngày mùng 9 tháng 3 âm lịch, tại miếu bà ở Cà Mau. Còn hai ngôi miếu ở Bạc Liêu và Năm Căn cũng làm lễ ngày ấy.

Ngày đại lễ, bá tánh thập phương kéo đến dâng hương đông nghịt, chen chơn không lọt.

Kẻ khiêng heo quay, gà vịt xôi, bánh để cúng tế tấp nập, giấy tiền vàng bạc đốt vô số kể, khói hương ngút tỏa cả một vùng, có người chịu không nổi, chảy nước mắt sống ngộp hơi thở ngất xỉu. Còn giới đồng bóng có phần âm nhập xác lên nói tiếng Tàu, múa hát chúc tụng dựng hoa, dựng lộc, bên ngoài cũng có dàn nhạc, phụ họa nghe rất êm tai, thật là một quang cảnh tưng bừng náo nhiệt.

Kẻ tới, người lui không ngớt, hai bên mái hiên có những bàn đoán xâu, xù quẻ. Quán xá che từ khóm mọc lên như nấm, bán đủ thức ăn và đồ giải khát. Đồng bào địa phương nhờ trong những dịp này mua bán kiếm được tiền nhiều.

So sánh ngày vía Bà Mã Châu Cà Mau không kém gì vía bà chúa Xứ ở núi Sam (Châu Đốc), từ ngày 23-24-25 tháng 4 hằng năm, có người ở xa đi trước kiếm chỗ trọ, sự tín ngưỡng của người Việt Nam không thể tả được.

Theo sự chúng tôi biết, mỗi năm nhằm ngày vía như trên, số tiền của khách thập phương đem đến cúng bà có cả mấy trăm ngàn.

Mấy năm gần đây, tình hình chẳng được yên ổn, số người đi dự lễ không được phần đông đảo như lúc trước, nhưng không kém phần náo

nhiệt.

Ở miền tây Hậu Giang có 2 ngôi cổ miếu được đồng bào dân chúng lục tỉnh Nam kỳ sung kính, thành ra cổ tục được di truyền cho đến ngày nay.

HUYỀN SỬ

CHUYỆN CÁ SẤU CỨU CHÚA TÔI NGUYỄN ÁNH ĐƯỢC PHONG CHỨC LANG LAI ĐẠI TƯỚNG QUÂN

Ngoài lề lịch sử, trong dân gian từ trước tới nay người mình đã truyền khẩu lắm chuyện tích lý kỳ xảy ra trong thời Nguyễn Ánh (tức Gia Long) tâu quốc.

Về những chuyện xưa tích cũ ở Bạc Liêu, người ta thuật lại rằng : Hoàng đế Gia Long hồi còn là Nguyễn Ánh đang nổi trôi trên đường tâu quốc, trước sự truy nã của cường địch Tây Sơn. Một hôm cùng tướng tá và binh sĩ xuống thuyền định chạy ra Phú Quốc. Đoàn chiến thuyền đang dung ruổi trên sông Ông Đốc, thì bỗng có một đàn cá sấu nổi lên đặc nghẹt cản đường. Thuyền chúa Nguyễn không làm sao vượt qua được. Thấy sự lạ cho là điềm xấu, Nguyễn vương đứng trước mũi soái thuyền, lâm râm khẩn vái :

- Tôi là Nguyễn Ánh, đông cung thừa nghiệp của tiên vương, bị quân Tây Sơn oán nghiệp yếm bách phải bôn đào, đang ở vào lúc thế cùng vận bĩ. Nay tôi định ra Phú Quốc lánh xa cường tặc, chiêu binh mãi mã để khôi phục cơ đồ. Đàn cá sấu kia sao lại cản đường ta ? Phải chăng lòng trời còn nương tựa nhà Nguyễn, xui khiến đàn sấu báo điềm cho tôi biết nguy hiểm đang đón chờ, ở đâu sông kia là tử lộ ? Nếu phải vậy thì đàn sấu kia hãy dang ra đi rồi tái hiện ba lần. Bằng không, hãy để cho tôi tiếp tục hành trình, vì thời gian rất quý báu.

Nguyễn chúa khẩn vái xong, đàn sấu bỗng lặn đi mất. Nhưng một lát sau lại nổi lên cản đường nữa, và làm như vậy đúng ba lần. Nguyễn Ánh tin điềm, liền ra lệnh cho chiến thuyền quay trở lại, đồng thời phái thám tử đi dò xét thử. Vài hôm sau thám tử trở về, báo cho biết rằng quả có lực lượng Tây Sơn rất hùng hậu phục kích ở cửa sông Ông Đốc.

Một lần khác, thuyền chúa Nguyễn từ trong rạch sắp vượt ra vịnh Xiêm La, bỗng có 2 con rái cá lội ngang qua rạch đón trước mũi thuyền như muốn cản đường. Xem đó là triệu chứng bất thường, chúa Nguyễn muốn lui quân, nhưng đã trễ, đành phải tiến tới. Quả nhiên gặp một đội chiến thuyền địch chặn đánh, đoàn thủy binh của chúa Nguyễn sắp bại đến nơi, thì may sao, trời giông gió bão dữ dội làm đắm các chiến thuyền Tây Sơn, Nguyễn quân nhờ đó mà thoát nạn.

Về sau phục được cơ nghiệp, Gia Long hoàng đế không quên ơn những giống vật đã cứu mình trong lúc hiểm nghèo, phong cho đoàn cá sấu danh hiệu mỹ miều là « Tân Ngạc Ngư Long » và phong cho hai chú rái cá chức « Lang lại nhị đại tướng quân ».

Lúc từ Phú Quốc trở về, do ngả Cửa Lớn và sông Bãi Háp, Nguyễn chúa ghé lại Cà Mau, ra lệnh cho quân xây cất « Miếu công thần » để tưởng niệm những quan binh đã có công hộ giá mà tử trận, hoặc vì nước độc rừng thiêng, chịu không nổi phong sương chướng khí, phải bỏ mình trên đường dong ruổi...

Nơi rừng Cà Mau, từ U Minh thượng đến U Minh hạ còn để lại rất nhiều di tích lịch sử của chúa Nguyễn trong lúc ngài bôn Nam tẩu Bắc lẩn tránh Tây Sơn, có lúc ngài vượt thuyền ra hòn đá Bạc và hòn Chuối, xây đồn đắp lũy, ngăn giặc và cũng chọn nơi làm yếu điểm liên lạc tại đây.

Rất thương cho những vị công thần đã theo ngài góp công khai hoang lập ấp, phần tuổi già sức yếu đành gởi năm xương nơi tận khách địa. Nhà vua lấy làm thương tiếc, cho lập miếu công thần để thờ tại đất Cà Mau, ngôi miếu dựng trên một khoảnh đất rộng rãi có những cây cổ thụ chung quanh, có đặt người coi giữ lo việc lửa hương cúng tế, hiện nay là cơ sở hiến binh, sau này miếu được dời về kế cận đình làng. Trên đường bôn tẩu của nhà vua khắp trong miền Nam nước Việt, từ rừng núi xa xôi hẻo lánh, đều có những di tích do ngài xây dựng.

Với câu chuyện nhà vua và đàn cá sấu mà chúng tôi sưu tầm trong quyển địa phương chí của người Pháp ghi chép khá đầy đủ những giai thoại ở miền Nam.

Câu chuyện trên đây rất lý thú, chúng tôi soạn lại cho bạn đọc có óc sưu tầm và thích nghe qua những chuyện cổ tích.

NGUỒN GỐC AO NGỰ VÀ ẤP GIÁ NGỰ

Trong cơn quốc biến trên đường tẩu quốc của Nguyễn vương và đoàn tùy tùng theo ngài vào Nam để tìm đường sinh lộ, thật ra lắm hồi gian nan vất vả, dẫu chơn của ngài đã dẫm khắp đó đây, từ hang cùng ngõ hẹp, sông rạch quanh co, vùng Rạch Giá, Bạc Liêu, Cà Mau, ngài đều trải qua tất cả, đoàn quân của ngài đi tới đâu được nhân dân địa phương ủng hộ triệt để, nhờ vậy mà không bị lộ bí mật, nhờ sự giúp đỡ tận tình của người dân miền Nam, một số tình nguyện dẫn đường lẫn tránh Tây Sơn. Nhớ rằng thuở xưa đất đai còn hoang vu, không có đường bộ như ngày nay, từ trấn này qua trấn kia, phải đi bằng đường thủy, hai bên rạch rậm rạp, âm u, nếu không nhờ người địa phương hướng dẫn, chắc chắn phải bị lạc và không thể nào thoát khỏi tay giặc. Trên đường dong ruổi của Nguyễn vương, theo con rạch Cái Rắn thuộc xã An Hưng, cách huyện Long Xuyên (tức là Cà Mau bây giờ) độ chừng 15 cây số ngàn. Vùng này là một vùng toàn là nước mặn, gặp phải mùa nắng thiếu nước, chỉ còn cách đào giếng, đào ao để lấy nước ngọt dùng. Đặc biệt và lạ kỳ nhất, là đất ở đây rất xốp và rời, cho nên công việc đào giếng lấy nước của dân địa phương thật là khó khăn bất tiện.

Khi Nguyễn vương bắt buộc phải đồn trú tại Cái Rắn thì việc khó khăn trước nhất là vấn đề nước uống. Vì bởi khắp xóm này không có cái giếng nước ngọt nào.

Trong lúc quân bách, Nguyễn vương không biết làm sao hơn là truyền quân đặt bàn hương án giữa trời, khẩn vái để cầu xin phò hộ cho

việc đào giếng được nước ngọt.

Sau đó, Nguyễn vương truyền cho quân sĩ đào một cái giếng ở ngay nơi đặt bàn hương án. Khi giếng đào xong, mức nước lên nếm thử thì thấy ngọt ngay. Nguyễn vương cả mừng, tạ ơn trời đất đã phò hộ mình, ban cho giếng nước ngọt.

Vào lúc quân Tây Sơn nản lòng, không mở cuộc bao vây lòng xết trong vùng Bạc Liêu nữa, Nguyễn vương cùng tướng sĩ đem thân quyến rời khỏi vùng Cái Rắn, theo sông Ông Đốc mà trốn ra Phú Quốc, rồi lại sang Xiêm cầu viện.

Cái giếng nước ngọt giữa lòng đất mặn tại Cái Rắn, lúc Nguyễn vương rút đi rồi thì bỏ hoang, mưa gió làm đất lở ra gần thành cái ao. Dân địa phương thấy ao nước quý giá, liền chăm lo tu bổ, trở thành ao nước ngọt tốt nhất trong vùng.

Nhớ đến gốc gác của giếng nước ngọt do Nguyễn vương ngự đến Cái Rắn và đào giếng nên gọi cái giếng ấy là AO NGỰ.

Ao này đã cách đây gần 200 năm, đến nay vẫn còn, tại xóm Cái Rắn, xã Tân Hưng. Mùa nắng hạn, dân trong vùng đã nhờ AO NGỰ mà có nước ngon.

Theo những người không tin dị đoan mà am hiểu địa lý, sở dĩ Nguyễn vương đào được giếng nước ngọt, có lẽ nhờ trong đám quan quân của ông, có người giỏi về khoa địa lý, nên tìm ngay vùng đất có mạch nước ngọt để đào giếng, thành ra mới có giếng nước tốt như vậy, chớ không do lý lẽ nào khác. Dầu vậy, dân chúng Bạc Liêu đã quen gọi đó là AO NGỰ.

Nói về ấp Giá Ngự, tại Bạc Liêu, mọi người đều nhớ đến một huyền thoại được lưu truyền trong dân gian, mãi đến nay vẫn còn.

Nguyên vào thời kỳ Nguyễn vương tâu quốc, từ rạch Cái Rắn, quân của Nguyễn vương đi lần ra biển, qua rạch Rau Dừa rồi tới rạch Cái Nước, đổ ra sông Bã Háp để vào vịnh Xiêm La. Nếu đi ngã này thì khỏi phải đi ngã vàm sông Ông Đốc.

Công việc vượt sông, vượt biển này, không phải một ngày một bữa mà xong được, cũng không phải không dự trữ mọi thứ cần dùng cho cuộc hành trình xa xôi và nguy hiểm. Bởi vậy, trên hành trình vào vịnh Xiêm La, Nguyễn vương và đám tùy tùng phải dừng lại tại một nơi thuộc hữu ngạn sông Bã Háp, ở nhằm vị trí vàm rạch Cái Nước đổ ra.

Vì gặp phải giông gió bất ngờ, nên Nguyễn vương phải tạm hoãn cuộc hành trình đến gần nửa tháng, dừng lại tại nơi đây. Dân chúng quanh vùng có đến yết kiến Nguyễn vương, thường gọi là Ngài Ngự.

Đến sau Nguyễn vương đi rồi, người quanh đó vẫn nhớ tới nơi Ngài Ngự đến, nên vùng này gọi là ấp Giá Ngự cho tới ngày nay.

Ấp Giá Ngự hiện thuộc xã Tân Hưng Đông. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), ấp Giá Ngự là một trong những địa phương tiếp tế lương thực như lúa gạo, dừa khô, cá tôm. Riêng người dân ở ấp Giá Ngự luôn luôn có nếp sống cần cù nỗ lực để phụng sự đất nước.

Bên lề lịch sử : KINH CẠNH ĐỀN_ẤP CẠNH ĐỀN

Đâu xa bằng xứ Cạnh Đền

Muỗi kêu như sáo thổi,

Đĩa lền như bánh canh.

(Ca dao)

Từ hơn một thế kỷ nay, nhân dân trong tỉnh Bạc Liêu đã truyền khẩu từ người nọ sang người kia câu ca dao trên đây.

Sự thật, câu ca dao này không phải tự nhiên mà có, cũng không phải người ta thêu dệt ra để nghe chơi, mà nó đã xuất phát từ một huyền thoại để làm sống mãi cái di tích lịch sử này.

Cạnh Đền ở đâu ? Đó là một địa danh thuộc vùng U Minh với rừng tràm bao bọc, màu nước đỏ ngầu, ứ đọng quanh năm, thuộc xã Ninh Thạnh Lợi quận Phước Long (Bạc Liêu).

Ngược dòng lịch sử để tìm hiểu nguồn gốc của Cạnh Đền thì chúng ta được biết, vùng đất này trước thế kỷ 17 thuộc về người Thủy chân Lạp. Cho nên mãi tới ngày nay vẫn có một số người Thủy chân Lạp sống trong vùng này với tập quán, cổ tục riêng của họ, và họ sinh sống bằng nghề làm ruộng, giăng câu, bứt khoai, đốn củi v.v...

Ngay sau cuộc Nam tiến của người Việt Nam dừng lại ở thị trấn Hà Tiên thì người Việt từ miền Tiền Giang đã vượt qua sông Hậu đến khai hoang trong vùng U Minh này.

Vì là vùng rừng rú, nước đọng quanh năm nên muối mông, đĩa vắt sanh sôi nảy nổi rất nhiều, hằng hà sa số, đến đổi người dân quê phải biết sợ. Còn người phương xa mà tới đây thấy muối Bạc Liêu, thấy đều ngán ngược. Thiên hạ đã dùng ca dao để diễn tả « *muối kêu như sáo thổi, đĩa lênh như bánh canh* » thì ta đủ hiểu muối và đĩa ở ở Cạnh Đền nhiều đến thế nào.

Tại đây, ngoài nghề khai hoang, làm ruộng, người nông dân còn sống với nghề bắt cá, giăng câu, vô rừng đốn củi làm tan, bứt dây choại dùng làm sản phẩm để mua bán, trao đổi với nhân dân vùng phụ cận.

Ai có ở Bạc Liêu đều biết rõ Cạnh Đền, ai ở Hậu Giang cũng đều nghe nói tới Cạnh Đền. Cạnh Đền đã thành một địa danh nổi tiếng của tỉnh Bạc Liêu.

Trở về nguồn gốc, cái tên Cạnh Đền được khai sinh vào thế kỷ 18, nó xuất hiện trên bước đường bôn tẩu của vua Gia Long.

Năm 1783, lúc Nguyễn vương bị quân Tây Sơn truy nã ráo riết, ngài phải đem Vương mẫu và cung quyến chạy trốn đến vùng U Minh.

Lúc bấy giờ trong đám cung quyến theo Nguyễn vương đi tị nạn trong vùng rừng sâu nước độc, có công chúa Ngọc Hạnh. Công chúa là phận liễu yếu đào tơ, không quen với phong sương mưa nắng, vùng U Minh lại lắm muỗi mòng, khí độc, nên công chúa không chịu nổi cảnh sống gian lao vất vả, vương nhằm bệnh thương hàn.

Thầy thuốc của Nguyễn vương dẫu giỏi, nhưng không có thuốc để trị bệnh thương hàn, thành ra sau bốn hôm lâm trọng bệnh, công chúa Ngọc Hạnh nhắm mắt lìa đời.

Wương mẫu và Nguyễn vương vô cùng thương tiếc, nên sau khi an táng công chúa ở giữa rừng, Nguyễn vương truyền cho quan quân dựng đền thờ công chúa, tục gọi là Cạnh Đền.

Danh từ Cạnh Đền, bắt đầu được lưu truyền từ đó.

Trong thời Pháp thuộc, thực dân mở cuộc khai hoang ở vùng U Minh có dùng xáng đào một con kinh để nối liền chợ Hộc, thuộc xã Tân Phú với sông Bà Ai, thuộc xã Ninh Thạnh Lợi.

Con kinh này có đoạn băng ngang Cạnh Đền, người dân địa phương quen gọi là « Kinh Cạnh Đền ».

Ngày nay ai đi qua Kinh Cạnh Đền, đều nhìn thấy di tích ngôi đền thờ công chúa Ngọc Hạnh hầy còn đứng vững với phong sương.

Người ta còn tìm thấy xác chiếc ghe hồi Nguyễn vương dùng để lánh nạn quân Tây Sơn, hầy còn nằm ở kế Cạnh Đền.

Trong 80 năm dưới thời Pháp thuộc, vùng đất phì nhiêu này đã sản xuất ra nhiều thổ sản, như lúa, khoai, cá, khóm, choại. Lúc đó, vùng Cảnh Đền trở thành đồn điền khai thác lâm sản của công ty Cressier.

Năm 1945, sau ngày miền Nam vùng lên kháng chiến chống Pháp, vùng Cảnh Đền lọt vào tay dân địa phương. Họ đã biến nơi này thành căn cứ vững chắc của chiến khu miền Tây.

KINH CHẮC BẰNG VỚI NGUYỄN ÁNH

Tỉnh Bạc Liêu Cà Mau có rất nhiều sông rạch. Bạc Liêu cũng là nơi lưu lại rất nhiều di tích và huyền thoại của vua Gia Long, trong lúc bôn tẩu ngược xuôi.

Từ Ao Ngự, ấp Giá Ngự đến Cảnh Đền chúng ta đã thấy những địa danh này đều là những nơi đã vang bóng vua Gia Long. Trong thời gian tẩu quốc miền tây Nam Việt nên ngài có cho rằng : *Nam thuận Bắc nghịch* ².

Miền Nam quả là đất vua Gia Long dung thân để liên kết với nước Xiêm La, và cầu cứu với Pháp quốc, do sự trung gian của ông Bá Đa Lộc. Lúc bấy giờ ông Bá Đa Lộc đang ở tại đất Chân Bun (Xiêm La). Nguyễn vương liền phái người tâm phúc đến cầu cứu. Ông Bá Đa Lộc bèn giúp ý kiến là Nguyễn vương phải cho Hoàng tử Cảnh đi với ông qua Pháp mới được.

Nguyễn vương liền giao Hoàng tử Cảnh và quốc ấn cho ông Bá Đa Lộc, lại làm quốc thư xin giúp cho binh sĩ, súng đạn để đánh Tây Sơn (năm 1783).

Ông Bá Đa Lộc đem hoàng tử Cảnh đi Tây, rồi Nguyễn vương lại cùng cung quyến và quan quân trở về xã Vĩnh Thuận, quận Phước Long (Bạc Liêu) để nương nấu tại đây. Vì nơi đây gần đảo Phú Quốc và vịnh

Xiêm La, nếu quân Tây Sơn kéo tới đánh bắt, Nguyễn vương sẽ thuận đường chạy trốn.

Nơi chốn Nguyễn vương nương náu là một vùng đất còn hoang vắng, thưa thớt dân cư, nằm dài trên một con kinh nối liền với sông Trèm Trèm và sông Cái Lớn, thuộc quận Gò Quao (Rạch Giá).

Con kinh này là một thủy lộ tiện lợi nhứt giữa hai vùng U Minh Cà Mau và U Minh Rạch Giá (U Minh thượng và U Minh hạ) rồi thông thương đến Ô Môn (Cần Thơ).

Theo lời truyền khẩu thì khi nương náu trong vùng đất nằm trên con kinh này (lúc đó chưa có tên) để đợi sự cứu viện. Nhưng ngày tháng dần qua, Nguyễn vương không thấy viện binh nào kéo tới cả. Các tướng của Nguyễn vương vì thế lực đang mạnh của Tây Sơn phải tản mác khắp nơi, không nổi dậy được, cũng không liên lạc với Nguyễn vương được.

Vì nóng lòng phục quốc, nên Nguyễn vương sai quân gia sửa soạn thuyền để theo sông Ông Đốc sang Xiêm cầu viện.

Ghe thuyền sửa soạn xong xuôi, Nguyễn vương xuống thuyền để khởi hành, bỗng nhiên lâm bệnh nặng. Trong cơn thập tử nhứt sinh, Nguyễn vương sợ khó sống nên có lời trăng trối với quan quân như vầy :

- Cơn bệnh ngặt nghèo này không chữa hết. Chắc trăm phải băng rôi. Trăm đau xót, khi thấy công việc phục quốc chưa thành mà phải tuyệt mạng giữa đường. Đáng buồn thay !

Trong lúc Nguyễn vương chán nản chắc mình phải băng hà nên phải trối trăng như vầy.

Nhưng rồi sau đó, nhờ lương y tận tâm điều trị, Nguyễn vương lần hồi thoát được cơn bệnh ngặt nghèo. Nhờ đó, Nguyễn vương và cung quyến lên đường sang Xiêm mà không còn sợ chết nữa.

Về sau, người ta nhớ tới câu nói « Trẫm chắc băng » của Nguyễn vương trong huyền thoại này mà đặt tên cho con kinh là « Kinh Chắc Băng » để ghi lại một ngôn từ của vua Gia Long.

Thành ra từ đó trở đi con kinh được dân địa phương gọi là « Kinh Chắc Băng » ở làng Vĩnh Thuận.

Nhưng phần đất « Chắc Băng » này, có một truyền thuyết khác với kinh Chắc Băng.

Xưa kia nơi phần đất này, người Thủy Chân Lạp khai khẩn lập nghiệp, hai tiếng « Chắc Băng » là thổ ngữ của dân địa phương đặt ra giống như nhiều nơi khác ở Hậu Giang. Tỷ dụ như « Chắc Cà Đao » thuộc tỉnh An Giang hiện giờ vẫn còn.

**Phần thứ tư : DI TÍCH – THẮNG CẢNH – CỔ
TỤC**

DI TÍCH LỊCH SỬ : BẠC LIÊU VỚI VUA GIA LONG

Tỉnh Bạc Liêu, vì tương đối mới thành lập sau theo số thứ tự là tỉnh 20 hồi trào Pháp có một ít di tích lịch sử. Tuy nhiên, rải rác từ thời chúa Nguyễn Ánh chạy vào đàng trong tức miền Nam, Việt Nam ngày nay, xuống tận Bạc Liêu, Cà Mau hãy còn nhiều di tích đáng kể. Rồi về sau, theo gót đoàn người Việt dần dần Nam tiến, do chính sách tàn thực của Nguyễn Cư Trinh mở màn từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (Võ vương) và do kế hoạch đồn điền, khai hoang lập ấp của Nguyễn Tri Phương trong đời vua Tự Đức (Dực Tông), mà hình thành miền Nam trù phú. Bạc Liêu cũng như các tỉnh khác vẫn có nhiều di tích đánh dấu khoảng 200 năm lịch sử đã qua.

1) ĐỒN BINH TRÊN CỬA SÔNG MỸ THANH VÀ NGÔI MỘ CỦA MỘT CÔNG NƯƠNG NHÀ NGUYỄN NƠI LÀNG TÂN KHÁNH

Ngược dòng lịch sử, Bạc Liêu là tỉnh khá nhiều duyên nợ với chúa Nguyễn Ánh - người sáng lập triều Nguyễn với bao nhiêu thăng trầm, công và tội với quốc gia dân tộc ?

Bị quân Tây Sơn đánh bại, trên đường bôn tẩu, Nguyễn Ánh phải một phen tìm sinh lộ ở Bạc Liêu. Do ngả sông Ông Đốc, Nguyễn Ánh cùng đoàn chiến thuyền bại trận đã chạy vào ẩn náu một thời gian khá lâu trên bán đảo Cà Mau (nên lưu ý rằng Cà Mau ngày trước là một quận của tỉnh Bạc Liêu. Chúng tôi đã phụ biên ở phần thứ nhất).

Trên cửa sông Mỹ Thanh, một đồn binh được thiết lập khi chúa Nguyễn Ánh lánh nạn ở Cồn Đầm. Đồn binh này ngày nay chỉ còn lại một khuôn thành sập đổ, cây cỏ phủ đầy tại Xâm Pha. Chính lúc đến đây, một vị

công nương của chúa Nguyễn chịu không thấu nỗi gian lao, đã từ giã cuộc đời giữa đường bôn tẩu. Hai cốt vị công nương vùi chôn nơi làng Tân Khánh.

Địch quân kéo đến tấn công. Bị bắt buộc phải bôn đào nữa, Nguyễn Ánh giao ngôi mộ vị công nương lại cho một người Hoa kiều tên Yết trông nom.

Về sau, hết cơn bĩ cực tới hồi thống nhất được giang san lên ngôi hoàng đế, Gia Long nhớ ơn xưa ban thưởng cho chú Yết rất trọng hậu. Chú Yết được phong làm tri phủ, được quyền thu hưởng hoa lợi tất cả các cơ sở đánh cá dọc dài theo bờ Nam hải, giữa khoảng vàm Mỹ Thanh và cửa Hoàn Tàu, tên phủ Yết được đặt cho các giống nơi chú Yết ở lúc sinh tiền.

2) SÔNG ÔNG ĐỐC : ĐỐC BINH HỌ HỖNH ĐÃ LIỀU THÂN CỨU NGUY CHO CHÚA NGUYỄN ÁNH, NAY CÒN LƯU DANH VÙNG QUẬN SÔNG ÔNG ĐỐC.

Nơi Tân Khánh hầy còn di tích một tòa thành lũy cũ Tân Khánh, nguyên là chỗ lánh nạn của chúa Nguyễn Ánh khi bị Tây Sơn đuổi bức. Nhân dân vùng Tân Khánh bấy giờ tập hợp nhau dưới sự chỉ huy của một vị lãnh tụ có tài (tương truyền là ông Tân Khánh Huỳnh) ; xét trong chính sử không thấy chép tên họ, nhưng suy nghiệm theo truyền sử, có lẽ đó là ông họ Huỳnh hoặc tên Hoàng, cư ngụ vùng Tân Khánh. Dân quân suy tôn ông làm Đốc binh, tục gọi Đốc Huỳnh, sẵn sàng hy sinh bảo vệ cho chúa Nguyễn Ánh chống Tây Sơn.

Quý Mão 1873, một sáng tinh sương, quân Tây Sơn kéo đến. Chiêng khua trống gióng vang âm một góc trời. Chúa Nguyễn Ánh và đoàn tùy tùng đã mau chân lướt dậm băng ngàn, ngay sau khi có tiếng tù và của quân canh báo động, và sau lời khẩn thiết của Đốc Huỳnh :

- Chúa công hãy kịp lánh thân. Phen này ắt chẳng tránh khỏi một trường xung sát, vì binh Tây Sơn quyết dốc toàn lực tấn công.

Chúa Nguyễn Ánh khi ấy, ngậm ngùi bảo Đốc Huỳnh :

- Nếu thế giặc mạnh tận, tướng quân liệu khó nhất thời chống nổi, chi bằng hãy tạm lui cả, đem nhau lánh nạn rồi sẽ hay.

Đốc Huỳnh kháng khái :

- Không nên đâu. Chúa công cần bảo trọng tấm thân, kịp lánh đi cho thoát. Hạ thần nguyện liều mình ngăn giặc cho.

Tây Sơn tấn công dữ dội. Đốc Huỳnh cố sức chống cự càng lâu càng hay, cố ý cầm chân một số đông binh tướng Tây Sơn, để chúa Nguyễn được cao bay xa chạy.

Trong tình thế bất lợi, Đốc Huỳnh đành ngã gục trong trận. Nhưng sự hy sinh của ông không uổng, nhờ đó Nguyễn Ánh qua khỏi cơn nguy.

Về sau, tên con sông ở vùng ấy mang tên là sông Đốc Huỳnh (hoặc Đốc Hoàng). Huỳnh (hay Hoàng) có nghĩa là màu vàng nên nhân dân cũng gọi trại là Đốc Vàng để kiêng húy. Ít lâu, tên sông đổi gọi là Huỳnh giang (sông Huỳnh hay Hoang). Bên sông có ngôi chợ gọi là chợ Huỳnh Giang, quán xá đông đúc, thuyền buôn tụ tập.

Sông Đốc Vàng hay sông Ông Đốc khi xưa nằm trong ranh tỉnh Bạc Liêu. Vì vùng này khá rộng, nên khoảng năm 1929 được tách ra làm 3 xã : Khánh An, Khánh Lâm và Khánh Bình. Người ta thường gọi là vùng « Tam Khánh ».

Đến năm 1949, lại tách ra làm 4 xã :

1 - An Bình

- 2 - Khánh Bình
- 3 - Trần Lợi
- 4 - Khánh Hưng.

Năm 1954, chính phủ Việt Nam cộng hòa lập lại nền hành chính nơi đây, đặt lại thành hai xã : Khánh Bình A và Khánh Bình B thuộc quận Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu. Và qua năm 1955 theo sự phân chia ranh giới các xã trong quận Cà Mau, xã Phong Lạc trước kia thuộc quận Cái Nước, được ghép vào quận sông Ông Đốc, nên nay quận sông Ông Đốc gồm 3 xã : Khánh Bình Đông, Khánh Bình Tây và Phong Lạc, thuộc tỉnh An Xuyên (Cà Mau cũ đổi tên).

*Cảnh hoàng hôn bao trùm trên vạn vật
Mây giăng tứ phía, trời nước bao la.
Nhớ lại chuyện xưa, nơi Cồn Đầm này,
Còn phảng phất vong linh một công nương,
Theo cùng phụ vương lánh nạn Tây Sơn,
Nhưng than ôi ! tới đây thì tuyệt mạng !*

3) NHỮNG CƠ SỞ ĐỒN ĐIỀN DO KINH LƯỢC SỨ NGUYỄN TRI PHƯƠNG THIẾT LẬP

Để chống Tây Sơn, ngoài việc tổ chức binh bị, chúa Nguyễn Ánh còn tổ chức kinh tế bằng cách cho thiết lập những cơ sở đồn điền.

Về tổ chức đồn điền, trong nguyệt sang « Sinh lực » số 14, ông Nguyễn Thiện Lâu giải thích :

« Trên một miền hãy còn hoang vu, ta đem trâu bò tới cày, ta đào mương lấy nước vào ruộng. Rồi ta lập làng. Những công trình khai thác này ta phải phòng giữ cẩn thận, nhất là những miền ở gần biên thù như miền

Hậu Giang, dân Miên thường hoành hành. Vì vậy, người nông dân Việt một mặt thì cày ruộng, lập làng, một mặt thì đắp đồn lính để phòng vệ... »

Bắt đầu từ năm Kỷ Dậu, 1789, chúa Nguyễn Ánh đặt ra chức quan Điền toán, cử các ông Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Tùng Châu, Hoàng Minh Khánh v.v... cả thảy 12 người xung vào chức ấy, chia nhau đi khắp các nơi ở miền Nam đốc suất dân chúng chăm lo vỡ đất làm ruộng, khai hoang lập ấp. Đến tháng 10 năm sau (Canh Tuất 1790), đặt sở đồn điền, giao cho quân đội phụ trách, khiến dân và quân thi đua canh tác hầu bảo đảm về mặt lương thực và thi đua phòng vệ để bảo đảm về mặt an ninh.

Bốn đội đồn điền nổi tiếng nhất, do tả quân Lê Văn Duyệt điều khiển, có công mở mang miền Nam rất nhiều. Kịp khi cụ Lê Văn Duyệt mất, 4 đội ấy tan rã. Nhưng thành tích của họ, khiến đoàn sau noi gương hăng hái tiến bước trên đường khai thác đất đai, phát triển kinh tế.

Riêng vùng Bạc Liêu, trong năm Tự Đức thứ tư (Quý Sửu 1853), Kinh lược Nguyễn Tri Phương đã đến đây tổ chức cuộc thiết lập đồn điền với hai mục đích : vừa bình định vừa khai thác. Những đồn điền cấp phát cho binh sĩ. Những người này lúc bình thường thì lo khẩn hoang làm ruộng, khi có việc biến thì bỏ cày bừa mà làm nhiệm vụ quân nhân. Ấy là chính sách rất hữu hiệu về cả hai mặt quân sự và kinh tế.

Tại tổng Thanh Hóa, Nguyễn Tri Phương đã biến đổi 6 làng : Vĩnh Thạnh, Mỹ Thuận (nay là Vĩnh Mỹ), Bình An, Hòa Thành (nay là Hòa Bình), Phước Thạnh và Tân Long (nay là Long Thạnh) thành 6 đồn điền. Cũng có nhiều đồn điền thành lập ở Cà Mau. Ấp Tân Lợi được gọi là Xóm Sở, chính là một di tích còn lại để chứng minh công nghiệp của Nguyễn Tri Phương.

Khi binh Pháp chiếm đóng miền Nam để làm bàn đạp tiến ra đánh miền Bắc, họ vẫn chấp thuận cho dân chúng được lập đồn điền, do Đô đốc Charner ký sắc lệnh ngày 19-3-1861. Nhưng sau đó, qua cuộc giao phong

với các lực lượng dân quân khởi nghĩa chống xâm lăng, mà đa số binh sĩ xuất phát từ các đồn điền, người Pháp sức hiểu ra ý nghĩa tổ chức đồn điền của Nguyễn Tri Phương đã khởi xướng. Do đó đến ngày 20-9-1867, De Lagrandière ký sắc lệnh giải tán các cơ sở đồn điền, không cho dân chúng tổ chức hệ thống ấy nữa.

Ngày nay di tích đồn điền trong tỉnh Bạc Liêu Cà Mau nói riêng, khắp lãnh thổ miền Nam nói chung, ta không thể quên được công lao của vị Kinh lược đại sứ Nguyễn Tri Phương, cùng viên phụ tá là Kinh lược phó sứ Phan Thanh Giản, cách đây hơn một trăm năm.

4) CHÙA VĨNH TRIỀU MINH TRONG QUẬN VĨNH LỢI

Trước kia, tại xã Vĩnh Lợi có rất nhiều người Minh Hương đến lập nghiệp. Họ ở từng vùng và đặt tên có chữ Vĩnh đứng đầu, với dụng ý hy vọng sẽ lập nghiệp vĩnh viễn tại đây, như các xã : Vĩnh Trạch, Vĩnh Châu, Vĩnh Hưng, Vĩnh Mỹ v.v...

Khoảng năm 1895, nhóm người Minh Hương trong vùng Vĩnh Lợi đứng ra xây cất một ngôi chùa lớn, mang tên là « Vĩnh Triều Minh ». Chùa này là một ngôi chùa cổ nhất trong vùng và hiện nay được gọi là chùa Minh.

Tương truyền : Một ngày xa xưa, có người Minh Hương già bơi thuyền trên rạch Giồng me, bỗng thấy hai cái lư hương bằng đồng nổi lềnh bềnh trên mặt nước ở hai nơi khác nhau. Cho là điềm Trời Phật cảnh tỉnh mình nên hướng thiện tu trì, ông lão Minh Hương hì hục vớt cặp lư hương đem lên bờ, cất hai mái tranh che đậy. Nghe đồn, dân chúng quanh vùng kéo đến chiêm ngưỡng, khẩn nguyện. Hữu cầu tất ứng, hằng ngày khách thập phương lễ bái nườm nượp, quanh cảnh trong vùng trở nên phồn thịnh, cảnh trí tươi đẹp hẳn lên. Cảm mộ ơn trên gia hộ, nhóm người Minh hương

bền đóng góp xây cất chỗ chiêm bái cho khang trang, biến hai mái tranh thành hai ngôi chùa tráng lệ : một ngôi chùa Triều Châu, một chùa Minh hương tức chùa « Vĩnh Triều Minh » tục gọi là chùa Minh như đã kể trên.

Nhân đây, tưởng nên nói rõ thêm về người Minh hương và tinh thần yêu nước của họ :

Khi nhà Thanh đánh nhà Minh, một số đông người giống Hán nhà Minh bỏ nước ra đi. Trong số kéo sang lánh nạn ở nước ta, có ba đoàn người nay hãy còn ghi nhiều dấu tích oanh liệt.

1) Nhóm Trương Cầu, Mạc Cửu lập nghiệp ở Hà Tiên (chúng tôi sẽ nói rõ trong tập biên khảo về tỉnh Hà tiên).

2) Nhóm Trần Thượng Xuyên và tỳ tướng là Trần Bình An lập nghiệp ở Biên Hòa (xin xem quyển Biên Hòa xưa và nay sắp xuất bản).

3) Nhóm Dương Ngạn Địch và tỳ tướng là Huỳnh Tấn định cư ở Gò Công, Mỹ Tho, rồi sau vì Huỳnh Tấn giết Dương Ngạn Địch, đoàn người lưu vong trong nhóm thứ ba này không phục Huỳnh Tấn, nên lại đem nhau lên vùng Sài Gòn, lập nên Chợ Lớn còn dấu vết hiện giờ.

Đời chúa Nguyễn Phúc Chu, tất cả mấy nhóm người Tàu sang ta định cư, đều được lập riêng hai xã là Thanh Hà xã và Minh Hương xã. Gọi là « xã » chỉ là một giả định về mặt cai trị mà thôi, kỳ thật họ vẫn cư ngụ ngay trên đất của làng xã Việt Nam, chớ không có ranh giới chi riêng biệt. « Xã » của họ bấy giờ, gần như một « bang » của người Tàu ngày nay.

Danh từ « Thanh Hà xã » dần dần không được thông dụng, chỉ còn danh từ xã Minh Hương là được nhắc đến thường. Vì hai chữ « Minh Hương » nói lên rất rõ tất lòng không quên quê hương đất tổ của nhóm người Minh lưu vong tị nạn chính trị, hằng nuôi chí giải thoát giống Hán khỏi ách giống Mãn nhà Thanh. Do đó, nơi đâu có người Minh Hương thì

có hội kín « Thiên Địa Hội » mà hội viên đều tuyên thệ với khẩu hiệu « phản Thanh phục Minh ».

Biết như thế, chúng ta không lấy làm lạ về tên chùa « Vĩnh Triều Minh » của người Minh Hương đã thiết lập nơi xã Vĩnh Lợi trong tỉnh Bạc Liêu xưa. Không bao giờ họ quên lai lịch của họ là con cháu của giống Hán trong đời Minh, phải bỏ nước lánh nạn Mãn Thanh xâm chiếm !

5) NGÔI CHÙA MIÊN BOUTHALLET

Ngôi chùa cổ « Vĩnh Triều Minh » của người Minh Hương có tiếng bao nhiêu, thì ngôi chùa Miên « Bouthalet » cũng đáng kể vào hàng di tích xưa có giá trị bấy nhiêu.

Cũng như người Minh Hương, người Miên chẳng quên gốc của họ. Người Việt gốc Miên chiếm 18,4% dân số trong tỉnh. Họ có mặt ở tất cả các quận trong tỉnh, nhưng ở mỗi nơi họ tập trung lại từng xóm kêu là « Sóc », đa số ở hai quận Vĩnh Lợi và Vĩnh Châu. Họ sống nghề làm ruộng, trồng rẫy, chài lưới. Đời sống giản dị thu hẹp trong sóc, ít đi xa.

Dẫu mang Việt tịch, người Miên vẫn giữ nguyên phong tục tập quán, lễ nghi và đạo giáo của họ. Về mặt tín ngưỡng, ở đâu có người Việt gốc Miên thì đều có chùa Miên, chẳng khác gì người Minh Hương đã làm.

Chùa Bouthalet của người Miên lập từ thời trước, lâu ngày đã sụp đổ. Về sau được viên Phủ Mâu (người Miên) tu bổ lại. Để tỏ lòng biết ơn, người Miên còn giữ tro cốt của Phủ Mâu sau khi hỏa tang, ở tại chùa này.

6) CHÙA VĨNH PHƯỚC AN VÀ CHÙA TAM SƠN QUỐC VƯƠNG HAY CHÙA CÂY ME

Ngoài hai chùa Vĩnh triều Minh và Buothalet đã kể, hãy còn có chùa Vĩnh Phước An và chùa Tam Sơn quốc vương hay chùa Cây Me cũng có tiếng trong tỉnh.

Chùa Vĩnh Phước An trên đường đi ra biển, xây cất từ trước thời Pháp thuộc. Chùa này được thiện nam tính nữ đến lễ bái rất đông, vì bên trong thờ phụng cũng như các chùa khác, chẳng có gì huyền hoặc. Trái lại, chùa Tam Sơn quốc vương hay chùa Cây Me lại có một đoạn sự tích truyền kỳ :

Sau cuộc nổi loạn của hai người Miên tên Tia và Sum tự xưng đại tướng hay Đại nguyên soái (Sana) sách động dân chúng chống Nam triều, có hai người Hoa kiều tên Tua và Siêu chẳng rõ từ đâu đến Bạc Liêu để tuyển mộ người vào Thiên địa hội. Chúng tổ chức ở những đồng ruộng gần con lộ cao, đặt lư hương đốt nhang trầm hương khói suốt ngày đêm. Mục đích là lợi dụng sự mê tín của nhân dân để mưu đồ thực hiện những mục tiêu chính trị. Không để dung dưỡng những mưu đồ toan gậy rối này, Nam triều phái một vị lãnh binh đem quân dẹp loạn. Chúng bị giải tán, bỏ những lư hương lại giữa đồng trống, gần rạch Giồng Me. Những trẻ chăn trâu nghịch ngợm khiêng để dưới gốc một cây tre. Đám người sùng tín thấy thế, mới cất một cái am tranh, lên nhang đèn cúng vái.

Bỗng có bệnh dịch tả hoành hành trong vùng. Hồi ấy y học còn phiêu bạt bất lực ; đối với bệnh dịch người ta còn tin ở quyền năng của quan ôn hơn là nghĩ tới vi trùng. Rồi thì khư khư lập đàn cầu đảo. Một vị thần nhập xác đồng tự xưng là Tam Sơn quốc vương, hứa sẽ cứu chữa cho những ai có lòng thành cầu khẩn.

Tin theo xác đồng, người trong vùng đua nhau đến am cây me dâng lễ vật cúng tế suốt ngày đêm. Không rõ thần linh thật hay sự tình cờ, bệnh dịch cũng vừa ngưng sát hại. Cảm ân ấy, người ta đóng góp xây nên ngôi chùa khả quan lưu đến ngày nay, mang tên là chùa « Tam Sơn Quốc vương

». Tuy nhiên, người ta vẫn quen gọi là chùa Cây Me hơn, mặc dầu cây me ở nơi đây lâu ngày đã trốc gốc không còn nữa.

7) NGÔI MỘ CỔ CỦA ÔNG ĐÀO CHÂU THÁI VÀ NGHĨA ĐỊA BINH SĨ THỜI GIA LONG TẤU QUỐC

Tại làng Vĩnh Lợi có một ngôi mộ cổ : mộ ông Tổng Việc Đào Châu Thái dưới thời Nam triều cai trị hai tổng Thạnh An và Thạnh Hưng nhập một.

Mặt khác, năm 1929 khi người ta đào đất tại làng Tân Duyệt (Cà Mau) để đúc nền xây cất quận đường, có tìm thấy một nghĩa địa dự đoán là của binh sĩ chúa Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đuổi ngặt chạy đến vùng này. Quật những ngôi mộ lên, thấy có những nữ trang, nút áo bằng mã nỏ, và những vật dụng chỉ có trong hoàng triều tại Huế.

8) DI TÍCH MỘT CHIẾC THUYỀN NGỰ CỦA CHÚA NGUYỄN ÁNH TẠI RỪNG NĂM CĂN

Tại rừng Năm Căn thuộc U Minh hạ, hãy còn di tích một chiếc thuyền ngự của chúa Nguyễn Ánh đã vùi lấp nơi đây. Căn cứ vào di tích này, người ta nhận thấy trước kia là bãi biển mà nay đất đã bồi thành rừng.

Nguyên khi bôn tẩu vào Nam, chúa Nguyễn Ánh đã lẩn theo vùng châu thổ Cửu Long giang để lẩn tránh Tây Sơn. Trong sự di chuyển, chúa Nguyễn khi thì đi đường bộ, lúc thì dùng đường thủy, đặc biệt khi theo đường thủy xuống tận vùng U Minh hạ bây giờ, chúa ngồi thuyền ngự dong ruổi. Gặp cơn Tây Sơn đuổi bức, chúa phải bỏ thuyền, lên bộ lướt dậm băng ngàn tị nạn.

Chiếc thuyền ngự bỏ hoang, lâu ngày chầy tháng đất phù sa lấp bồi hết cả thân thuyền, chỉ còn trơ mũi thuyền nổi lên cao. Chung quanh là

rừng đước, trăm vệt mọc lên bao phủ.

Những nhà làm củi về sau đến đấy, trông thấy mũi thuyền còn ló dạng, họ bèn hò hục đào bới lên xem thử. Tìm trong lòng thuyền hãy còn những đồ vật đáng giá, động lòng tham họ lấy đem về. Nhưng họ không giữ được lâu. Vì lạ thay ! lấy những đồ vật ấy về nhà thì y như rằng có chuyện lục đục xảy ra cho họ mãi. Cho là của thiêng có thần linh coi sóc, họ đâm hoảng đem lại trả chỗ cũ, rồi mới được an toàn.

Lại một truyền thuyết khác : Nơi ấy, vào những ngày lành tháng tốt, khoảng nửa đêm người quanh vùng thường nghe có tiếng quân binh hò hét vang rền, tiếng chân bước rầm rập theo nhịp quân hành, ước chừng như có cả một tiểu đoàn đang xông pha trên bãi chiến trường.

Do những điều kinh dị mà người quanh vùng từng chứng kiến, tiếng đồn lan xa, thiên hạ biết đến ngày một nhiều. Cho tới nay, dân chúng vùng U Minh hạ không mấy người chẳng biết chuyện chiếc thuyền chúa Nguyễn còn lưu dấu vết.

9) MIẾU HỘI ĐỒNG VÀ MIẾU HẢI LINH

Về các ngôi miếu xưa, ở Cà Mau có miếu Hội đồng để thờ các vị linh thần tam giới. Và miếu Hải Linh, thờ linh thần giang hải.

Hai tòa miếu cũ này, trải qua các triều vua nhà Nguyễn đều được chăm sóc đến. Vì rất linh ứng.

Tương truyền lúc lánh nạn ở Cà Mau, bao nhiêu lần thoát hiểm của chúa Nguyễn Ánh, phần lớn nhờ nơi oai linh huyền bí, ở nơi rừng đất linh thiêng này. Bởi thế, chính chúa Nguyễn đã truyền thuyết lập miếu Hội đồng và miếu Hải Linh, trước đáp ơn sau đánh dấu cuộc đời luân lạc đã nhờ âm phù mặc trợ mà về sau gầy nên nghiệp lớn.

10) ĐÌNH THẦN TÂN HƯNG, VỊ BỐN CẢNH THÀNH HOÀNG ĐƯỢC NHÂN DÂN SÙNG PHỤNG, VUA TỰ ĐỨC BAN SẮC PHONG THẦN.

Khoảng trên một thế kỷ, nhân dân vùng Vĩnh Lợi đã họp nhau đóng góp xây cất một ngôi đình thờ vị thành hoàng trong vùng mình. Cố nhiên, lúc ban sơ ngôi đình chỉ lợp bằng lá, đâu đã được kang trang mỹ lệ như bây giờ. Nhưng chùa rách phật vàng, vị thành hoàng bốn cảnh rất linh thiêng, hữu cầu tất ứng, khiến dân chúng không ngớt tới lui chiêm ngưỡng, khói hương phụng cúng.

Kịp khi cụ Phan Thanh Giản ngời chức Kinh lược phó sứ ở miền Nam (phụ tá Kinh lược đại sứ là Nguyễn Tri Phương), cụ Phan rất siêng cần việc nước, việc dân, thường đi quan sát tình hình sinh hoạt của dân chúng khắp nơi, đặt đại bản dinh ở Long Hồ (Vĩnh Long ngày nay).

Một ngày kia, đi kinh lý huyện Long Xuyên (Cà Mau), ngang qua vùng này, trông thấy ngôi đình tuy xơ xác song không thiếu vẻ tôn nghiêm trang trọng, cụ Phan dừng chân cảm niệm, hỏi các quan chức địa phương :

- Đình này thờ ai ?

Các bô lão thưa :

- Chúng tôi thờ vị Thành hoàng bốn cảnh.

Cụ Phan chạnh lòng bảo :

- Được, để ta lo cho, hầu thêm rạng vẻ phần nào.

Các ông nhớ tháng sau thì lên bản dinh của ta, ta sẽ viết số tâu vua, xin phong sắc Thần cho đầy đủ uy tín.

Các quan chức địa phương đều mừng. Gần đến ngày hẹn, hương chức trong vùng phái năm ba vị bô lão đại diện yết kiến cụ Phan. Phái đoàn ngồi thuyền đến Vĩnh Long, dọc đường chẳng khỏi bực mình ít nhiều với đám quân tuần còn quen thói hoạch hợ hạc sách để đòi tiền hối lộ. Dẫn lòng nuốt giận, chịu cực đủ thứ các vị bô lão mới vào được tư dinh cụ Phan, dâng điều thỉnh nguyện.

Cụ Phan nhớ lời và cảm tấm lòng thành của các vị bô lão, bèn làm sớ trao cho. Đã chẳng quản ngại gian lao, từ Bạc Liêu lên Vĩnh Long, chỉ vì một tấm tinh thành, sùng mộ vị Thành hoàng bốn cảnh, các vị bô lão lại vui mừng nhận sớ lên đường thẳng ra đế đô. Vất vả bao nhiêu trên đường ngàn dặm (đi bộ ròng rã suốt tám chín tháng) phái đoàn càng kiên trì tâm trí bấy nhiêu.

Ởn trên chẳng phụ, phái đoàn vào chầu vua (Tự Đức) được ban sắc thần cho.

Nguyên văn bản sắc thần :

« Sắc bốn cảnh Thành hoàng chi Thần, nguyên tặng quản hậu chi thần,

« Hộ quốc tì dân năm trứ, linh ứng chí kim phỉ ứng, địch mạng nên niệm thần hựu.

« Khả gia tặng Quản hậu chính trực hựu thiện đôn ngưng chi thần

« Nhưng chuẩn Phong thanh huyện, Tân hưng thôn, y cứu phụng sự.

« Thần kỳ tương hựu, bảo ngã lê dân. Khâm sai.

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, trấp cửu nhật »

Nghĩa :

« Lệnh triều đình phong sắc cho vị Thành hoàng bốn cảnh, chức vụ cũ là vị thần Quản hậu.

« Giúp dân giữ nước sáng tỏ công lao, linh ứng đến ngày nay, nhân dân bốn địa đều nhìn nhận.

« Lòng trăm cũng tin tưởng là Thần giúp nên dân mới được bình an. Vậy hôm nay trăm gia phong thêm là Quản hậu chính trực, hựu thiện đôn ngưng chi thần.

« Sắc này chỉ phong vị Thành hoàng tại thôn Tân Hưng huyện Phong Thạnh, nhân dân sở tại hãy y theo lối cũ mà phụng thờ.

« Thần sẽ giúp cho, và Thần phải hết bốn phận gìn giữ lê dân của Trăm. Hãy vâng theo sắc lệnh.

Tự Đức năm thứ 5 (Nhâm Tý 1852) tháng 11 ngày 29 »

Phái đoàn thỉnh sắc thần về. Các vị bô lão đứng ra cất ngôi đình lại rộng lớn hơn, lợp ngói, vách ván.

Người đầu tiên dày công đôn đốc cất ngôi đình, chính là ông Triệu Vạn An – một địa chủ thời ấy.

Thời gian qua, khi ông Triệu Vạn Tượng làm Hương cả, một ngày kia xem lại, phát giác sắc thần đã bị ai lấy mất, truy nguyên mãi không ra mối. Ông Cả Tượng và các vị hương chức đành phải hương đăng trà quả khẩn cáo trước linh vị Thần.

Trong giờ phút thiêng liêng, tôn nghiêm kính cẩn, thần linh bỗng nhập xác ông Triệu Vạn Tượng mà mách bảo :

- Tên ăn trộm là người trong làng, lấy bản sắc đem bán cho làng khác. Hãy đến làng Hòa Tú, Vàm Xẻo Cổ Cò sẽ tìm lại được.

Quả đúng như lời. Tiếng đồn thần thiêng ngày một vang xa. Nhân dân trong làng làm ăn càng ngày càng thịnh phát.

Sau, ông Triệu Vạn Tượng đắc cử hội đồng, và ít lâu lên cai tổng Thạnh Hòa, kiêm Chánh bái tiền hiền. Lần lượt các vị sau đây làm Chánh

bái :

Chúng tôi không rõ các bậc tiền hiền thời xa xưa, vậy xin liệt kê những vị sau này :

- 1) Triệu Vạn An
- 2) Triệu Vạn Tường
- 3) Nguyễn Đức Phượng
- 4) Lâm Đắc Thọ
- 5) Nguyễn Ngọc Chinh
- 6) Nguyễn Văn Thành
- 7) Lâm Hữu Tố
- 8) Lê Văn Tượng (Ông này hiện đang giữ chức vị Chánh bái, tuổi đã trên 60).

Ngôi đình thần, ngày nay nguy nga tráng lệ hơn xưa, mái ngói, vách tường cao ráo.

Hàng năm đáo lệ kỳ yên cúng tế 2 lần : đại lễ cầu an nhằm ngày 20 tháng giêng, long trọng hành lễ suốt 3 ngày và ngày 12 tháng 7, lễ cầu siêu bố thí.

Chúng tôi đến Bạc Liêu, sưu tầm tài liệu lịch sử, hân hạnh gặp bà Ngô Minh Hớn, phó Hội trưởng Hội Phật Học tại đây, hướng dẫn qua các ngôi chùa và đình thần, đồng thời bà cũng giới thiệu cho biết nhà ông Chánh bái đương kiêm đình Tân Hưng, nghe ông kể qua sự tích ngôi đình đã có trên một thế kỷ, được đồng bào dân chúng ở đây hết lòng sùng kính, chung lo kiến thiết nhiều đợt. Ngày nay rộng lớn đồ sộ để bảo tồn di tích lịch sử do công các bậc tiền hiền đã kể trên.

11) MIẾU CÔNG THẦN

Ngoài những di tích trên bước đường lưu vong của chúa Nguyễn Ánh, còn có một di tích đặc biệt do chính chúa Nguyễn đã đốc suất nhân dân xây dựng nên. Ấy là miếu công thần tại Cà Mau.

Lúc từ Phú Quốc về, chúa Nguyễn ghé lại bãi Cửa Lớn tại vàm sông Bãi Háp. Miên man nhớ lại những ngày qua đây hãi hùng lo âu, rồi tưởng niệm công ơn những người đã tử trận trong cơn hộ giá quanh vùng Cà Mau, chúa Nguyễn bèn truyền lập một tòa miếu công thần, để hằng năm khói hương truy điệu.

Tòa miếu này đầu tiên xây cất ở một nơi mà về sau chánh quyền Pháp đã lập bót cò (Gendarmerie). Sau dời về phía bên kia sông gần chùa ông Tô Xuân (Quan âm cổ tự) và đình làng An Xuyên.

Miếu công thần được thiết lập tại Cà Mau là một minh chứng hùng hồn về cuộc đời ba chìm bảy nổi của chúa Nguyễn Ánh khi ẩn thân vào chốn rừng sâu nước độc, nói lên nợ duyên khăng khít của chúa Nguyễn với nhân dân Bạc Liêu Cà Mau (huyện Trấn Di và huyện Long Xuyên) thuở xa xưa. Huống chi, chính chúa Định vương (Tức Duệ tông Nguyễn Phúc Thuần, chú của Nguyễn Ánh) đã bị Tây Sơn vây bắt được tại Cà Mau vào năm Đinh Dậu 1777 và đem về Sài Côn (tức Sài Gòn bây giờ) hành quyết. Đây là mối huyết hải thâm thù mà Nguyễn Ánh không sao quên được, khi thoát khỏi cơn nguy biến đó. Bởi thế, lập miếu công thần, dành rằng để ghi ơn những ai đã có công hộ vệ, mà kỳ thật thân tâm Nguyễn Ánh muốn lấy đó đánh dấu nỗi bi thảm nhất tại Cà Mau độ nào.

ĐIỀU ĐÌNH - SÂN CHIM LỚN NHẤT VÀO THỜI XƯA MỘT NGUỒN LỢI THIÊN NHIÊN ĐÁNG KỂ Ở CÀ MAU

Nói đến thắng cảnh địa danh ở Bạc Liêu Cà Mau mà không đề cập đến sân chim nổi tiếng ở vùng này, thật là một điều thiếu sót cho việc sưu

tâm. Ngày xưa, tại đây có một sân chim quan trọng, khắp nơi đều nghe tiếng.

Chỗ sân chim ở là một vùng đất phù sa, hoang vắng còn sinh lầy, ẩm thấp, cây cối um tùm. Nào là vẹt, đước, ráng, choại. Các loài chim chóc thường chọn chốn này để tụ tập cư trú và sinh sống. Thời xưa ông bà chúng ta theo nho học quen gọi là « Điểu đình » (điểu là chim, đình là sân), nôm na gọi là sân chim.

Đồng bào miền Nam nước Việt từ Nam Quan tới mũi Cà Mau rất vinh hạnh được lộc trời ban cho nhiều sân chim như : Rạch Thứ Nhứt, Kinh Dài, Thầy Quơn, Chắc Băng, Đầm Dơi, Cỏ Cò v.v... Sân chim lớn nhất tại Cái Nước, rộng hơn 7 mẫu tây, ở Bà Hính, đợc trại là ấp Nhà Thính, chạy dài theo sông Bãi Háp ngày nay là quận Cái Nước thuộc vùng Cà Mau.

Cách xa khu vực này một ngàn thước, dân cư vẫn thấy hơi chim từ mặt đất xông lên như bốc khói, ngạt mùi phân chim tanh hôi nồng nặc. Thường ngày, vào khoảng bốn, năm giờ chiều, chim từng đoàn bay về tổ, vây vãn trên không như đám mây to, che phủ một góc trời. Chim chóc quần tụ nơi đây đông vô số. Đủ các loài chim lớn nhỏ như : cò, sáo, diệc (vạc), le le, vịt nước, cồng cộc, lông ô, già đẫy, bồ nông, chó đồng, v.v... Có nhiều loại chim to lớn như thặng bè (chàng bè) đôi cánh dài hơn hai thước. Cũng có loại chim như già sói cao tới một thước ba mươi phân, cánh dài tới 5 tấc. Khi chim ngóng cổ, đưa đầu sói sọi như sọ dừa, xa trông chim già sói giống như một nhà nông mặc áo tơi.

Bộ Đại Nam nhất thống chí và tập Nam kỳ lục tỉnh, có ghi một đoạn về « Điểu đình » (sân chim) như sau :

« Những chim ở ngoài biển đến đậu từng bầy không biết muôn ngàn nào mà kể. Thường năm, đến kỳ đẻ trứng có trà hộ ngạch bao lãnh nạp thuế ấy, gọi là thuế Điểu đình và lấy cánh lông bán cho lái buôn Trung Hoa ».

(Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, do Nhà Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản)

Theo tài liệu đáng tin, thì vào tháng mười âm lịch, chim bắt đầu làm ổ. Qua tháng mười một, chim đẻ trứng mỗi ổ chừng đôi ba trứng. Chim trống và chim mái thay phiên nhau ấp. Trứng nở, chim mẹ và chim cha thay phiên đi tìm mồi ở miệt Hậu Giang và Tiền Giang, có khi tìm mồi xa tận Biển hồ (Nam Vang) đem về nuôi con.

Chủ sân bắt đầu chuẩn bị giết chim ngay từ lúc trứng chim vừa nở. Họ mướn bạn, cất chòi ở giữa sân thường trực và bắt nhơn công chặt tràm, đốn tre làm hai vòng rào vuông vức, mỗi bề chừng năm sáu trăm thước, cao hai thước. Vòng rào bên ngoài cắm cây khít nhau và đóng sâu xuống đất, phòng ngừa chim phá rào chạy thoát.

Cuối tháng giêng, chủ sân lo mướn người chuyên môn giết chim. Giờ ra tay, thường vào đêm không trăng, vì họ lo ngại lúc trăng sáng, chim con đủ lông cánh sẽ bay mất.

Trong quyển « Tìm hiểu đất Hậu Giang » của nhà văn Sơn Nam mô tả sự bắt chim một đoạn trang VII như sau :

Vào nửa đêm, có tới hai ba mươi người, chuyên môn giết chim, nai nịt hăn hoi, xông vào sân tay quơ đuốc lửa, tay cầm cây « xơ quất » để đập mòng, bò chét hút máu chim bay ào ào. Họ la hét, rồi dùng đuốc đập nhau trên các ổ chim. Chim hoảng sợ, chạy vào vòng rào thứ nhất, rồi tuôn qua vòng rào thứ nhì. Lúc này thì các tay giết chim bỏ đuốc, dùng hai tay gân guốc mà bẻ cổ chim, hết con này đến con khác, cứ như vậy mãi, từ nửa đêm cho tới rạng đông mới thôi. Trời rặng sáng xác chim nằm la liệt khắp sân. Bây giờ, đến lượt các bạn chuyên môn nhổ lông ra tay. Những người này nhổ lông chim rất nhanh và bó thành nhiều bó, mỗi bó 30 lông lớn, hoặc 35 lông nhỏ, đủ kết một chiếc quạt, họ trao cho chủ sân đổi lấy thẻ để sau này căn cứ vào số thẻ mà lãnh tiền công. Cho đến phiên người đi hôi.

Họ được quyền nhổ mót những lông chim còn sót, với điều kiện là phải hốt hết các xác chim, đem bỏ tận ngoài sông cái, vì nếu để vậy thì xác chim sinh thúi, chim sẽ hoảng sợ bỏ sân bay mất.

Mỗi năm chim bị giết ba lần : Lần đầu cuối tháng giêng, hai lần sau vào cuối tháng ba âm lịch.

Mỗi kỳ số chim bị sát hại từ 1.000 đến 5.000 con. Tính trung bình mỗi con 1 ký lô thịt, thành thử có 1 tới 5.000 bả trôi sông. Ở miệt này thịt cá thừa thãi, nên dân cư không ăn thịt chim, thỉnh thoảng có vài người nướng một đôi con chim ra ràng để nhậu nhẹt thôi.

Cũng vì sự sát hại chim chóc quá mức, thiếu phương pháp dung dưỡng chim, họ hủy hoại luôn cả trứng chim, cho nên vào khoảng 1910 thì chim bỏ đi nơi khác. Ba chục năm sau chim chóc mới lần lần qui tụ lại.

Đến năm 1950, người ta khai thác triệt để nguồn lợi thiên nhiên tại vùng này. Quanh khu vực chim ở, phân chim ngập cao 4, 5 tấc tây. Số cá bị chim tha về tổ làm rơi rớt mỗi ngày có thể lượm tới 5, 7 giạ.

Mỗi kỳ, người ta bắt chim ra ràng bán có trên năm mươi ngàn đồng. Mỗi lần hốt trứng chim, phải dùng ghe lờng mới chở hết. Đó là kể chuyện năm xưa.

Hiện nay, vì thời cuộc chiến tranh, sân chim bị tàn phá, chim chóc đã di cư nơi khác cũng trong Cà Mau miệt U Minh thượng, giữa cánh rừng hoang vu ít người lui tới.

Tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu có rất nhiều nguồn lợi thiên nhiên đáng kể, mật ong, sáp, cá đồng, tôm khô, cua biển, than đước, mốp, một tài nguyên đem lại cho tỉnh với con số năng suất hằng năm, trong thời bình hằng mấy tỷ bạc.

MỘT GỐC KIẾNG THỤ SỐNG TRÊN THẾ KỶ TẠI BẠC LIÊU

Xứ Bạc Liêu, từ trước tới nay nổi tiếng là một tỉnh giàu có, ruộng đất cò bay thẳng cánh. Tài nguyên ở đây là một vựa lúa dồi dào, một vựa sữa cung cấp cho toàn cõi Việt Nam và xuất cảng ra ngoài quốc, còn có thêm những nguồn lợi khác đáng kể như : muối, hải sản, súc vật v.v...

Bạc Liêu thời xưa, đã nổi tiếng lắm nhà triệu phú, như bá hộ Minh, ông huyện Sĩa, ông huyện Kệ, ông huyện Sồn và những kiến họ tên tuổi, Trần Trinh, Cao Triều, Chung Bá v.v...

Các nhà giàu ở đây, sống với cuộc đời trường giả, tất nhiên có những biệt thự lộng lẫy, nào là huê viên rộng lớn, trồng đủ loại hoa thơm cỏ lạ, với những chậu kiểng lâu đời, như mai chiến thủy, kim quít, tăng thăng, có gốc thâm niên, năm bảy chục năm, cả trăm năm chẳng hạn.

Bạc Liêu đã vang bóng một thời, gấm vóc non sông. Đến nay tỉnh Bạc Liêu, hãy còn những tàn tích kỳ huê phong nguyệt. Đáng kể nhất là một gốc kiểng thụ nơi nhà ông Trương văn Yên đã sống trên 120 năm, tức hơn một thế kỷ.

Đến tỉnh Bạc Liêu nhắc tên Trương văn Yên, du khách sẽ nhận thức sự quan trọng của địa chủ này đối với những người bản xứ. Họ rất chú trọng đến nơi đã từng nổi tiếng phong lưu đài các trong giới hào hoa... và cũng là một nơi xuất chúng anh tài vinh dự cho xứ sở.

Ông Trương văn Yên là người nho học, có óc hiểu kỳ trong các lạc thú huê viên... Ông cũng là người có tánh khiêm tốn và làm sui gia với nhà bác vật nổi tiếng miền Nam thời bấy giờ là ông Lưu văn Lang.

Trước kia, ông có xuất tinh qua Pháp một thời gian. Sau khi về nước, những sự thăng trầm thế cuộc, làm ông chán ngán nẻo nề như nhà

nhỏ Nguyễn Công Trứ thuở nào :

*Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,
Cúc, tùng, phong, nguyệt mới vui sao !
Đám phồn hoa trót bước chân vào,
Sực nghĩ lại giật mình bao xiết kể !*

Vì thế ông tìm thú vui phong nhã ! Cuộc cờ kiểng vật tiêu khiển điền viên, gởi chí bình sanh bốn bể. Do đó, mà nơi nhà ông có trồng biết bao nhiêu kiểng lạ, hoa thơm. Mãi đến nay có đến hằng bao nhiêu gốc còn lại. Trong dàn kiểng của ông, đáng chú ý nhất là một gốc kiểng⁸ ngoài 120 năm.

Kể gốc kiểng này cũng trải qua mấy đời người. Người trồng gốc kiểng này đầu tiên là ông Lữ Văn Ngọc. Ông trồng vào khoảng ông trên 30 tuổi. Đến lúc chết, là 95 tuổi. Ông Lữ Văn Ngọc để lại cho ông Lữ Hữu Thành (tức cụ thân sinh của ông Lữ Hòa Nghĩa, cố Giám đốc đoàn ca kịch Thanh Minh, bây giờ là Thanh Minh Thanh Nga).

Gốc kiểng truyền lưu đến nay đã mấy đời người và thay chậu tới 5 lần. Hiện nay, gốc kiểng vẫn còn sống và cành lá vẫn xanh tươi.

Sự đặc biệt nhất của gốc kiểng này là trồng trong chậu mà sống được lâu đời, quả là một việc ít có. Còn loại cây rừng sống dưới đất đến 2 hay 3 thế kỷ là sự thường.

Trước khi viết loạt bài này, tác giả có đến tận nơi quan sát và chụp ảnh làm kỷ niệm với ông Trương Văn Yên.

Trước sự trường tồn của kiểng vật đã làm cho người đời một niềm vui thiên nhiên khó tả...

Nơi nào còn tồn lưu những kiểng vật, huê viên, thì còn phảng phất nét oai hùng cao đẹp của non sông.

CHIẾC ĐỒNG HỒ XƯA KHÔNG MÁY XÂY BẰNG GẠCH, HIỆN CÒN DI TÍCH Ở BẠC LIÊU

Để đo lường thời gian, ngày nay ai cũng biết đến công dụng của cái đồng hồ, nhất là vào thời đại khoa học phát triển cực độ, người đời càng ngày càng có thêm lắm kiểu đồng hồ xinh đẹp và giản tiện vô cùng.

Nhưng ngược dòng thời gian, về thuở xa xưa, vấn đề làm nhọc lòng người xưa không ít. Trong dân gian, Âu Á Đông Tây gì cũng thế, lúc chưa sáng chế được đồng hồ, người ta chỉ có mấy phương pháp thông dụng nhất, đại khái là nghe gà gáy, trống canh, xem mắt mèo, là khế, hay là ban đêm trông sao, ban ngày cặm sào đo bóng là cùng.

Đến đời Đường, đời Tống ở Trung Hoa (thế kỷ thứ X, thứ XI) người ta mới bắt đầu có đồng hồ. Gọi là đồng hồ, vì khí cụ này rất đơn giản, chỉ gồm có ba cái hồ nhỏ làm bằng đồng, hình vuông, để cao thấp chênh nhau ; hồ trên hết đựng nước rỉ từng hồi lần giọt xuống hai hồ dưới, chuyền đến một hồ tròn kê thấp nhất, trong ấy cắm thẻ ghi số giờ khắc, nước dâng lên đến độ nào tức là giờ đó. Hết đồng hồ nước, (lậu hồ clepsydre), lại đến đồng hồ cát (sa lậu sablier) xuất hiện. Kịp đến thế kỷ thứ XV, tây phương mới sáng chế ra đồng hồ má (horloge mécanique) chia làm nhiều loại : đồng hồ lò xo có dây cốt (horloge à ressort), đồng hồ quả lắc (horloge à pendule) v.v... Từ ấy, cái danh từ đồng hồ vẫn là danh từ chung để gọi tất cả các thứ khí cụ dùng để đo lường thời gian ấy.

Ở nước ta, vào cuối thế kỷ XVI sang đầu thế kỷ XVII, dân ta đã biết đến đồng hồ máy của Tây phương rồi. Và người Việt Nam đầu tiên là Nguyễn văn Tú đã bắt chước được kỹ thuật chế thành đồng hồ của Tây phương, mà chế ra một thứ đồng hồ chuông gọi là « Tự minh chung ».

Nhưng, ai ngờ đâu vào thế kỷ XIX, một vị Bác vật đầu tiên ở Việt Nam thâm thái khoa học Tây phương lại đã sáng chế ra một thứ đồng hồ,

khác hẳn các thứ đồng hồ đã có. Ấy là đồng hồ của Bác vật Lưu văn Lang, chế tạo sau khi tỉnh Bạc Liêu thành lập.

Ông chế tạo một cái đồng hồ đặc biệt, xây bằng gạch, dựng trước ở sân dinh Tỉnh trưởng trong thời Pháp thuộc.

Di tích đồng hồ này hãy còn, xây đối chiếu đúng về hướng đông. Mấy chữ số La Mã chỉ giờ khắc gắn bằng gạch tàu.

Sáng sớm, mặt trời vừa mọc, thì bóng rọi ngay số 7 ; mặt trời dần dần lên cao đến độ nào thì bóng cứ rọi lần lên các số chỉ giờ, cho đến khi đứng bóng thì chỉ đúng số 12. Trời xế chiều, bóng dần nghiêng vẫn rọi đúng theo thứ tự thời khắc. Đến khi bóng hạ lần xuống mức tam cấp thấp nhất thì mặt trời đã lặn, đồng hồ này chỉ có công dụng khi có ánh sáng mặt trời, còn mưa trời sầm, thì không coi được.

Đồng hồ hoàn toàn không có máy móc chi cả. Ngày nay, quý khách đến viếng tỉnh Bạc Liêu, nhìn di tích đồng hồ ấy, ắt chẳng khỏi liên tưởng đến thứ đồng hồ Thái dương (horloge solaire). Loại đồng hồ Thái dương xuất hiện từ thuở xa xưa, khi loài người chưa có cơ khí, chỉ áp dụng những dụng cụ thô sơ mà cấu tạo nên.

Đồng hồ này gồm có một cái trụ đứng thẳng giữa một cái khung bán nguyệt bằng phẳng, gọi là nhật quỹ (cadran solaire), có chia từng gạch, mỗi gạch là một giờ. Bóng cái trụ rọi xuống nhật quỹ, đúng vào gạch nào, thì là giờ ấy.

Phải chăng ông bác vật Lang, đã theo công thức đồng hồ Thái dương mà biến chế ra. Dầu ngày nay, còn dùng đến cái đồng hồ của ông đi nữa, thiết tưởng vẫn như là bảo tàng một kỷ vật có nhiều điểm đặc biệt đáng gìn giữ lại. Ngay như bên Âu châu, người ta đã tiến đến mức tuyệt xảo trong nền văn minh cơ khí, thế mà tại trước sân, lâu đài Windsor ở vùng ngoại ô Luân Đôn (nước Anh), vẫn còn lưu để một cái đồng hồ Thái

dương, danh tiếng nhất của họ. Xem thế, lẽ nào ta không nhắc đến cái đồng hồ bằng gạch – có một không hai – của ta ? Di tích còn đó, chúng tôi ghi chép lại ít nhiều cảm nghĩ của chúng tôi trong bài này, khi chúng tôi đã đến Bạc Liêu sưu tầm tài liệu, hầu cống hiến bạn đọc bốn phương tập biên khảo về Bạc Liêu, tưởng chẳng đến nỗi vô bổ.

CỔ TỤC

CỔ TỤC CỦA NGƯỜI MIÊN TẠI BẠC LIÊU

Tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Châu Đốc là một trong những tỉnh ở miền Tây có người Miên sống nhiều nhất.

Tìm hiểu đại cương xứ sở qua nhân chủng, chúng ta không thể thấu đáo nổi những sự cao đẹp cá biệt của địa phương... Và cũng không nhận thức được những cổ tục truyền thống từ xưa của người bản xứ.

Tại Bạc Liêu, ngoài những cảnh xa xưa cổ kính ; những lăng miếu đình chùa bên đồng án bao la, bát ngát, còn có những tục lệ cổ truyền của người bản xứ, nhất là người Miên... Những ngày hội hè lễ tết, các tục lệ này được diễn lại một cách linh động, khiến người chứng kiến như mơ thấy lạc bước xứ người vậy.

Khác với tục lệ Việt Nam, người Miên ăn Tết vào tháng ba âm lịch, sau lễ Thanh minh 7 ngày.

Trong những ngày lễ Tết của họ tượng bưng và náo nhiệt tuy nhiên vẫn giữ được vẻ du dương trầm bổng lâng lâng trong âm điệu Đông phương. Ngoài những ngày lễ Tết, người Miên còn có những cổ tục lễ bái có tính cách tín ngưỡng. Họ lễ Phật (visa chochea) vào tháng tư âm lịch, lễ cấm phòng sư vải (cholvasa) vào tháng 6 âm lịch, và lễ sư vải xuất phòng (chenhsava). Vấn đề tín ngưỡng và sùng bái đối với người Miên là một vấn đề hệ trọng trong các cuộc hội hè. Vì thế nên họ đặt ra rất nhiều cuộc lễ bái.

Những lễ chính thức như ngày Tết, ngày lễ Phật có tính cách tín ngưỡng. Người Miên còn có tục lệ của các lễ khác, như lễ Ông Bà (Bonta) vào tháng 8 âm lịch, lễ Đưa nước (Oromkho) vào tháng 10 âm lịch, lễ Dâng áo cho các chùa (Both cà Thanh) vào tháng 11 âm lịch.

Đối với người chết, họ theo phong tục hỏa táng. Việc hôn nhân của người Miên khác với tục lệ của người Việt Nam, như khi cưới hỏi chàng trai phải lo liệu tất cả nhưt là việc đãi ăn. Chàng trai phải đem đồ nấu nướng sang chàng gái để lo tiệc tùng v.v... Mỗi năm người Miên còn có tục lệ hào hứng và lý thú nhưt là ĐUA GHE NGO giữa các chùa. Lễ này thường được tổ chức trong dịp lễ Đưa nước.

Về phương diện kịch nghệ, họ có hai loại hát :

- Dù kê (như cải lương của ta).
- Lô bằm (lối hát cổ như hát bội).

Về bộ môn vũ, họ có những vũ điệu LÂM THOL và nhạc ngũ âm, gọi nô nôm na là « đập bôn, đập bát », không kém kích động như nhạc ngày nay.

Tóm lại, tỉnh Bạc Liêu có đủ trăm thức phong lưu, tao nhã từ dân bản xứ đến những chủng tộc thiểu số đều lịch lãm trên địa hạt phong lưu.

MỘT VÀI CỔ TỤC CỦA ĐỒNG BÀO ĐỊA PHƯƠNG

Thời xưa, đất Bạc Liêu còn hoang vu, nhà thưa người ít, đồng bào dân chúng bản xứ không được đông, phần nhiều là dân khắp miền đến sanh cơ lập nghiệp, nhưt là người Triều Châu, nơi chân trời góc bể nào cũng có mặt họ đến để khai thác công việc làm ăn sống chung với người địa phương.

Thời ấy, sự giao thông trong vùng không có đường bộ như ngày nay, mỗi lần trong thôn ấp muốn di chuyển từ làng này qua làng kia, thì phải đi bằng xuồng ghe, hoặc cỡi ngựa băng đồng, chớ không có xe cộ, sự di chuyển thời ấy là cả một vấn đề khó khăn, mỗi khi trong gia đình có người bệnh hoạn, hoặc quan, hôn, tang, tế, đến cho thân nhân hay phải mất

đôi ba ngày mới tới chỗ, những người dân địa phương, họ vẫn sống nếp sống cần cù chất phác, dầu cực khổ cho thế mấy họ cũng kiên gan nhẫn nại, để thực thi cho được việc, chớ không thối chí ngã lòng trước những việc khó khăn.

Quý bạn đọc hãy nghe một giai thoại ở thời xưa, ông già Batri, từ Kiến Hòa đi bộ ra tận triều đình Huế, để dâng sớ kêu oan một vụ kiện, phải mất cả năm trời gian nan vất vả mới tới Huế gặp được nhà vua. Câu chuyện ấy, đủ chứng minh việc làm ông bà ta thời ấy. Dầu đường xá xa xôi, ngăn sông cách núi, qua truông lên đèo, gian lao nguy hiểm cho thế mấy, cũng toàn là đi bộ, hoặc chèo ghe, cỡi ngựa, đi vãng mà thôi, chớ đâu có phương tiện như ngày nay.

Trở lại vấn đề cổ tục, đồng bào sanh trưởng đất Bạc Liêu đời sống dân cư ở đây rất hiền hòa chất phác, siêng cần mẫn cán, tận tụy làm việc, phần nhiều đều hấp thụ nền đạo giáo Khổng Mạnh, ăn ở theo xưa, trai gái không vượt qua bức tường lễ giáo gia phong, đây chúng tôi xin kể sơ một đôi tập tục cưới gả.

Mỗi khi đàn trai muốn nói vợ cho con phải cậy mai dong đến nhà đàn gái chấp thuận cho đến coi, nếu cô dâu và cha mẹ 2 bên bằng lòng thì phải chọn ngày tốt làm lễ sơ vấn đầu tiên, nào là đi rượu, trà, bánh ngọt gì đó để cho biết đàn gái nhận hứa gả con cho đàn trai, kể từ đó tình sui gia được thông cảm hiểu biết với nhau mà đi tới.

Đến giai thoại đàm hỏi, đàn trai phải cho cô dâu một món duy nhất là đôi bông đeo tai, đó là cái hoa con gái đầu tiên, kể đó cặp đèn sáp, với đôi món nữ trang khác, nào là cây kiềng, nhẫn, dây chuyền hoặc một số bạc mặt tùy theo sự đòi hỏi của đàn gái và gia cảnh của đàn trai.

Thời xưa khi làm lễ hỏi rồi phải ba năm mới cưới vợ, trong thời gian chưa cưới, nếu trong gia đình hai bên cha mẹ có chết, thì cô dâu, chú rể phải đến lo việc ma chay tế lễ rồi đợi cho mãn tang mới cưới.

Ngày giờ cưới, hai bên phải coi cẩn thận, lựa ngày tốt, tránh ngày tam nương, hoặc tuổi Thiên Cang, sát mạng v.v...

Thời xưa, lễ cưới được diễn ra rất trọng thể, nào là cô dâu đội nón cụ quai tơ, mặc áo rộng xanh, chú rể khăn be cùng áo rộng xanh, có lọng che, có rể phụ, những lễ vật đi cho đàn ông trong ngày cưới rước dâu, một đôi đèn sáp, hai chén rượu, hai mâm trà cau trà bánh, và một con heo sống đỏ mũi, khiên đến trình diện cả hai họ, kể ông sui trai sui gái lên đèn cho cô dâu chàng rể làm lễ lạy ông bà, cha mẹ cô bác đàn ông, rồi chọn giờ kết rước dâu.

Đàn ông cũng như đàn ông, thỉnh người đưa dâu, rước dâu, đều chọn các vị cao niên có đức, đủ vợ đủ chồng và những thiếu nữ thật thà chất phác, các thanh niên ưu tú phụ sự trong việc bưng mâm, che lọng, khiên đồ v.v... Thời xưa có nhiều đám cưới rước dâu đi bộ 5, 7 cây số.

Rước dâu về nhà đàn ông, tới ngày thứ ba, bên sui trai đi với dâu con và một vài người thân quyến đến nhà sui gái làm lễ giờ mâm trà. Lễ này đi theo một con heo quay, rượu trà, nếu giàu có, còn nghèo thì cặp vịt đôi lít rượu trắng cũng xong, gọi là lễ phản bái, để cho đôi tân hôn động phòng huê trúc trong đêm đó, người xưa rất kỹ về vấn đề này, cho việc hôn nhân là việc trọng đại trong đời người⁹. Với tinh thần hiếu cổ, cần nhắc lại một đôi cố tục của đồng bào miền Nam, chẳng riêng gì ở Bạc Liêu, thiết tưởng đâu đâu cũng đều tôn trọng và áp dụng luật lệ ấy, để duy trì nền đạo nghĩa của Thánh hiền.

Ngày nay tình thế đổi thay như tâm lý tán, trai thì hư thân mất nết, gái thì bán rẻ tiết trinh, luân thường đạo lý đảo ngược, tự do yêu đương kết hôn, bất chấp câu *môn đăng hộ đối, tam canh ngũ thường, tam tòng tứ đức*, cũng vì hai chữ văn minh, khinh thường sự cưới gả, giản dị hóa không còn giữ được theo lẽ lối của người xưa.

Hỡi ai là người mang dòng máu dân Việt thấy vậy chẳng khỏi đau lòng, vì lẽ đó mà chúng tôi cần soạn lại một đôi tập tục của tiền nhân để làm sáng tỏ nên luân thường đạo lý cho những ai đắm mình trong sự tự do quá trớn, mà hồi tưởng lại nguồn gốc xa xưa của tổ tiên ta đã có từ bao thế kỷ.

Bài này chúng tôi chỉ trình bày sơ lược để nhắc lại một vài cổ tục, mong bạn đọc thông cảm cho.

THẮNG CẢNH BẠC LIÊU

BÃI BIỂN VĨNH CHÂU VÀ CỬA BIỂN MỸ THANH

Trong thời bình, du khách có dịp đến xứ Muối, không thể bỏ qua hai thắng cảnh của tỉnh này, mặc dầu nó không được mỹ quan hơn các nơi khác, nhưng hai bãi biển này lại có những đặc biệt mà các bãi biển khác không có. Dọc theo trên những giồng cát đồng bào có lập vườn làm rẫy, trồng các loại cây ăn trái măng cầu ta, táo, mía, dưa hấu và những loại hoa màu, rau cải hành họ v.v...

Bãi biển này có thể nói lớn nhất ở miền Tây Nam Việt, dài độ 30 cây số ngàn từ Bạc Liêu đến Vĩnh Châu. Quang cảnh thiên nhiên hùng vĩ, đêm ngày đều có gió thoảng lai rai như mơn man ve vuốt du khách, mát thân thể mà cũng êm dịu tâm hồn khi đối cảnh sanh tình lâng lâng thoải mái. Đã thế, dọc theo bãi, sóng biển nhấp nhô, khi gợn lăn tăn khi thì ào ạt bủa vây khỏa đùa cát trắng, giục lòng du khách hăng say dẫn bước, gợi niềm lưu luyến để có dịp so sánh, xem có kém gì đâu những bãi biển miền đông, hay tận ngoài Trung, ngoài Bắc. Hơn nữa, du khách là người sành ăn thích được món ngon vật bổ trong khi no lòng, mắt ngắm cảnh trời nước bao la. Thì đây, bãi Vĩnh Châu vẫn là chỗ sản xuất lắm thức ăn ở biển : hào, sò huyết, tôm cua v.v... há có kém chi bãi biển miền nào khác.

Lại nữa trong đời bạn, ít ra cũng có một đôi lần nghe nói đến nhãn ngon danh tiếng của xứ Muối ? Bạn nếu có dịp về chơi xứ Muối, xin hãy ra ngoạn cảnh ở vườn nhãn Bạc Liêu, sẽ được thích ý ngắm những vườn nhãn nơi đây giăng giăng san sát dọc theo bãi biển 9-10 cây số. Lúc trước cậu hai Trần Trinh Đình con nhà tỷ phú Trần Trinh Trạch có cất nhà mát tại bãi biển này, dành khi nhàn rồi rủ nhau ra đây thưởng thức cảnh trăng thanh gió mát.

Ngay tại bãi biển này lại còn thêm cái bãi biển Mỹ Thanh đi ra cách 20 cây số ngàn, cũng là một thắng cảnh đầy thơ mộng khiến cho du khách say mê, lúc trước người Pháp có cất một cái nhà mát công cộng cho đồng bào du khách đến ngoạn cảnh có chỗ tránh nắng đụt mưa, điều đáng lưu ý bãi biển này trồng rất nhiều dừa hấu ngon có tiếng.

Thời bình người ta thường đến chơi ở bãi Mỹ Thanh nhiều hơn ở Vĩnh Châu.

Ngày nay đất nước không yên, hai nơi thắng cảnh trên đây chịu cảnh hoang phế ít người lui tới.

Một mai chiến tranh chấm dứt, đất nước trở lại thanh bình, hai bãi biển này được kiến thiết tốt đẹp, cảnh trí nhân tạo, hòa với thắng cảnh thiên nhiên, để cho du khách đến ngoạn cảnh thưởng thức hương vị hải sản, có thể nói đây là một địa danh đặc biệt của tỉnh Bạc Liêu nói riêng, miền Tây nói chung.

Chừng ấy, đây là nơi quyến rũ biết bao tao nhân mặc khách.

VỊNH BÃI CÁT VĨNH CHÂU

*Cảnh thiên nhiên xây lâu đài tráng lệ,
Cửa dã tràng, chiến bại với thủy triều.
Bể cười cợt, đù gom bao cát đẹp,
Giúp thế nhân vui hứng cảnh sinh tươi.
Hiển du khách chân đời êm ả bước,
Cát trắng vàng, nước xanh biếc trong veo.
Cảnh thiên tạo dệt tranh đời tuyệt mỹ,
Gió trắng về đơm ngọc lộ bĩ bàng.
Cảnh thêm nhớ, người mơ thêm lý tưởng,
Càng trông qua, như lạc động Đào nguyên.
Lá ngoắt trắng, gởi bao niềm thương mến,*

*Nước vênh mây nhắc núi sông xưa.
Gió đại dương, như gọi hồn Do Thái,
Chờ bàn tay số kiếp vịn theo về !
Ôm quá khứ, thả trôi bể cả,
Nhìn tương lai, trong sáng đẹp huy hoàng.
Cảnh xinh đẹp như vầng thơ tuyệt mỹ,
Lại mang tên, hào hứng bể Vĩnh Châu.
Đấng tạo hóa, dệt bức tranh vô giá,
Cho thế nhân, đem gọi nỗi đau sâu !!!*

HÒN CHUỐI VÀ HÒN ĐÁ BẠC

Trong quận sông Ông Đốc có hai thắng cảnh thiên nhiên : Hòn Chuối và Hòn Đá Bạc, nằm trong phạm vi kiểm soát của xã Khánh Bình Tây độ 60 cây số, diện tích phỏng định 40 mẫu. Hòn này còn hoang vu, không có dân cư sinh sống. Trên hòn mọc toàn chuối sứ và các loại cây tạp. Tuy nhiên, hình thắng vẫn quyến rũ được khách du ngoạn cảnh, có đôi phút đắm hồn trong thú quê đầy phong vị thanh bần, vì cảnh mộc mạc cũng như tâm hồn chất phác của dân cư nơi rừng xa thăm thẳm, chót dãy giang san gấm vóc.

Nếu phong cảnh Hòn Chuối, kém nên thơ và vì đường xa xôi nên ít được người để bước thưởng ngoạn, thì hòn Đá Bạc được du khách tán thưởng, nghiêm nhiên là một thắng cảnh danh tiếng của Cà Mau.

Cùng nằm trong phạm vi kiểm soát của xã Khánh Bình Tây, hòn Đá Bạc cách xa xã này độ 18 cây số, diện tích phỏng định 10 mẫu, vắt vẻo ngoài khơi ngang vàm sông Ông Đốc, vịnh Thái Lan.

Hòn chia ra làm 4 ngọn : 2 cao, 2 thấp, de ra ngoài biển, ba bề sóng biển bủa lao xao, giữa trời nước mênh mông. Chung quanh có nhiều tầng đá nổi liền, tầng cây rậm rạp bao phủ.

Bởi có nhiều tảng đá trắng chồng chất từ 100 năm về trước, nên người ta gọi là hòn Đá Bạc. Nơi hòn có một đồi cao, có sân rộng độ 50 thước vuông, tục gọi « sân tiên », và có một tảng đá hình vuông dài, mặt bào phẳng, nằm dài ra bờ biển, được gọi là « cầu tiên ». Vì thuở xa xưa, đây là nơi dành riêng cho đạo sĩ tu tâm dưỡng tánh. Người ta đồn, nơi đây có những vị tu tiên đắc đạo, hiển linh giúp thế.

Khoảng năm 1956, do Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam đề xướng, thiện nam tín nữ kẻ công người của, đứng ra xây cất chùa « Hưng Huệ » trên đỉnh hòn, vách ván, lợp thiếc cao bằng. Chùa giao cho hai đạo hữu coi sóc, lo việc cúng kiến và phát thuốc Nam cho dân chài ở vùng ấp Đá Bạc. Mỗi kỳ cúng tế, tín đồ các nơi kéo đến lễ bái khá đông.

Cây cối trên hòn, phần nhiều là xoài, chuối, ổi và các loại cây tạp, không có cây quý giá. Chung quanh hòn bao bọc những tảng đá lớn nhỏ, phong cảnh trông rất hùng vĩ thơ mộng. Mỗi năm có hàng ngàn du khách vãng cảnh, chụp hình, cắm trại. Một thú nữa cho du khách, là đi tìm cào ở kẹt đá các loại hào, ăn sống rất bổ. Về mùa gió chướng, lúc trời êm bẽ lặng, từ xã Khánh Bình Tây ra hòn Đá Bạc bằng tàu buồm, hoặc ghe biển có gắn máy phải mất hai tiếng đồng hồ.

Những khi sóng to gió lớn, thuyền bè sắp bị đắm, chạy vào đây ẩn trú sẽ được bình yên, một chỗ thuận tiện cho ngư phủ đi lại làm ăn sinh sống.

Nơi đây có thể nói là một thắng cảnh đặc biệt của tỉnh chót miền Tây được nhiều du khách luyến mến và không tiếc lời ca ngợi khi đặt chân viếng qua cảnh này.

VỊNH ĐÁ BẠC CHỜ QUI

*Khi bẽ về đêm trăng đơm ngọc lộ,
Khi bóng về chiều nắng họa trần lao.*

*Khi con thuyền lên đèn trở mộng,
Khi hải đảo về dệt đẹp khung trời !*

*Trăng nhen lửa, giỡn cùng màu đá bạc,
Đẹp thế này, hình dung bóng kỳ quan.
Màu đá bạc, nước xanh xanh pha trắng,
Đáy bể sâu, như cung điện huy hoàng.*

*Đây những chỗ, muôn hồn thơ hò hẹn,
Đây những nơi, tiêu biểu cuộc dâu cồn.
Khiến du khách hồn lâng lâng thơ mộng,
Qua phù kiều, êm thẳng lối ngân giang.*

*Như lạc lối, đến non Bồng, nước Nhược,
Vui gặp người, lý tưởng ở non Tiên.
Ôm dĩ vãng, gửi cho non nước hừng,
Thuyền tương lai, êm đẹp thả xuôi dòng !*

*Nơi triển lãm, tâm hồn trời bể rộng,
Nơi êm đềm, thần trí nghĩ suy nhiều.
Bể Nam Hải, là một trong thắng cảnh,
Của nghìn đời, trang điểm bể thêm xinh.*

**Phần thứ năm : VẼ ĐẸP BẠC LIÊU – CÀ MAU
QUA THI CA**

NƠI SẢN SINH NHẠC SĨ, NGHỆ SĨ LỪNG DANH

BẠC LIÊU QUA BỘ MÔN SÂN KHẤU KỊCH TRƯỜNG

QUÊ HƯƠNG SẢN XUẤT CỦA BẢN VỌNG CỔ

Những lúc dư nhàn, ngồi lại bên máy vô tuyến truyền thanh mà vặn nghe âm nhạc nước nhà, hoặc vào hí viện xem qua một vở tuồng giải trí, hồ nghe các tài danh sân khấu ca bản Vọng cổ, quý bạn có cảm nghĩ gì ? Đến ngày nay, phần đông hẳn đều đã rõ biết bản Vọng cổ từ đâu mà ra. Danh từ vọng cổ Bạc Liêu đã nói nhiều đến xuất xứ của bản ca này.

Người sáng tác bản vọng cổ chính là ông Cao Văn Lầu tự Sáu Lầu, quê ở Hòa Bình thuộc tỉnh Bạc Liêu. Đầu tiên, theo nghệ sĩ Bảy Nhiêu, khúc nhạc vọng cổ do ông Cao Văn Lầu chế biến chỉ mang tên là « *Dạ cổ hoài lang* » với ý nghĩa diễn tả tâm trạng người đàn bà xưa vò võ trông chồng đi xa vắng, đêm nghe trống canh mà bàng hoàng tưởng nhớ chồng.

Rồi từ vọng cổ nhịp tư, dần dần các nhạc sĩ khác phỏng theo mà chế biến ra nhịp 8, nhịp 16 cho đến nhịp 32, và 64 như bây giờ. Và người đầu tiên mở đầu cho giai đoạn phổ biến bản « *Vọng cổ* » Bạc Liêu từ thời đại chiến thứ hai là nghệ sĩ *Lư Hòa Nghĩa* tức *Năm Nghĩa*, cũng là người tỉnh Bạc Liêu vang danh với bản « *Văng vẳng tiếng chuông chùa* ». Đến nghệ sĩ *Nguyễn Thành Út* tức *Út Trà Ôn*, với làn hơi thiên phú và kỹ thuật độc đáo, bản vọng cổ vượt tiến sang thời hưng thịnh và cực thịnh ngày nay.

Ông *Cao Văn Lầu* tục gọi *Sáu Lầu* nay hãy còn sống ở tỉnh Bạc Liêu, tuổi đã trên 75. *Lư Hòa Nghĩa* tức *Năm Nghĩa* thì đã ra người thiên cổ.

Lại đã có một dạo hầu như theo sáng kiến của thi sĩ *Hà Huy Hà* tự *Kiên Giang*, người ta bầu ông *Sáu Lầu* ra sân khấu tại rạp hát Quốc Thanh làm chủ tọa cuộc thi tuyển lựa ca sĩ vọng cổ cùng khán giả mộ điệu ca cầm,

để người người biết qua lai lịch. Thậm chí báo chí hôm nay còn đề xướng việc kêu gọi các nghệ sĩ đã nổi danh nhờ bản vọng cổ, hãy giúp đỡ ông Sáu Lầu, gọi là « uống nước nhớ nguồn » kể ra cũng vinh hạnh cho ông Sáu.

Chỉ cần sáng tác được một bản vọng cổ tên tuổi đủ ghi vào lịch sử sân khấu kịch trường, thơm riêng một người, mà cũng thơm lây một tỉnh. Vì hai chữ « Vọng cổ » thường đi kèm với hai tiếng « Bạc Liêu » mới nói lên được đủ ý nghĩa. Khác nào thi sĩ Félix d'Arvers bắt đầu với mỗi một bài thơ « Sonnet ».

Trên đây chúng tôi đã đặc biệt nhấn mạnh về nhạc sư Sáu Lầu với bản vọng cổ đã để tiếng trong lịch sử cầm ca, làm cho tỉnh Bạc Liêu được nổi bật trên vòm trời âm nhạc nước nhà, qua các ca, nhạc sĩ hữu danh khai thác thêm về sắc thái đẹp để du dương của bản nhạc ấy.

Bản nhạc « vọng cổ » đầu tiên, sáng tác khoảng 1919 - 1920 đây bắc nhịp tư, xuất xứ từ Bạc Liêu đã đi vào lịch sử, thiết tưởng cũng nên ghi nhạc lý và lời ca lại đây, để quý bạn đọc hiểu rõ hơn. Toàn bài 20 câu nhịp tư như sau :

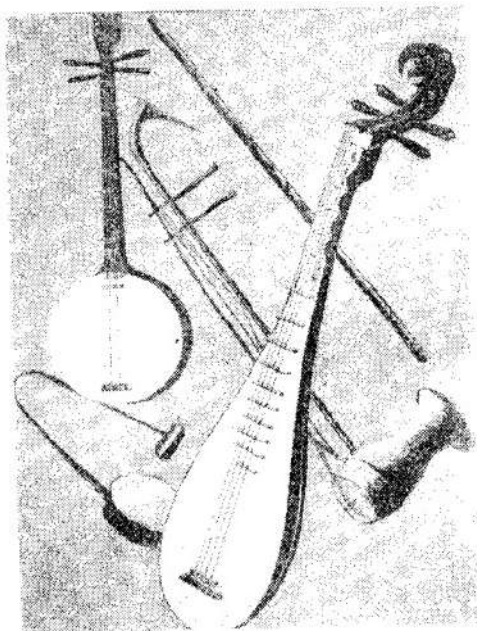
1. Hò là – xang xê cồng.
2. Ú liu cồng liu cồng xê xang.
3. Hò xê líu cồng xê xang là hò.
4. Xê xang xê sang, là hò.
5. Liu xáng u liu xàng,
6. Liu xáng xàng xê liu ú liu.
7. Hò là xang xê cồng,
8. Xê líu xừ cồng xê líu xừ xang.
9. Hò xê cồng xê xang xự,
10. Xê líu xừ cồng xê xừ xang
11. Xừ - xang xừ cồng xê xang là hò,
12. Xê xang xê là hò xê la hò,
13. Cồng xê xang hò – xang cồng xê.

14. Xê líu xừ cống xê líu xừ xang,
15. Ú liu cộng liu – cộng xê xàng,
16. Liu xáng xàng xẽ phạn liu ú liu,
17. Là xự cống xê xang là hò
18. Xê líu xự cống xê líu xự xang,
19. Ú liu cộng liu cộng xê xàng,
20. Liu xáng xàng xẽ phạn liu ú liu. ¹⁰

Lời ca :

Từ là – từ phu tướng
Báu kiếm sắc phong lên đàn
Vào ra luống trong tin chàng
Và năm canh – mơ màng.
Em luống trong tin chàng.
Ôi ! Gan vàng thêm đau !
Đường dẫu xa ong bướm,
Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang :
Còn đêm luống trong tin bạn,
Ngày mỗi mòn như đá Vọng phu.
Vọng - phu vọng luống trong tin chàng.
Lòng xin chớ phụ phàng
Chàng là chàng có hay :
Đêm thiếp năm luống những sầu tây.
Biết bao thuở đó – đây xum vầy ?
Duyên sắt cầm đừng lợt phai –
Là nguyện – cho chàng :
Hai chữ bình an – bình an
Trở lại – gia đàn,
Cho én nhận hiệp đôi.

Nhạc khí cổ điển Việt Nam : Tiêu, Tỳ Bà, đàn Nguyệt hay đàn Kìm, đàn Cò, Song lang



CÁC NHẠC SƯ TÊN TUỔI

Về nhạc sĩ cổ nhạc có danh ở Bạc Liêu, ngoài một Sáu Lầu nhờ sang tác bản vọng cổ mà tên tuổi trở nên bất hủ, hãy còn có Hai Hứa, Sáu Tửng, Mười Khói, Hai Nhuận, Sanh Sía (người Tiều) v.v... với lắm bản sáng tác khác.

Đặc biệt là nhạc sư Hai Khi tục gọi Nhạc Khi, rất mực tài hoa.

Một mình *Nhạc Khi* sử dụng 4 món nhạc khí Đâu, Bạc, Kèn, Phách tấu lên cùng một lúc, rất mực điêu luyện, ai cũng khen phục. Nhưng tiếc cho tài hoa mạng bạc, vì vướng bệnh cùi mà *Nhạc Khi* phải lụi dần vào bóng tối. Chính ông đã sáng tác bản nhạc « *Ngự giá đặng lâu* » và bản « *Ái tử kê* »⁴. Cái danh hiệu « hậu tổ » mà đời đã ban cho ông, tưởng đã đủ nói nhiều về tài danh ông lừng lẫy thế nào.

Đồng thời với *Nhạc Khi*, nhạc sĩ *Bảy Kiên* cũng được xưng tụng là hậu tổ. Nếu *Nhạc Khi* đã vì bịnh phong đòn mà phải sớm lui, để ngậm ngùi cho khách mộ điệu không ít, thì *Bảy Kiên* cũng khiến giới cầm ca cảm mộ vô cùng vì đoạn đời khá ly kỳ của ông. Thuở thanh xuân, ông vẫn khét tiếng là trang tài hoa phong nhã. Hiềm vì cảnh ngộ lắm nỗi đau thương sâu hận, bao nhiêu tâm sự ôm ắp bên lòng, ông gởi thân nơi cửa thiền, rắp toan :

« Cửa thiền một đóng duyên trần dứt

« Quên hết người quen chốn bụi hồng. »

Nhưng lòng người muốn vậy, mà hoàn cảnh có chiều đâu. Trót đã vương mang nghiệp tài hoa, thì « *nghệ sĩ trót sinh giàu cảm lụy* » dầu tàn thân thể chưa dễ *Bảy Kiên* quên được những tiếng nhạc lời ca đầy sức truyền cảm ru hồn hơn là câu kinh tiếng mõ. Chầy ngày vẫn không sao giữ sạch trần duyên được, *Bảy Kiên* lại bỏ lớp tu sĩ, trở về khoác bộ cánh phong sương của kiếp tài tử cầm ca như cũ. Cố nhiên càng đa tài, đa tình, càng dễ lụy thân. Nhưng dường như đã sẵn sàng chịu trả quả nghiệp trót vương mang, lần trở lại cuộc đời tục lụy này, *Bảy Kiên* hoàn toàn say đắm với nghiệp cầm ca, không còn nhớ gì đến những ngày khoác áo cà sa nơi cửa Phật nữa. Cung đàn nhịp phách êm tai, lời ca giọng hát du dương, đêm ngày *Bảy Kiên* say sưa nắn tiếng tơ đồng, cống hiến khách mộ điệu bốn phương nghe biết đến. Tận dụng công phu và tâm tình chuyên nhất trau chuốt ngón nghề như thế nào, cho nên *Bảy Kiên* được khen ngợi, liệt vào hàng xuất sắc kể cũng là xứng đáng. Cho đến năm 1949, *Bảy Kiên* mang bịnh chết tại nhà thương Chợ Rẫy (Chợ Lớn), giới nghệ sĩ đều băng khuâng luyến tiếc.

Sau *Nhạc Khi*, *Bảy Kiên*, người xuất sắc đáng liệt vào hàng thứ ba trong giới nhạc sư Bạc Liêu, hẳn phải kể *Ba Chột*. Mà nhạc sĩ *Ba Chột* chính là con *Nhạc Khi*, thật là hổ phụ sinh hổ tử. *Ba Chột* sáng tác nhiều bài bản mới như các bản « *Thuấn hoa, Liêu Giang, Mẫu đơn, Huỳnh ba, Vạn*

thọ, Hòa duyên, Cảnh xuân, Tam quan nguyệt, Nhật nguyệt » được hầu hết nghệ sĩ tán thưởng biệt tài của *Ba Chột* là đòn đoản và đơn sến, ngón đàn khó có ai hơn.

Kế đó, phải kể *Ngô Mộc Thái, Phú Quới, Bùi Hữu Trí, Tư Biện, Tư Nho, Tư Bình, Năm Nhỏ* đều là các nhạc sĩ ưu tú của Bạc Liêu. *Tư Bình* điêu luyện nhị hồ, có sáng tác bản « *Hứng trung thịnh* » khá thâm trầm réo rắt. *Năm Nhỏ* thì sở trường lục huyền cầm, ai ai cũng đều biết tiếng tài tình.

SOẠN GIẢ NỔI TIẾNG

Về mặt soạn tuồng, Bạc Liêu khét tiếng với cố soạn giả *Mộng Vân*¹². Ngày nay nói đến *Mộng Vân*, giới soạn giả không ai không tỏ niềm kính mộ chân thành với cây bút lỗi lạc từng đào tạo cho đoàn Hậu Tấn có căn bản vững vàng về nghệ thuật ca cầm.

Mộng Vân mất sớm là một sự thiệt thòi chẳng ít cho Bạc Liêu nói riêng, nền ca kịch nước nhà nói chung. Tài hoa và tư cách của *Mộng Vân* chinh phục được cảm tình của khắp các giới, nhất là anh em văn nghệ sĩ ai cũng chẳng tiếc lời tán tụng *Mộng Vân* qua các công trình của *Mộng Vân* đã bồi đắp và xây dựng cho nền kịch nghệ nước nhà. Để thúc đẩy anh em văn nghệ sĩ hăng say phục vụ nghệ thuật cầm ca – một bộ môn văn hóa dễ kích động tâm lý đại chúng nhất – *Mộng Vân* hằng khích lệ anh em ca nhạc sĩ luôn luôn có óc cầu tiến, nhận chân sứ mạng mình trên đường phụng sự văn hóa dân tộc. Sân khấu cải lương mấy mươi năm trước từng đã hấp dẫn lôi cuốn được đông đảo khách mộ điệu, chính do *Mộng Vân* đã đóng góp phần nào về những tuồng tích đặc sắc, dàn cảnh linh động, thay đổi sân khấu có vẻ mỹ thuật, tiến bộ hơn xưa cho đúng với nghĩa tầm nguyên của hai tiếng « cải lương ». Về các bài bản cổ nhạc canh tân, *Mộng Vân* đã sáng tác hay phóng tác *Tân xá phí, Phong nguyệt, Sơn đông hướng mã, Tấn Phong, Bá Hoa, Quý Phi túy tử*.

Cùng một chí hướng với *Mộng Vân*, còn có soạn giả *Trịnh Thiên Tư*. Nhiệt thành yêu nhạc Việt, *Trịnh Thiên Tư* rất tận tâm xây dựng nền âm nhạc dân tộc. Nào soạn tuồng hát, nào đặt lời ca cho các bài bản theo đường hướng phổ biến lịch sử nước nhà, *Trịnh Thiên Tư* lúc nào cũng tỏ ra hăng say tô điểm sân khấu cải lương, phô bày ý chí toan thức tình đồng bào bằng sóng nhạc, lời ca chan chứa tình yêu đất nước, lay động hồn thiêng dân tộc.

Khoảng năm 1962, *Trịnh Thiên Tư* cho xuất bản quyển « *Ca nhạc cổ điển điệu Bạc Liêu* », nội dung trình bày gồm đủ các bài bản đã có từ xưa, thêm các bài canh tân cổ nhạc do nhóm nhạc sĩ Bạc Liêu hợp tác soạn thành ¹³. Đặc biệt, *Trịnh Thiên Tư* sáng chế nhạc ký mới, một thứ nhạc ký mà *Trịnh Thiên Tư* đã tha thiết ngỏ lòng : «... tuy hình thức không giống nhạc ký Âu Mỹ, song có đủ các yếu tố công dụng dễ dàng như tân nhạc. Chúng tôi có nhã ý hiến cho bạn đồng điệu dùng nó để vừa xem, vừa đờn, cũng như vừa xem vừa ca, cho đỡ phải nhớ năm lòng ». (CA NHẠC CỔ ĐIỂN ĐIỀU BẠC LIÊU trang 14)

Ngoài việc sáng chế nhạc ký mới, *Trịnh Thiên Tư* còn sáng tác một bản nhạc canh tân, đề là « *Hận tình* » (dây bắc 12 câu nhịp tư lời) và bốn bản *Đông mai*, *Thu cúc*, *Xuân lan*, *Hạ liên*, tiết tấu du dương thanh thoát.

NAM NỮ CA KỊCH SĨ LỪNG DANH

Đã là nơi xuất phát bản vọng cổ đầu tiên, có nhiều nhạc sư, nhạc sĩ tài hoa, có soạn giả hữu hạng so với các soạn giả toàn quốc, lễ cổ nhiên Bạc Liêu cũng là nơi có nhiều nam nữ ca kịch sĩ tài danh.

Kể về nữ ca sĩ, ngoài một cô ba *Vàm Léo* đã nhắc ở đoạn trên, Bạc Liêu còn có cô *Hai The* mà giọng oanh vàng từng làm say mê lòng thính giả, mặc dầu nhan sắc cô kém sút hơn các nữ ca sĩ khác. Đặc biệt cô *Thanh Nga* cũng là một cây ca tốt giọng, khả ái đoạt giải Thanh Tâm (1961). Em

Ngọc Cầm, một mầm non rất nhiều triển vọng với giọng ca ấm đúng điệu nhịp.

Nam ca sĩ đáng kể có *Kim Thanh, Ngọc Vinh, Ngọc Dương, Sanh Lợi, Văn Chương, Đỗ Lộc Châu*. Ấy là những gạo cội trong giới cầm ca tỉnh Muối, làm cho ca nhạc cổ điển Bạc Liêu vang truyền tầm tiếng xa gần.

Riêng về kịch sĩ, những ai hằng quan tâm đến kịch nghệ nước nhà, theo dõi hoạt động của sân khấu cải lương, hẳn không lạ gì tên tuổi *Ba Khuê, Năm Nghĩa, Bảy Cao* với các đại ban « Hữu Tâm » – « Thanh Minh » – « Hoa Sen ». Ba kịch sĩ ưu tú của nền ca kịch nước nhà, đều là người tỉnh Bạc Liêu.

Ai cũng biết *Năm Nghĩa (Lư Hòa Nghĩa)* đã xuất sắc trong bản ca vọng cổ Bạc Liêu nhịp 32 « *Văng vẳng tiếng chuông chùa* » và *Bảy Cao* với bài « *Viếng mồ bạn* » (thu thanh vào đĩa Asia) làm cho người người bắt đầu có cảm tình với giới cổ nhạc ở Bạc Liêu. Tên tuổi *Năm Nghĩa, Bảy Cao, Ba Khuê* bắt đầu vang xa từ ấy. Bảng hiệu đoàn hát nào có tên ba người này nêu lên, thu hút khán giả khá đông. Kịp khi *Năm Nghĩa* chủ trương lập gánh « Thanh Minh » (nay là Thanh Minh Thanh Nga), *Ba Khuê* làm bầu gánh Hữu Tâm, *Bảy Cao* điều khiển đoàn Hoa Sen, khách mộ điệu bốn phương càng hoan nghênh nhiệt liệt.

Ngoài ra, còn có đoàn *Phong Sắc* và *Ưu Tiên* cũng là những kịch sĩ có danh của Bạc Liêu.

Thế là trên phương diện nghệ thuật cầm ca, sân khấu cải lương Bạc Liêu đã nghiệm nhiên tiến xa hơn nhiều tỉnh khác. So với Định Tường và Vĩnh Long là hai nơi đã phát động trước hơn hết về nghệ thuật « *ca ra bộ* » tức sân khấu cải lương ngày nay. Bạc Liêu chẳng kém sút gì cho lắm. Từ gánh cải lương đầu tiên, có rạp nhà là gánh « *Thầy Năm Tú* » thành lập ở Mỹ Tho, tiến dần cho đến ngày góp mặt của các đoàn Thanh Minh, Hữu

Tâm, Hoa Sen của nhân vật ưu tú trong làng ca kịch Bạc Liêu chủ trương, sự tiến bộ vượt bậc hẳn ai cũng công nhận.

Lại luận riêng về mặt tuồng tích, đầu ngày nay giới soạn giả đã có lắm cây bút tài hoa son trẻ không nhường chi các bậc đàn anh, nhưng hẳn không ai có thể phủ nhận giá trị của cổ soạn giả *Mộng Vân*. Xem thế, bao giờ người ta còn xem vấn đề chấn hưng nền ca kịch nước nhà là quan trọng về văn hóa dân tộc, chắc chắn mỗi khi bàn đến bộ môn ca kịch là phải nhắc đến tỉnh Bạc Liêu, nơi sản xuất bản vọng cổ đầu tiên, nơi cổ soạn giả *Mộng Vân*, và những kịch sĩ ưu tú *Năm Nghĩa, Bảy Cao, Ba Khuê* v.v... đáng mến.

Các nghệ sĩ tài danh trên đây đều xuất thân tại Bạc Liêu, đem chuông đi đánh xứ người, với tài hoa nghệ thuật lưu diễn khắp cả ba kỳ, từ Nam Quan chí mũi Cà Mau, làm sáng chói cho giới ca sĩ nước nhà nói riêng, và cả các nước láng giềng nói chung, thật là một điều vinh hạnh cho nền Tân Cổ Nhạc Việt nam, ngày nay đã tiến bộ rất nhiều trên mọi mặt, ngành này cũng đóng góp một phần quan trọng là phục vụ đất nước và đại chúng.

Bài này, chúng tôi nói qua đại cương của giới ca cầm và bộ môn sân khấu một phần nhỏ đó thôi, không thể đi sâu vào chi tiết.

Loại sách sưu khảo, phải cần tìm hiểu qua nhiều cốt chuyện khác của tỉnh này, vì lẽ đó mà chúng tôi phải trình bày sơ lược, xin bạn đọc thứ lỗi cho.

VỀ ĐẸP BẠC LIÊU CÀ MAU QUA THI CA

Dưới mắt văn nhân, thi sĩ.

Trong số các nhà thơ của miền Hậu Giang kể ra có tình có nghĩa, có thủy có chung nồng mặn với Hậu Giang, hẳn không ai không biết đó là nhà thơ Kiên Giang *Hà Huy Hà*, một nhà thơ ở miền Nam được nhiều cảm tình của độc giả bốn phương. Anh đã sáng tác rất nhiều thi văn đăng trong báo chí và sách vở, nói lên cái hay cái đẹp của quê hương để tặng người biết yêu Hậu Giang, Kiên Giang ca ngợi « *Đẹp Hậu Giang* » qua sắc thái từng vùng từng xứ mặc dầu anh là người ở Kiên Giang (Rạch Giá), đặc biệt (Bạc Liêu và Cà Mau) được nhà thơ nhắc nhở « *mặn nồng* » đúng với tánh chất của xứ Muối và xứ Than Đước có danh :

*Đây Hậu Giang, đây Hậu Giang,
Nhánh sông gấn bó Cửu Long Giang.
Phù sa cuộn chảy trong dòng nước,
Khói sóng hòa hơi thở xóm làng.
Nơi đây đời sống thanh bình lắm,
Với đất phì nhiêu nước Hậu Giang.
Vú sữa Cần Thơ căng ý mộng,
Sầu riêng Long Mỹ nhớ man man...
Muối Bạc Liêu mặn tình biển cả,
Tiêu Hà Tiên nồng ý quê hương.
Thơm tho khói thuốc mùi Cao Lãnh.
Cá cháy bùi ngon vị Sóc Trăng.
Gạo mộng chim thơm mùi rạ ngọt,
Nấu nồi Hòn Đất, lò Hòn Me.
Chạm than đượm lửa lòng cây đước,
Ôi lửa Cà Mau đẹp ý quê.*

Hồn thơ đã lay động sóng tâm tình, yêu quê hương bao nhiêu, thi sĩ càng nung nấu lòng yêu người đẹp của quê hương tha thiết bấy nhiêu qua hình bóng dân quê chất phác :

*Tàu mật cật em chằm nón lá,
Anh đội đầu, che nắng chang chang.
Sáng cày, khuya cấy, chiều phăng lưới,
Anh nhớ tâm tình gái Hậu Giang.
Năm nao thiếu áo không mừng ngủ,
Sao nhớ bàn tay gái Thất Sơn...
Đêm tối... nhổ bàng đương độm nóp,
Mặc cho tiếng súng vọng bên đồn.
Qua mùa nước nổi... vùng Châu Đốc,
Nhớ là Cà Mau, với lóng tre,
Cọng choại U Minh thương nuộc lặc...
- Đèn khuya mới sáng giữa nhà bà.*

Tình càng thăm thiết, ý càng nung nấu niềm ấp ủ sống chết với quê hương, sẵn sàng hòa hồn mình vào hồn quê, chặt máu tim mình làm sống động mạch đất khắp vùng Hậu Giang trong cảnh trạng đau thương thầm lặng :

*Hòn Tre, Phú Quốc dù xa bãi,
Vẫn nổi tình thương mảnh đất liền.
Nước biển phù sa trào máu đất,
- Đắp bồi cho máu trở về tim.
Nếu thiếu lá dừa soi bóng nước,
Thiếu bông lúa trổ, búp măng tre,
Cánh diều không vút trên lưng gió,
Thì chết trong lòng những ý quê !
Nếu cô thôn nữ ngừng câu hát,
Nếu bạn thương hồ bật tiếng ca.*

Nước bạc trường giang không chảy nữa,
Hoa bần thổi rụng xuống phù sa !
Nhớ lại năm nào ngày chạy loạn,
Hậu Giang trầm mặc giữa niềm kinh.
Mùi diêm thuốc súng mờ sương khói,
Chuông vọng niềm đau khóc thái bình.
Trở lại xóm dừa mùa lửa loạn,
Ngồi trên bến cũ lắng không gian...
Vô tình tôi vớt trong dòng nước,
Giọt lệ miền Nam, máu Hậu Giang.
Nước chảy một dòng ra biển cả,
Vẫn mang tình nước Cửu Long Giang.
Sông ơi ! dù nước ra khỏi biển,
Vẫn nhớ chan hòa nước Hậu Giang.

Ngâm xong toàn bài « *Đẹp Hậu Giang* » nếu quý vị đã cảm thấy yêu Bạc Liêu « *mặn* » (muối), Cà Mau « *nồng* » (than) nói riêng, và toàn thể Hậu Giang nói chung, bạn sẽ càng cảm thấy yêu Cà Mau chan chứa hơn nữa, với bài thơ « *Đốn Củi* » :

ĐỐN CỤI

Rừng nho chen chúc đã từng qua,
Đốn củi không quen mệt sức ta.
Búa nguyệt sẵn dành vanh cội đước.
Gươm linh chi xá chém cây đà.
Đoạn ngay chí dõc hăng khinh chín,
Khúc vạy phòng toan để chặt ba.
Vãn võ bao nhiêu ta để đó,
Phòng khi có nước sẽ đem ra.

Bài thơ của ai làm không rõ. Nhận xét kỹ, hẳn ai cũng thấy ẩn ý của tác giả muốn nói gì. Rõ ra tác giả là một nhà nho xưa, một chí sĩ, chưa gặp

thời thế nên đành phải giấu tâm tư mình dưới lốt gã tiều. Câu thúc kết « *Văn võ bao nhiêu ta để đó* », phải hiểu theo nghĩa chữ « *Văng* » (có g), và chữ « *Vỏ* ». (dấu hỏi thay vì dấu ngã), nghĩa là đập cho vỏ cây văng ra mà để dành đó, rồi lại hàm nghĩa tài gồm văn võ mà còn phải « *để đó* » mà chờ lúc dùng đến, thâm thúy biết bao. Mà chờ đến bao giờ ? Chờ khi « *có nước sẽ đem ra* ». « *Có nước* » ẩn ý chờ lúc nước nhà thoát cảnh lầm than nô lệ. « *Đem ra* » là đem tài văn võ ra phục vụ đất nước đồng bào. Mà « *đem ra* » theo nghĩa trắng trong thơ, là đem đám vỏ cây ra ... nhúm lửa nấu nước khi có nước, ý tứ cao diệu cực kỳ.

Đêm thu nhớ bạn

*Nhìn dãy trường giang luống ngậm ngùi,
Đêm thu thơ thả thuyền chơi.
Trời treo màn rách sương rơi lụy,
Nước công trăng leo sóng bật cười.
Văng vẳng Hồ và cao thấp giọng,
Véo von Đỗ Vũ mỗi mồn hơi.
Ngược dòng nên phải neo thuyền lại,
Để đợi chờ ai nhắn những lời.*

Ai chẳng biết Cà Mau là vùng rừng sát quan trọng nhất của Việt Nam. Đốn củi trong rừng sát, dẫn thân nơi Cà Mau xưa đầy khổ ải, nuôi chí, đợi thời, thật là hình ảnh bậc trượng phu lỗi lạc, khắc khổ kiên hùng. Đẹp cho người đã sáng tạo áng thơ, thật chí hiên ngang, mà cũng thơm lây cho Cà Mau đã ấp ủ linh hồn ấy – linh hồn của con dân nói được tinh thần bất khuất của dân tộc, lấy nơi đất hiểm làm cái thế đứng, sẵn sàng chống bất công bất cứ từ đâu đến.

Giờ đây hẳn bạn đã yêu Cà Mau thêm lên qua bài thơ « *Đốn củi* », đây ý chí quật cường của người xưa ! Bạn sẽ tăng thêm niềm yêu mến và không thể không xót xa đến cùng cực vì hình ảnh Cà Mau thân yêu kia có lắm nỗi đau thương tê tái. Vì... bạn ơi ! thật ra, Cà Mau ngày trước đã

mang bộ mặt âm u thảm nảo thấy mà chạnh lòng, dưới ngòi bút vẽ vời của học giả lỗi lạc Phan Khôi.

Vào khoảng mùa thu năm 1927, đau nổi đất nước chìm đắm, Phan Khôi ôm lòng u uất vào ở chơi tận... trong rừng Cà Mau với một bạn thân. Khu rừng này thuộc xóm Tân Bình, mặt trước rừng là con sông Tân Bình, không có đường sá gì cả. Bên cạnh khu đồn điền của người bạn Phan Khôi có một cái rạch gọi là « Rạch Tân Trào », nơi thuở trước chúa Nguyễn Ánh lần tránh Tây Sơn.

Sau một buổi bơi thuyền trên sông Tân Bình, xúc cảnh sanh tình, lâng lâng cảm khoái động hồn thơ.

Khéo diễn tả những cảnh ghê rợn quanh vùng để bộc lộ nỗi buồn man mác của mình, hồn thơ của Phan Khôi cực kỳ linh động :

*Eo đất vắt rừng già ra nước,
Thành con sông xanh biếc dài ghê.
Khi ho cò gáy tư bề,
Ai đem ta đến chốn này mà chi ?
Kể từ thuở gian nguy từng trải.
Bước giang hồ bước mãi không thôi !
Mảnh thân còn chọi với đời,
Hiếm nghèo là bạn, bơi vời là nhà.
Cảnh hiu quạnh, có ta, có chủ,
Bằng không ta, nào phụ hóa công,
Vẽ ra cái cảnh lạ lùng,
Mà cho cọp bễ, cá đồng hay sao !
Xuồng ba lá đâu nào chàng Thổ.
Rượu để đem theo mở lưng bầu.
Mũi chàng trước, lái ta sau,
Mái chèo khoan nhặt con trào ngược xuôi.
Kìa xa thăm ngùi ngùi trông ngút,*

Bực thuyền câu vùn vụt ngang dòng.
Nguồn Đào có phải đây không ?
Vũng Lương Sơn phường phất cũng là đây,
Lổ túp là chùm cây đen sạm,
Vào càng sâu càng lăm vè u.
Cành dừa lá thối hu hu,
Chim về ổ hót, vượn ru con chuyền.
Bồng cái sạt bên triền, hùm vọt,
Bực sáng lòn ngọn đuốc ma trời.
Ó vùng dật, khi reo cười,
Trăm yêu ngàn quái đê người mà trêu.
Thoáng trước mũi giá chèo toan đánh,
Lái bát ngay phòng tránh cơn nản.
Thấy kìa con rắn hổ mang,
Vượt sông nổi sóng băng ngàn như tên.
Thoạt dưới nước tròng lên cây trụ,
Hắn đây rồi cá sấu nguýt đuôi.
Trăm cái sợ cướp cái vui,
Tới đà chẳng tiện, muốn lùi chìn e...

Dưới ngọn bút tả cảnh tuyệt diệu của Phan Khôi, Cà Mau thuở trước là chốn khi ho cò gáy, vào càng sâu càng lăm vè u tịch. Rồi nào cọp, nào đuốc ma trời, rắn hổ mang, sấu « *trăm yêu ngàn quái, đê người mà trêu.* »

Xót xa cảnh chừng nào, càng nghĩ thương thân thể người đã dẫn thân chốn hiểm vì phần chí :

Tầm u bước đã quá xa,
Canh khuya, sương nặng, liệu mà về đi.
Xoàng hơi cúc khi khi cười mãi,
Tóc phất phơ đường trải bóng trắng.

*Giữa dòng chiếc lá tung tăng,
Lần dò lối cũ băng khuâng chạnh niềm.
Gẫm thân thể ba chìm bảy nổi,
Lại phen này lạc lối tới đây,
Một đêm cảnh vội đổi thay,
Rồi ra sao nữa sau này trăm năm ?
Ngâm mấy vận tạm làm du ký,
Chép gửi người tri kỷ đường xa.
Người như rõ biết ý ta,
Thì nâng chén rượu mà ca khúc này.*

Cảnh nhờ khách tài hoa, đề thơ kiệt tác mà cảnh được lưu bóng muôn đời. Người nhờ cảnh thể lương tâm nào mà nung đúc thêm chí khí ngang cường, nuôi lòng thương nước yêu quê. Ba bài thơ trên đây, nếu quý bạn nhận là hay, muốn ghi muốn nhớ, hẳn là quý bạn cũng sẽ không quên Bạc Liêu Cà Mau với những hình ảnh trung thực đã diễn ra trong thơ nhỉ.

NHỮNG THỔ SẢN ĐỊA PHƯƠNG DANH TIẾNG QUA CA DAO

Bất cứ địa phương nào, cũng đều có ít ra là một đôi món ngon vật lạ của vùng mình, để giới thiệu với thiên hạ bốn phương. Cần Thơ hãnh diện với quít, Biên Hòa nổi tiếng với bưởi, Bến Tre mang danh xứ dừa v.v... đến nỗi người dân địa phương đã có những lời ngắn gọn để truyền tụng, gần như là tục ngữ ca dao : quít Cần Thơ, bưởi Tân Triều (hay Biên Hòa), cam Cái Bè, mận hồng đào Trung Lương, nhãn Bạc Liêu, tôm cá ở Long Xuyên v.v...

*« Ghe phen quạ nói với diều,
Cù lao ông Chường có nhiều cá tôm ».*

Cá tôm ở cù lao Ông Chưởng có nhiều đến đổi quạ với điều nhủ cho nhau biết để tìm tới đó, hình thức truyền tụng khéo biết bao.

Hay đám bình dân khích lệ nhau :

« *Tháng giêng khích lệ ra hòn,
Muốn ăn trứng nhận, phải lòn hang mai.* »

Hang mai, chữ « *mai* » ở đây không phải là chỉ đóa hoa nở lúc Đông về Xuân tới, và hang mai chẳng phải hang có những giống hoa thần đáng mê say. Mà « *mai* » chỉ là nói đám con cháu... loài hàu, muốn ăn trứng nhận thì phải chịu khó chui lòn qua những hang đầy đầy loài khi ẩn náu đầy thôi.

Bạc Liêu Cà Mau, kể ra có biết bao điều đáng ngợi. Ngoài sự nổi danh xứ muối, hay đặc điểm trào lộng « *dưới sông cá chốt, trên bờ Triều Châu* », thổ sản Bạc Liêu vẫn hằng được truyền tụng qua những câu ý vị. Trong quận Vĩnh Châu, nức tiếng với nhãn và dưa hấu.

GÁI CÀ MAU MONG TRAI HAI HUYỆN

*Nghĩa mặn mà lòng em đà đậm,
Xứ Bạc Liêu Ba Thắc muốn ngon.
Tình thơm tho trăm năm vẹn giữ,
Như Vĩnh Châu mùi nhãn ngon lành.
Nguyện gắn bó lòng em son đỏ,
Như mía Trà Nho dưa hấu Rạch Đình.
Tình đượm nồng Năm Căn than đước,
Da mỡ màu như lúa Ngã Năm.
Em yêu anh như người trai hai Huyện ¹⁴
Em mong anh bước tới gia đình.
Tiệc tân hôn em dọn đồ hải sản,
Hào, mực, sò, tôm lụi, rùa cua.*

Nào cua kình Giá Rai gạch béo.
Nào yến sào Đá bạc chơn qui.
Đền tân hôn sáp U Minh sẵn có,
Em hồi môn bằng chiếu đẹp Cà Mau.
Đón ¹⁵ U Minh tiết đông sưởi ấm,
Đất Tân Bằng củi đượng than nòng.
Trăm năm em giữ chữ đồng,
Bố kình vẹn phận chỉ hồng se sẵn.
Gái Bạc Liêu hiền hòa chất phác,
Gìn một lòng son sắt không phai.
Vẽ rồng thêu phượng mặc ai,
Thề không mặt một dạ hai với chồng.

ĐỊA PHƯƠNG QUA CA DAO

Đất Bạc Liêu muối tên Ba Thắc,
Nhãn cơm dầy dễ lột thơm ngon,
Dưa hấu cát nhiều mỏng vỏ,
Mía Trà Nho ngọt gắt có đầu bằng,
Miền Giá Rai con rắn hổ lột dày,
Cua kình, Chim, chuột, tôm tươi, lụi đều,
Nơi Phước Long cá đồng, đìa đặt,
Lúa ngập đồng thơm rục khắp nông thôn,
Than Năm Căn, chiếu miền Tân Duyệt,
Mật U Minh, khoai ngọt chốn Trà Bang,
Dưa Bà Cai nổi tiếng khắp làng,
Ba khía Rạch gốc có đầu dầm sánh,
Đầm Bà Tường là nơi sấu lách,
U Minh Hạ sân chim tràn ngập đất,
Mộp U Minh là nguồn lợi nhất,
Choại Cà Mau đọt mặt cật dặt ngào,

*Cá thác lác sông Cái Tàu đục nước,
Đất Tân Bằng là đất than đun nước,
Xứ Cái Keo khoai, sắn, cải, rau, hành,
Nơi Mũi Đước, Mũi Tràm cua rùa khi.*

ĐƯỜNG XUÔI HẬU GIANG VỀ TỈNH MUỐI

Bạc Liêu, Cà Mau nằm ở dãy chót đất miền Nam trong dư đồ nước Việt, và cũng là tỉnh sau rốt của vùng Hậu Giang. Thậm chí khi xưa có người đã lẫn thẩn ghép tên tắt của hai mươi tỉnh miền Nam sao cho dễ đọc dễ nhớ, cũng đã khéo ghép Bạc Liêu, Cà Mau ở sau rốt cho đúng thể : **Gia** (Định), **Châu** (Đốc), **Hà** (Tiên), **Rạch** (Giá), **Trà** (Vinh), **Sa** (Đéc), **Bến** (Tre), **Long** (Xuyên), **Tân** (An), **Sóc** (Trăng), **Thủ** (Dầu Một), **Tây** (Ninh), **Biên** (Hòa), **Mỹ** (Tho), **Chợ** (Lớn), **Bà** (Rịa), **Vĩnh** (Long), **Gò** (Công), **Cần** (Thơ), **Bạc** (Liêu), **Cà** (Mau).

Bạc Liêu tuy đứng sau rốt, mà giá trị đáng liệt ở hàng đầu. Vì nguồn lợi của tỉnh này, ngoài những ruộng lúa cò bay thẳng cánh, ruộng muối, vườn nhãn v.v.... mà ai cũng biết tiếng, còn có hải sản, lâm sản toàn đem lại cho quốc gia những con số lợi tức lớn lao, thu hoạch đáng kể về mặt kinh tế.

Bạn đã viếng tỉnh Bạc Liêu lần nào chưa ? Xin mời bạn.

Con đường từ thủ đô xuống Cần Thơ hẳn bạn đã biết rành. Hoặc bạn đi xe suốt từ thủ đô xuống thẳng An Xuyên (Cà Mau) hoặc bạn đi xe chuyên, từ thủ đô xuống Cần Thơ rồi sang xe khác, từ Cần Thơ xuống thẳng Bạc Liêu, bạn sẽ lần lần cảm thấy mến Hậu Giang vì những cánh đồng bằng, những ruộng lúa, những thửa vườn giăng giăng mát mắt, nói lên sự trù phú thịnh vượng trong thuở thanh bình.

Theo quốc lộ số IV đến Bạc Liêu, hai bên đồng ruộng mênh mông, nếu bạn đi vào vụ mùa lúa chín, bạn sẽ thấy băng khuê, một mối thương quê cha đất tổ, vốn là mảnh đất của dân tộc chuyên nghiệp, qua hình ảnh đám nông dân cần lao nhẩn nại, mà Hậu Giang là tượng trưng. Rồi từ băng khuê cảm khái, bạn sẽ yêu mến người nông dân sông Hậu và tất cả đồng bào miền Tây, vì hình thức quê mùa mộc mạc, mà bạn hẳn có lúc chế giễu là đóng « Phèn » nhưng tâm tư thì chân thành chất phác biết bao.

Thỉnh thoảng theo bờ kinh, bạn mục kích những thửa vườn nhỏ ẩn hiện, hoặc phía trước hoặc phía sau, hay hai bên sông của từng ngôi nhà cất rải rác, khang trang, khoáng khoáng, bạn mới thật sự cảm thấy thêm yêu thú vị đồng quê, hoa ngàn cỏ nội mơn man duyên gió ruộng đồng.

Gần tới tỉnh Bạc Liêu, về phía hữu, có phi trường quân sự. Phi trường quân sự thì chẳng có gì lạ với bạn, vì hẳn bạn đã từng thấy nhiều nơi ngày nay đều có. Nhưng một phi trường ở vào vị trí một tỉnh ruộng đất bao la bát ngát, lại có sắc thái đặc biệt đáng ngắm nhìn hơn cả. Vì giữa khoảng trời đất mênh mông, đột ngột công trình nhân tạo xây dựng lên rất đồ sộ, hùng vĩ, thế mới nổi bật cơ cầu phòng thủ, bảo vệ non sông khi biển trắc. Từng đoàn chim sắt bay lên đáp xuống, đi đi về về rộn rịp một góc trời, bạn sẽ phải hồi tưởng đến khu điều đình, tức khu vực sân chim của Bạc Liêu, Cà Mau xưa, mà bạn chắc cũng có lúc nghe nói đến. Và ngay trong quyển « Bạc Liêu xưa và nay » của chúng tôi trình bày dưới mắt bạn đây, nơi phần di tích thắng cảnh, chúng tôi đã có nói nhiều về sân chim, một nguồn lợi thiên nhiên của Bạc Liêu xưa, rất tiếc không còn nữa ! Cơ khí trong đời văn minh khoa học đã vô tình xô lấn hăng đám chim khổng lồ kia đi mất. Chỉ còn qua đàn chim sắt trong khoảng sân cát sỏi, gợi nhớ cho chúng ta chút hình ảnh xa xưa ấy. Buồn vui lẫn lộn xáo trộn tâm tư, ngồi trên xe miên man nghĩ ngợi, để sống phút giây hoài cổ, âu cũng là một điều thích thú, giết được thì giờ trong khoảng đường xa.

Từ phi trường, xuống tỉnh độ 2 cây số ngàn, hai bên nhà cửa dân cư thưa thớt. Điều ấy cố nhiên phải chăng bạn ? Khu vực cần bảo đảm an ninh, nhà cửa dân sự đành phải dời xa khoảng cách. Có như thế mới tăng thêm vẻ nghiêm trọng của khu quân sự ở vào thời đại chiến tranh bằng cơ khí tối tân, điển hình là đàn chim sắt nhân tạo với sân chim khoa học.

Xuống tới ngã ba, quẹo qua tay mặt là đường đi Cà Mau. Nơi góc ngã ba này, tọa lạc ngôi miếu cổ Tiên sư thờ các vị anh hùng liệt sĩ vị quốc vong thân.

Khéo thật. Sắp vào châu thành, đã thấy ngay nơi tưởng niệm những bậc người cứu nước, có công ơn với đất nước đồng bào, hình ảnh ấy cũng khiến cho du khách thêm cảm thấy yêu mến Bạc Liêu lẫn nhân vật cổ, kim, đã đang và sẽ nối tiếp nhau xây dựng một phần đất của non sông dân tộc hơn bốn ngàn năm văn hiến.

Xuôi theo đại lộ Độc Lập, thẳng xuống trung tâm tỉnh lỵ, đối diện là Ty Bưu điện, Tòa Hành chánh, và Ty Ngân khố, kế tới bến xe đò, bên tay mặt là khu thương mại, chợ búa bên tay trái. Nếu bạn muốn đi ra biển, vùng ruộng muối và vườn nhãn thì phải đi thêm 5, 6 cây số ngàn bằng xe lôi. Còn đi Vĩnh Châu thì quá giang xe đò thêm 30 cây số ngàn nữa.

Đến cả hai nơi nói trên, đều phải đi qua cây cầu sắt, bắc ngang sông Bạc Liêu cách bến xe đò độ non trăm thước, mà hằng ngày ghe tàu tập nập vận chuyển hành khách và hàng hóa đến tận các xã xa xôi trong tỉnh.

Xe dừng tại bến. Hình ảnh châu thành Bạc Liêu đã phô bày, tha hồ bạn thâm vào ống ảnh nếu bạn có máy ảnh đem theo. Nhưng chắc rằng bạn sẽ thâm được rất nhiều hình ảnh đẹp vào ống ảnh thiên nhiên, đôi mắt quan sát tinh tế của bạn để rồi ghi nhớ mãi, lưu luyến mãi với bao cảm tình mà bạn sẵn có, đối với Bạc Liêu là xứ quê mùa, nhưng quê mùa bởi chất phác, quê mùa mà nổi tiếng giàu có, vì đồng bào hầu hết cần cù siêng năng với

công việc đồng áng « Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu » không gì đúng bằng, dân tình muối đáng được đề cao quý mến.

TRÊN ĐƯỜNG PHỤC HƯNG KIẾN THIẾT

Dùng danh từ « *Phục hưng* » để nói lên các tỉnh nào khác thì e rằng không đúng. Nhưng bảo rằng Bạc Liêu đang trên đà phục hưng thì chẳng phải nói ngoa. Thật thế, suốt 9 năm bị « *phế* » xuống hàng quận lỵ, thua cả Cà Mau, hình ảnh Bạc Liêu đã ủ rũ không kém gì hàng phi tần phai lợt sắc hương đã bị đấng quân vương ghẻ lạnh. Nay được phục hồi phong độ cũ, lại theo đợt kiến thiết khắp các tỉnh đang làm, Bạc Liêu hưng vượng chẳng mấy hồi.

Giá sinh hoạt trong tỉnh lại không mấy đắt đỏ như các tỉnh khác, đời sống dân chúng nhờ thế được dễ chịu. Người người đều có vẻ hân hoan.

Khắp nơi trong tỉnh, hàng ngàn nhân công hoạt động rộn rịp. Qua sự chỉnh trang thị xã quận lỵ, cả về ngoại ô cũng náo nức tu bổ lại nhà cửa ; lại qua ánh mắt nụ cười dân chúng đủ các giới, Bạc Liêu nói lên một cách hùng biện về sự ấm no của nhân dân toàn tỉnh, sự trù mật của đất đai được khai thác triệt để, tăng năng xuất hoa màu, tăng vẻ mỹ quang nhân tạo.

KINH TẾ

NGUỒN LỢI KINH TẾ ĐẦY HỨA HẸN

Chợ búa phố phường buôn bán tấp nập. Từ tiệm hóa nhỏ đến hãng, xưởng lớn, trưng bày đủ các mặt hàng, sản phẩm, chẳng thiếu thứ gì. Công, kỹ nghệ phát triển đúng mức, thanh hành vượt bậc.

Đặc biệt ở chợ Bạc Liêu bán đủ thức ăn miền biển, bong bóng cá, cua, sò, hào, hến, tôm khô v.v... Du khách sành ăn, nếm hương vị thức ăn miền biển của tỉnh này trăm người như một đều cảm thấy thích khẩu. Đã thế bãi cát Vĩnh Châu dầu chưa được mở mang nhưng các vườn nhãn ở dài theo đấy, và bao cảnh trí hấp dẫn đã quyến rũ nhiều du khách khiến cuộc thương mại được bành trướng, nguồn lợi gia tăng.

Phần đông dân cư sống về nghề nông và ngư nghiệp thành phần liệt kê như sau :

Có khả năng về nông nghiệp : 68%

Có khả năng về ngư nghiệp : 12%

Có khả năng về tiểu công nghiệp : 10%

Có khả năng về các nghề khác : 10%

Về ngư nghiệp, ngư phủ toàn tỉnh có đến 14.920 người, hải ngư 1.900 người. Công cụ để xúc tiến nghề nghiệp gồm có 482 người có ngư thuyền có động cơ, 2.530 chiếc ngư thuyền không động cơ.

Về nông nghiệp, với tỷ lệ 68% dân chuyên về nghề nông với khả năng canh tác, đưa đến năng suất lúa mỗi mẫu được 1 tấn 600, trong toàn thể diện tích ruộng cày cấy trên 400 ngàn mẫu, cộng với diện tích hoa màu phụ như : bắp, khoai, rau cải ; cây ăn trái gồm non 600 mẫu nữa, đủ chứng minh Bạc Liêu quả là vừa thóc miền Nam.

Còn thêm diện tích ruộng muối : Quận Vĩnh Lợi có 1.382 mẫu, Quận Giá Rai có 544 mẫu.

Tóm lại nguồn lợi nông sản, hải sản, lâm sản rất mực dồi dào như thế, một mai thanh bình trở lên trên đất nước, dân chúng thêm phần khởi dốc toàn lực đẩy mạnh cuộc thi đua làm cho dân giàu, để nước nhà được hùng cường, Bạc Liêu chắc chiếm đầu công.

VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ BẠC LIÊU TRÊN ĐƯỜNG PHỤC HƯNG KIẾN THIẾT

Nền kinh tế vững chãi nhân dân ấm no sung túc ấy là điều đem lại cuộc trị bình, chính quyền sẽ được thanh thản trong sự điều khiển guồng máy hành chánh, mưu hạnh phúc cho an ninh đại chúng.

Tòa hành chánh, là cơ quan đầu não của chánh quyền tỉnh, mái nhà chung của nhân dân tới lui mỗi khi có việc chi cần đến thủ tục giấy tờ. Tòa hành chánh, nay đã xây cất lại, ở mé sau rộng rãi hơn, tuy không đẹp, nhưng so với bộ mặt khiêm tốn dễ coi. Về sự điều hành công cụ cũng có vẻ khả quan, vì các cấp nhân viên thừa hành hầu hết đã tận tâm phục vụ dân chúng.

Ai cũng biết tình cảnh dân quê ở hai giai đoạn này rất thương hại mỗi khi có việc phải cực lòng đến cơ quan hành pháp !

Lại nữa dân thấp cổ bé miệng, có điều oan khổ hay có việc chi thắc mắc, thì có Hội đồng hàng tỉnh sốt sắng can thiệp cho, các vị là Đại diện của nhân dân, nhiệt thành lo điều công ích trên mọi công tác xã hội, nhìn thấy sự thống khổ của dân, hòa mình đi sát với dân để tìm hiểu nguyện vọng của dân. Với tinh thần phục vụ quần chúng, các vị thật xứng đáng với câu « vì dân vì nước ».

Bao nhiêu ước vọng của người dân đen khi cầm lá phiếu chọn người tài đức thay mặt cho họ, đệ đạt lên cấp trên với những nhu cầu chánh đáng.

Việc làm của quý vị sẽ nêu gương sáng cho thế hệ mai sau, đã hi sinh đặt quyền lợi tổ quốc trên hết, thế nhân sẽ phê phán ca ngợi tài đức của quý vị với những trang sử lưu danh hậu thế.

NÔNG LÂM SÚC : TIẾN TRIỂN ĐỒNG ĐỀU

Một tỉnh nặng về nông nghiệp như Bạc Liêu, cố nhiên chánh quyền sáng suốt đôn đốc phát triển về mặt canh nông. Công cuộc dẫn thủy nhập điền được tiến hành mỹ mãn. Hiện nay thêm xáng múc con kinh bề ngang 22 thước, cách tỉnh lỵ 2 cây số, để lấy đất mở rộng thêm thành phố.

Các ấp Tân sinh toàn tỉnh, nơi nào cũng được chánh quyền săn sóc chu đáo, các cán bộ nỗ lực tiến về nông thôn mà phục vụ đắc lực. Mức sinh hoạt của nhân dân ấp xã khá ổn định chứng minh tình trạng nông thôn Bạc Liêu nay khá an toàn.

Việc chăn nuôi của dân quê, cũng được chính quyền ghé mắt, phái cán bộ về tận thôn ấp xa xôi, sống gần gũi với dân quê mà thân mật chỉ bảo những điều cần thiết. Do đó số heo, gà, vịt sản xuất tăng gia gấp đôi, gấp ba mấy năm trước, phải xuất tỉnh trở lên thủ đô tiêu thụ. Lợi tức chăn nuôi đem lại cho dân nông thôn những nguồn lợi đáng kể, thêm phương tiện đảm bảo đời sống sung túc ở tương lai.

GIAO THÔNG : MỞ RỘNG ĐƯỜNG SÁ

Trục giao thông càng tiện lợi chừng nào thì nền kinh tế càng vững mạnh chừng nấy. Ở châu thành, các con đường đều đã được nới rộng hơn trước. Chánh quyền lại phóng thêm nhiều con lộ mới, nối liền xã này sang xã khác rất thuận tiện. Từ quận lỵ xa xôi cũng được Ty Công Chánh giúp

đỡ mọi mặt, đào giếng, bắt cầu, xé cống với những dụng cụ tối tân nhanh chóng, nhờ đó đời sống dân quê như gắn liền với đồng bào thị thành, được hưởng mọi nhu cầu tốt đẹp. Đồng thời, bến xe đò cũng được chấn chỉnh nơi rộng, xếp đặt vén khéo. Giao thông đường thủy, đường bộ từ tỉnh lỵ vận tải hàng hóa về thủ đô cũng được duy trì.

Y TẾ : SỨC KHỎE DÂN CHÚNG ĐƯỢC BẢO VỆ

Bao nhiêu việc kiến thiết tốt đẹp về mọi ngành kể trên đều phải hóa ra hoài của hoài công, nếu sức khỏe đại chúng không được chăm sóc thường xuyên. Bởi thế, ngành Y tế lại quan trọng hơn tất cả.

Đế xứng danh, là tỉnh có tiếng giàu có nhất nhì ở miền Tây, trong tương lai gần đây, Bạc Liêu tỏ ra rất ưu ái chăm lo dưỡng bệnh cho đồng bào toàn tỉnh. Bệnh viện tăng cường số bác sĩ chuyên khoa, bổ sung nhân viên y tá. Đồng thời, thêm nhiều giường cho bệnh nhân, cũng như dụng cụ y khoa và thuốc men đủ loại thường luôn luôn có dư chớ chẳng để cho thiếu sót.

Bảo sanh viện cũng được lưu tâm chỉnh đốn, khiến các sản phụ càng được nhẹ lòng, trẻ sơ sinh thêm được bảo vệ sinh mạng an toàn. Theo bảng thống kê gần đây của y tế tỉnh, số trẻ tử vong chỉ có 2, 3% đối với số hài nhi chào đời khỏe mạnh.

Khắp vùng hương thôn, nơi nào cũng đã thiết lập ty y tế hoàn hảo, dụng cụ thuốc men đầy đủ chẳng kém gì tỉnh lỵ, nhân viên tận tâm phục vụ đồng bào nông thôn rất đặc lực, từng khiến đồng bào cảm kích hoan nghinh ca ngợi.

Trong tương lai, Bạc Liêu đầy hứa hẹn dẫn đầu các tỉnh về đủ phương diện... Chờ xem.

Chúng ta đã xem xét Bạc Liêu qua nhiều khía cạnh, nhưng nếu không nhấn mạnh về sự phát triển tôn giáo của tỉnh này e là điều sơ sót đáng phàn nàn. Vì là điểm đặc biệt hơn cả của tỉnh này, chính là vấn đề đạo giáo. Thật không có đâu dung nạp đủ các sắc thái về đạo giáo như Bạc Liêu, ấy là điều đáng nói. Huống chi vấn đề đạo giáo vẫn là tối đại quan hệ đến nhân sinh. Thiết tưởng xét lại Bạc Liêu với sự tín ngưỡng của nhân dân ắt chẳng đến nỗi vô bổ ích.

CÁC GIÁO PHÁI HIỆN HỮU

Các giáo phái trong toàn tỉnh Bạc Liêu, hiện nay gồm có như sau :

1. Tỉnh hội Phật học Việt Nam.
2. Tỉnh hội Phật giáo Thống nhất.
3. Thiên Chúa.
4. Tin Lành.
5. Cao đài lương phái Tiền Giang và Hậu Giang.
6. Phật giáo Hòa Hảo.
7. Dư tăng Khất sĩ.
8. Cư sĩ lâm (của người Hoa kiều).

Mỗi giáo phái có trụ sở hoặc cơ sở thờ phượng thiết lập rải rác nơi bốn quận trong tỉnh, và giáo phái nào cũng có đông đảo tín đồ.

Ngoài các nhà thờ của đạo Thiên Chúa, Tin Lành và các chùa chiền của Phật giáo mà ai cũng biết qua về hình thức, điều đáng chú ý là giáo phái Du tăng Khất sĩ thì có thiết lập tịnh xá, Cao Đài thì có Cao thượng bửu toà, Phật giáo Hòa Hảo thì có ban trị sự tỉnh, quận, phòng đọc giảng và chùa Bồ Đề.

GIÁO PHÁI TU TĂNG KHẤT SĨ

Từ khi sư trưởng Minh Đăng Quang khai sáng giáo phái Du Tăng Khất Sĩ đến nay, dần dần được dân chúng chú ý ngưỡng mộ. Rải rác khắp các tỉnh miền Đông và miền Tây nơi nào cũng có Tịnh xá của Du Tăng Khất Sĩ.

Riêng trong tỉnh Bạc Liêu, giáo phái Du Tăng Khất Sĩ do pháp sư Giác Huệ chăm nom việc tu trì hành đạo, có hai tịnh xá :

1. Tịnh xá Ngọc Lợi.

2. Tịnh xá sư nữ Ngọc Liên.

Tuy mới phát hiện gần đây, song phái Du Tăng Khất Sĩ đã được thiện nam tín nữ dành cho lắm cảm tình tốt đẹp. Dưới sự chăm nom săn sóc của pháp sư Giác Huệ tại tỉnh Bạc Liêu, Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ thịnh thế nhiều qua bước đường tu tập. Hai tịnh xá Ngọc Lợi và Ngọc Liên, một dành cho tăng sĩ, một dành cho sư nữ, được dân chúng quan chiêm ngưỡng mộ chẳng ít. Nếu những người có đạo tâm mến chuộng cảnh trí u nhàn thanh tịnh của chùa Hưng Huệ, do Tịnh Độ cư sĩ Phật hội Nam Việt xây cất trên hòn Đá Bạc, thì đối với hai tịnh xá của Du Tăng Khất Sĩ hẳn người có lòng mộ đạo ai mà chẳng luyến cảnh lằng lằng sạch bụi trần mà băng khuâng cảm mộ.

TỊNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỌC NAM VIỆT VÀ CƯ SĨ LÂM CỦA NGƯỜI HOA KIỀU

Người Việt chúng ta có phái Tịnh độ cư sĩ họp nhau làm một học hội, để các đạo hữu có nơi lui tới trao đổi tâm tình và các điều tu tập, thì người Hoa kiều ở Bạc Liêu cũng tổ chức với nhau trong « Cư sĩ Lâm » cũng mục đích như nhau.

Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Học Nam Việt của người Việt và Cư sĩ Lâm của người Hoa kiều rất khả quan với số đạo hữu càng ngày càng đông. Vì trên đường Tu Phật bao giờ số người tu tại gia cũng đông hơn số tăng ni Phật tử. Càng có nhiều cư sĩ càng chứng tỏ lòng sùng đạo của phần đông dân chúng có đạo tâm, chuộng nhân nghĩa, rắp trì chí tu hành, noi gương đức Từ Phụ mà học đòi phong thái từ bi hỉ xả, hầu trí huệ càng ngày càng được viên minh. Có như thế thì bậc cư sĩ mới sống được vẹn vẻ cả hai phần bên đời bên đạo : Bên đời thì bao giờ cũng nhiệt thành làm những công tác xã hội phước thiện, bên đạo thì luôn luôn phát Bồ đề tâm, nguyện xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, dâng công quả của mình lên đấng cao cả mà hồi hướng độ trì nhân sinh đồng loại.

CÔNG GIÁO TIN LÀNH

Đạo Thiên Chúa, Tin Lành từ lâu nay vẫn đã có hằng ngàn con chiên ngoan đạo. Mỗi chủ nhật, người người tấp nập đổ xô về hướng các nhà thờ làm lễ, đủ nói lên tấm lòng tín đồ sùng kính Chúa tinh tiến chẳng khác nào bên Phật Giáo đã thành tâm đánh lễ ngôi tam bảo.

Dưới sự chăm nom của quý vị linh mục, các tín đồ Thiên Chúa đều cảm thấy hài lòng. Những bài giảng hàng tuần vang ngân trong cảnh uy nghiêm trang trọng.

CAO ĐÀI LƯƠNG PHÁI TIỀN GIANG VÀ HẬU GIANG

Cao Đài vốn đã có uy tín với đồng bào Bạc Liêu từ khoảng năm 1936. Nên đạo này có thể coi như dung hòa tổ hợp các mối đạo, cứ xem qua việc thờ phượng đủ các bậc Thánh, Thần, Tiên, Phật thì đủ rõ. Mấy ngôi Cao thượng bửu tòa thiết lập gần đây, xem rất trang trọng tôn nghiêm. Điểm đặc biệt, trước Cao thượng bửu tòa mé bên kia bờ sông, có dựng tượng ông Ngô Quang Chiêu cõi rồng.

Về trước, một họ lớn có danh vọng nhất nhì trong tỉnh Bạc Liêu là họ Cao Triều, vẫn đã từng nhiệt thành, sùng phụng nền đạo Cao Đài. Có thể nói ông Chung Bá Khánh đã tâm thành quy ngưỡng Phật giáo Hòa Hảo thế nào, thì ông Cao Triều Phát cũng cảm mộ Cao Đài chẳng kém.

Trải qua lăm cuộc thăng trầm, vì thời cuộc biến thiên, lòng người điên đảo, nhất là từ khi đức Hộ pháp Phạm Công Tắc quy thiên, tín đồ Cao Đài chẳng khỏi ngậm ngùi. Giờ đây nền đạo phục hưng, cơ tiến hóa đùn đẩy, Cao Đài xem ra nhiều khởi sắc, các tín đồ đầy lòng hoan hỉ tín nhiệm nơi các đấng thiêng liêng mà sẵn sàng làm công quả.

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Giáo phái Phật giáo Hòa Hảo, thì đang phát triển trên đường tuyên dương, và truyền bá giáo lý tu nhân học Phật của đức Huỳnh giáo chủ. Từ năm 1942, Bạc Liêu đã từng được tiếp xúc với đức Huỳnh giáo chủ. Khi ngài bị thực dân Pháp đưa đi an trí, nơi đây qua sự bảo lãnh của ông Ký Giỏi (Võ Văn Giỏi) với chính quyền hồi ấy. Những nhân vật đầu tiên qui y thọ giáo với Huỳnh giáo chủ gồm có ông bà ký Võ Văn Giỏi, ông bà hội đồng Chung Bá Khánh, ông hội đồng Điều v.v... Lại nữa, khu đức Huỳnh giáo chủ thọ bệnh, bác sĩ Cao Triều Lợi cũng đã tận tâm điều trị với cảm tình chan chứa. Các tín đồ trong thời đó, kể được hơn 2.000 người.

Ngày nay, ngoài ba ngôi chùa Bồ đề đã xây cất xong, hai ở Vĩnh Lợi, và một ở Giá Rai, trụ sở giáo hội tỉnh cũng được thành lập trong năm 1965, tại đường Nguyễn Du. Phật giáo Hòa Hảo càng có thêm đông tín đồ trong tỉnh.

Mỗi tháng vào 6 ngày chay : mồng 8, 14, 15, 23, 30 và mồng 1 đều có lễ cúng chùa Bồ đề, rồi đọc giáo lý trên máy ghi âm cho đồng bào, đồng bào tại tỉnh lãnh hội.

TỔNG KÊ CÁC CƠ SỞ THỜ PHƯỢNG

Kể về các cơ sở thờ phượng, của tất cả giáo phái có trong tỉnh Bạc Liêu, xin mời quý bạn ghé mắt qua bảng liệt kê dưới đây thì rõ :

CƠ SỞ THỜ PHƯỢNG

VĨNH LỢI : 1 Đình, 3 Nhà thờ Công giáo, 1 Hội thánh Tin Lành, 5 Chùa Nam Vang, 4 Chùa Huê kiều, 1 Tịnh độ cư sĩ, 2 Cao Đài, 2 Chùa Hòa Hảo, 7 Chùa Miên.

VĨNH CHÂU : 3 Chùa Nam Vang, 2 Tịnh độ cư sĩ, 18 Chùa Miên.

GIÁ RAI : 4 Đình, 5 Nhà thờ Công giáo, 5 Chùa Nam Vang, 5 Chùa Huê kiều, 3 Tịnh độ cư sĩ, 8 Cao Đài, 1 Chùa Hòa Hảo.

PHƯỚC LONG : 2 Nhà thờ Công giáo, 5 Chùa Nam Vang, 1 Tịnh độ cư sĩ, 3 Cao Đài, 3 Chùa Miên.

Xem bảng liệt kê, quý bạn có cảm nghĩ như thế nào ? Nhiều chẳng ? ít chẳng ?

Không phải so sánh các tỉnh khác đâu xa, cứ lấy ngay Cà Mau vốn là một quận của Bạc Liêu khi xưa mà so về sự phát triển tông giáo, ta sẽ nhận thấy như thế Bạc Liêu vẫn còn là ít đấy.

Dựa theo một bảng thống kê của chánh quyền trong năm 1961, về mặt tông giáo hoàn toàn bị hạn chế. Các nhà thờ, đình, chùa, thánh thất, hầu hết đều bị tàn phá. Sau tiếp theo chính quyền quốc gia, tái lập ban bố quyền tự do tín ngưỡng, các tông giáo được phát triển tít đờ khắp nơi, nhất là Công giáo, Tịnh độ cư sĩ. Nhân dân bèn xây dựng lại các cơ sở thờ phượng, chấn hưng nền giáo lý cổ truyền của dân tộc. Trong tỉnh lỵ có 5 đền thần, 1 chùa Phật, 1 chùa Bà, 4 nhà giảng Tin Lành, 4 Thánh Thất Cao Đài, 28 chùa Tịnh Độ Cư Sĩ, 42 Miếu, 16 Nhà Thờ Công Giáo.

Cà Mau mà còn phát triển tôn giáo đến mức ấy huống là Bạc Liêu ?

Vả chẳng, Bạc Liêu xưa kia là người Hoa kiều chiếm đa số và người Miên cũng khá đông ; mà người Miên và người Hoa kiều lại càng nhiều tín ngưỡng hơn cả người Việt, cho nên các ngôi chùa Miên và các ngôi chùa Hoa kiều lại cũng chiếm đa số, chẳng lạ gì. Điều đáng nói hơn cả, ngoài các chùa của người Hoa kiều thờ Ông (Quan thánh đế quân) Bà Mã Châu v.v...còn có một ngôi chùa Ông ở ngang chợ Bạc Liêu, bến đò đi qua, có sắc thái đặc biệt khác lạ hơn cả mọi nơi.

MỘT NGÔI CHÙA ĐẶC BIỆT CỦA HOA KIỀU

Qua bến đò ngang chợ Bạc Liêu sẽ trông thấy một ngôi chùa của người Hoa kiều thiết lập đã lâu rồi. Chùa thờ các vị :

1. Quan Đế.
2. Châu Xương.
3. Ông Bổn.
4. Bắc Đế.
5. Ông Tê (Tê Thiên Đại Thánh).

Hằng năm, đến ngày lễ chánh của chùa, họ bày lắm trò rùng rợn, ma quái : xiêng quay, ngòi chông, tắm dầu sôi, đi trên than lửa v.v...

Ngoài ra, còn bày thêm cuộc lên đồng, chỉ cho bắt ma. Lắm chuyện thần kỳ, quái đản, rùng rợn cả người.

Thế mà số đông dân chúng sùng kính rất mực. Điều này chứng tỏ vấn đề tín ngưỡng ở Bạc Liêu quả thật tự do.

Có người bảo rằng, Bạc Liêu là tỉnh thần huyền. Có lẽ không sai mấy.

Xuyên qua các giáo phái mà chúng tôi đã phác họa vài nét đại cương, nhất là một ngôi chùa đặc biệt của Hoa kiều dầy dẫy mê tín dị đoan, làm điển hình cho sự tín ngưỡng thần huyền của đa số tại đây, bạn có cảm nghĩ gì ? Tốt hay xấu ? Có lợi hay có hại ?

Sùng mộ đạo giáo là điều rất hay, bổ ích cho sự tu dưỡng thân tâm. Nhưng tuyệt đối không nên mê tín những tà thuyết, những chuyện ẩn ức, sự đối trá với tính cách lương gạt, làm tiền đồng bào vốn sẵn nặng lòng tín ngưỡng.

Dẫu sao, bên cạnh cuộc canh tân kiến thiết vĩ đại, tọa lập cảnh đời mới, cho đồng bào sống an vui trong đời sống mới, đầy đủ tiện nghi của thời đại khoa học, mà dân chúng vẫn còn có lòng mộ đạo, âu cũng là điều

tốt đẹp. Vì có sự thăng bằng giữa đời sống tâm linh và cảnh sống vật chất
ngoài nguê thỏa mãn thân xác, con người mới không đến nỗi sa đọa thân
tâm trong biển dục vọng đáng ngại.

TỔNG KẾT

Qua những sinh hoạt kể trên, tỉnh Bạc Liêu, từ địa hạt vị trí, lãnh vực, đến châu thổ phì nhiêu phong phú trong mấy nghìn năm lịch sử đã vang lừng khắp non sông đất Việt, những tráng lệ huy hoàng của miền quê hương đất tổ.

Tuy nhiên tỉnh Bạc Liêu cũng từng trải lắm bước thăng trầm thế cuộc. Từ ngàn xưa, vì cuộc chạy loạn của chúa Nguyễn Ánh đến đây, mà Bạc Liêu Cà Mau thành bãi chiến trường. Lại thêm những cuộc biến loạn của Hoa kiều Phủ Liêm, nhóm Thiên Địa Hội, nhóm người Miên Tia, Sum gây biết bao điêu đứng trên mảnh đất mà đại đa số quần chúng là nông dân hiền lành chất phác, củi đục làm ăn. Gần đây hơn, suốt 9 năm Ngô Đình Diệm chấp chánh, Bạc Liêu lại phải chịu cảnh tủi hờn từ một tỉnh thu hình lại thành một quận lỵ nhỏ nhoi ! Tuy nhiên, nguồn sinh lực dồi dào của mạch đất phì nhiêu vẫn là niềm an ủi khiến con dân trong tỉnh kiên trì chịu đựng được tất cả bao biến cố.

Rồi trời hết tối thì đến sáng. Theo đà canh tân, kiến thiết, chỉnh trang, Bạc Liêu ngày nay chẳng những đã lên lại địa vị cũ mà còn hứa hẹn tiến xa cho xứng đáng hơn nữa trong tương lai gần đây.

Nguồn lợi kinh tế dồi dào, ấy là có thừa điều kiện để tiến nhanh vượt xa, dành quyền dẫn đầu các tỉnh. Với bãi cát Vĩnh Châu thiên nhiên hùng vĩ, nếu thêm vào sự điểm tô nhân tạo, chắc chắn sẽ quyến rũ du khách đến viếng thăm tấp nập, kém gì những nơi danh thắng khác. Lại nữa, tâm tình dân chúng hồn nhiên chất phác, quy ngưỡng đạo giáo bằng chứng là giáo phái nào cũng có đông đạo hữu tín đồ, do đó đời sống nhân dân có sắc thái hiền hòa. Về các phương diện : y tế, giáo dục, văn hóa, các công tác đều đang trên đà phát triển, đây hứa hẹn tốt đẹp. Ngàn ấy dữ liệu khả quan, cho ta có quyền lạc quan tin tưởng Bạc Liêu rồi sẽ là tỉnh khả ái nhất, nhiều du khách đến viếng nhất trong các tỉnh miền Tây.

Các nhân vật ưu tú của tỉnh nhà, về mọi ngành hoạt động, từ trước đến nay từng đã treo cao thính giá, góp công góp của, đặc lực trong việc phụng sự quốc gia dân tộc, kể ra cũng khá nhiều, đủ để gieo tiếng tốt cho quê hương, để tên trong lịch sử. Ba họ lừng lẫy tiếng tăm nhất trong tỉnh là Trần Trinh (Trạch), Chung Bá (Khánh), Cao Triều (Phát) người người đều biết. Các văn nhân ký giả khét tiếng trong làng văn làng báo, ai còn lạ gì với tên tuổi Nguyễn Văn Đính, Tố Phang, Việt Quang, Phi Vân. Các nhạc sĩ, nghệ sĩ Cao Văn Lầu, Lư Hòa Nghĩa cũng đã để tiếng thơm một thuở cho xứ sở. Ngoài ra còn có lắm vị bác sĩ, kỹ sư, giáo sư v.v... hoặc đang phục vụ trong lãnh vực của mình tại tỉnh nhà, hoặc đã ra đi phục vụ khắp nơi trên lãnh thổ miền Nam, hầu thúc đẩy guồng máy đất nước tiến mạnh. Bạc Liêu đã ôm vào lòng những đứa con đất nước đáng yêu, tất nhiên với lòng triu mến, kỳ vọng ở đoàn hậu tấn noi gương đôi bước, mảnh đất đầy sinh lực nẩy nở này, rồi sẽ tài bồi trưởng dưỡng nhân tài chẳng ít.

Dựa vào các ưu điểm đã nêu, trong cuộc thi đua vượt tiến giữa các tỉnh miền Tây, ta có thể tin chắc Bạc Liêu sẽ có bộ mặt huy hoàng hơn các nơi. Và trong tinh thần hổ tương, Bạc Liêu sẽ là nguồn sinh lực tiếp tế cho các tỉnh yếu kém trên đất nước Việt Nam, để cùng vươn lên mà hãnh diện chung với năm châu thế giới.

BẠC LIÊU XƯA

HUỶNH MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản : **MAI THỜI CHÍNH**

Biên tập : **NGUYỄN GIANG**

Sửa bài : **SONG PHƯƠNG**

Bìa : **HUỶNH PHI HẢI**

In 800 cuốn, khổ 13 x 19 cm. Tại Công ty Cổ phần In Bến Thành.

Giấy phép xuất bản số : 81/ 535 CXB cấp ngày : 16/05/2002.

In xong nộp lưu chiểu tháng 08 năm 2002.



Notes

[\[←1\]](#)

Xin xem thêm ở phần thứ hai, về chương Danh nhân.

[\[← 2\]](#)

Diện tích toàn tỉnh ngày nay, so với năm 1917 chỉ còn 1/3.

[\[←3\]](#)

Từ đây xin dùng danh từ Cà Mau cho rõ ràng hơn, không lẫn với Long Xuyên bây giờ.

[\[← 4\]](#)

Ông Phủ thời ấy là ông Ng. V. H.

[\[←5\]](#)

Ba người này mỗi người xài một cách khác nhau, nhưng có cậu ba Trần Trinh Huy trong giới hào hoa đều biết danh cậu nhiều hơn hết.

[\[← 6\]](#)

Xưa kia, nơi đây có cặp rắn thần rất to, thường xuất hiện trước chỗ thờ Bà, nhiều người trông thấy.

[← 7]

Trong lúc Nguyễn vương tâu quốc chạy ra đất Bắc, gặp Tây Sơn phủ vây, lương thực thiếu thốn, ngài mới tìm đường sanh lộ ở miền Nam, được địa lợi nhân hòa, nên ngài mới thốt câu Nam thuận Bắc nghịch.

[\[← 8\]](#)

Gốc kiểng này là cây sọp.

[\[← 9\]](#)

Theo cổ tục của ông bà, trong sự cưới gả phải là sáu lễ.

[\[← 10\]](#)

Theo nhiều nhạc sĩ, bài Dạ cổ hoài lang chịu ảnh hưởng về nét nhạc của bài Hành vân.

[\[← 11\]](#)

Các nhạc sĩ còn chưa hẳn đồng ý nhau về chữ Ái tử kê hay Ai tử kê. Thâm nghĩa bài này có ý tiếc thương số phận đàn gà con mất mẹ, mà thương mến hay buồn bã. Bài này được sáng tác vào dịp vua Thành Thái vào « Nam kỳ », lúc xứ này đã mất vào tay người Pháp.

[\[← 12\]](#)

Cố soạn giả Mộng Vân còn người con kế nghiệp, lấy biệt hiệu là Mộng Vân Tứ, hiện cộng tác soạn tuồng với đoàn « Trăng Mùa Thu » và các đoàn hát hớn, được nổi tiếng lắm người biết.

[\[← 13\]](#)

Rất nhiều chi tiết trong bài này đã rút trong cuốn sách của ông Trịnh Thiên Tư.

[\[← 14\]](#)

Người xưa ở huyện Long Xuyên (Cà Mau) gọi người xứ khác đến là trai hai Huyện.

[\[← 15\]](#)

Dớn là những lá cây rụng xuống đất sinh lâu lâu ngày trở thành một thứ khoáng sản than đất đốt cháy, loại than này chưa được khai thác.